

GIÁO ÁN

MÔN KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10

Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền
Trường: THPT Hoàng Cầu
Năm học: 2022-2023

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

BÀI 1: CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CƠ BẢN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Thời lượng: 3 tiết (Bộ Kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU:

a. Kiến thức

Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội

b. Về phẩm chất.

Trung thực: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, từ đó có những định hướng về nghề nghiệp, việc làm sau khi ra trường. Tích cực tham gia tìm hiểu các hoạt động cơ bản của nền kinh tế để từ đó có kế hoạch học tập, xây dựng mục tiêu cho bản thân sau khi ra trường

Trách nhiệm: Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế

Yêu nước tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

c. Về năng lực.

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến các hoạt động kinh tế.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các hoạt động kinh tế; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia các hoạt động kinh tế; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia các hoạt động kinh tế trong xã hội.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về các hoạt động trong nền kinh tế;

- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

TIẾT 1:

1. Hoạt động: mở đầu

a) *Mục tiêu.* Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về bài học mới.

b) *Nội dung.* Học sinh quan sát tranh, ảnh, video nói về một hoạt động kinh tế đang diễn ra và trả lời câu hỏi: *Em hãy kể tên một hoạt động kinh tế đang diễn ra trong đời sống hàng ngày và chia sẻ vai trò của hoạt động này đối với đời sống xã hội.*

c) *Sản phẩm.*

- Chỉ ra một số hoạt động kinh tế cơ bản như: sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng

- Vai trò của các hoạt động: Sản xuất (tạo ra sản phẩm), phân phối - trao đổi (điều tiết sản phẩm), tiêu dùng (thỏa mãn nhu cầu của con người)

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV chiếu cho học sinh quan sát hình ảnh và vi deo. Sau thời gian quan sát học sinh làm việc cá nhân, yêu cầu học sinh tìm nội dung liên quan đến câu hỏi phía trên. Ghi câu trả lời vào vở

Sau thời gian làm việc cá nhân, học sinh trao đổi cặp đôi với các bạn xung quanh để cùng nhau hoàn thiện câu trả lời

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau quan sát hình ảnh, vi deo.
- Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.
- Làm việc cặp đôi để hoàn thiện sản phẩm chuẩn bị báo cáo
- Trong quá trình hs làm việc, giáo viên theo dõi, phát hiện các hs chưa tìm được câu trả lời để kịp thời hỗ trợ học sinh tìm được các hoạt động của nền kinh tế

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS)
- Gọi một số học sinh nhận xét kết quả.
- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Nếu không có các hoạt động kinh tế đó thì xã hội sẽ như thế nào. Trong các hoạt động đó hoạt động nào là cơ bản nhất*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày
- Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm
- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội

Gv nhấn mạnh:

Hằng ngày, chúng ta thường biết đến những vấn đề kinh tế như mua bán, giá cả, lãi suất, thu nhập,... Bài học này sẽ giúp chúng ta biết rõ hơn về các hoạt động kinh tế cơ bản và vai trò của chúng trong đời sống xã hội để chủ động, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế, tạo dựng cuộc sống tốt đẹp cho bản thân, gia đình và đóng góp cho sự phồn vinh của đất nước.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu hoạt động sản xuất

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò hoạt động sản xuất

b) Nội dung. Học sinh quan sát 2 hình ảnh trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi sau

Em hãy mô tả nội dung hoạt động sản xuất trong các hình ảnh và cho biết hoạt động đó có đóng góp gì cho đời sống xã hội.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

+ *Hình ảnh 1:* Hình ảnh 1 thể hiện hoạt động người công nhân sử dụng tư liệu lao động để sản xuất ô tô (trong lĩnh vực công nghiệp), góp phần tạo ra những chiếc ô tô cho con người sử dụng, tạo thu nhập cho người lao động trong nhà máy đó, đóng góp thuế phát triển kinh tế đất nước,

+ *Hình ảnh 2:* Hình ảnh 2 thể hiện hoạt động người nông dân sử dụng tư liệu lao động để sản xuất lúa gạo (trong lĩnh vực nông nghiệp), góp phần tạo ra lương thực cho con người, tạo thu nhập cho người nông dân và đóng góp thuế phát triển đất nước,...

+ Ngoài ra, cả hai hoạt động trên đều tạo việc làm cho những chủ thể trung gian.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</i> - GV chiếu cho học sinh quan sát hình ảnh - Học sinh làm việc cá nhân, học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi <i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> - Học sinh cùng nhau quan sát hình ảnh, vi deo. - Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. <i>Báo cáo kết quả và thảo luận</i> - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS) - Gọi một số học sinh nhận xét kết quả. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: Từ các hoạt động trên chúng ta hiểu thế nào là hoạt động sản xuất và chúng có vai trò như thế nào? <i>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội Gv nhấn mạnh: <i>Hoạt động sản xuất là hoạt động tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần đáp ứng các nhu cầu của con người. Sự phát triển của hoạt động sản xuất là cơ sở thúc đẩy việc mở rộng các hoạt động khác của con người</i>	1. Hoạt động sản xuất <i>Khái niệm:</i> Hoạt động sản xuất là hoạt động con người sử dụng các yếu tố sản xuất để tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội. <i>Vai trò:</i> Hoạt động sản xuất đóng vai trò là hoạt động cơ bản nhất trong các hoạt động của con người, quyết định đến các hoạt động phân phối - trao đổi, tiêu dùng.

TIẾT 2

Nội dung 2: Tìm hiểu hoạt động phân phối – trao đổi

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò hoạt động phân phối và trao đổi, mối quan hệ giữa hai hoạt động này.

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm cả lớp chia làm 4 nhóm tiến hành thực hiện nhiệm vụ sau

- + Nhóm 1,2: Đọc thông tin 1 và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa
- + Nhóm 3,4: Đọc thông tin 2 và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được
 - + *Thông tin 1:* + Ban Giám đốc công ty X đã quyết định phân bổ các nguồn lực máy móc, nguyên vật liệu và nhân công vào sản xuất áo sơ mi nam để xuất khẩu mang lại doanh thu và lợi nhuận cho công ty và quyết định phân chia thu nhập theo hướng tăng lương, thưởng cho người lao động, khuyến khích người có đóng góp nhiều cho công ty giúp mọi người phấn khởi, thi đua lao động sản xuất
 - + *Thông tin 2:* + Bà con xã Cán Cấu thường đến chợ để trao đổi hàng hoá, mua sắm vật dụng cho sinh hoạt và sản xuất. Việc duy trì chợ phiên là nét đẹp văn hoá của

người dân nơi đây, là nơi giao thương mua bán: người sản xuất bán được sản phẩm làm ra, người tiêu dùng mua được những thứ mình cần.

Từ đó học sinh phân biệt được thông tin 1 đề cập đến hoạt động phân phối, thông tin 2 là hoạt động trao đổi

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</i> - GV tổ chức chia lớp thành các nhóm, từ 4 nhóm - Học sinh chia nhóm và làm việc theo nhóm của mình. + Nhóm 1,2: Đọc thông tin 1 và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa + Nhóm 3,4: Đọc thông tin 2 và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa <i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình. - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo <i>Báo cáo kết quả và thảo luận</i> - Giáo viên cùng học sinh giải quyết từng thông tin <i>Thông tin 1:</i> + Gọi đại diện các nhóm trình bày nội dung làm việc và thảo luận của nhóm + Nhóm còn lại nhận xét bổ sung và rút ra khái niệm phân phối là gì <i>Thông tin 2:</i> + Gọi đại diện các nhóm trình bày nội dung làm việc và thảo luận của nhóm + Nhóm còn lại nhận xét bổ sung và rút ra khái niệm trao đổi là gì Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm <i>Từ những thông tin đã nghiên cứu, các em hiểu thế nào là phân phối, trao đổi, hai hoạt động này có vai trò và quan hệ với nhau như thế nào</i> <i>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm. - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội Gv nhấn mạnh: <i>Phân phối - trao đổi đóng vai trò trung gian, là cầu nối sản xuất với tiêu dùng. Phân phối thúc đẩy sản xuất phát triển nếu quan hệ phân phối phù hợp đồng thời có thể kìm hãm sản xuất và tiêu dùng khi nó không phù hợp. Trao đổi giúp người sản xuất bán được hàng, duy trì và phát triển được hoạt động sản xuất và người tiêu dùng mua được thứ mình cần, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng</i>	2. Hoạt động phân phối – trao đổi - Phân phối là hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất, các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm (phân phối cho sản xuất) và phân chia kết quả sản xuất cho tiêu dùng (phân phối cho tiêu dùng). - Trao đổi là hoạt động đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng (bao gồm cả tiêu dùng cho sản xuất và tiêu dùng cho sinh hoạt).

Nội dung 3: Tìm hiểu hoạt động tiêu dùng

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò của tiêu dùng

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm đã phân chia ở trên, các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

1/ Các nhân vật trong hai bức tranh trên đang sử dụng sản phẩm gạo với mục đích gì?

2/ Dịch bệnh COVID- 19 khiến hoạt động tiêu dùng thay đổi như thế nào? Những thay đổi của hoạt động tiêu dùng có tác động gì đến đời sống xã hội?

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

+ Ở tranh 1, gạo được sử dụng với mục đích để con người tiêu dùng trực tiếp, còn gạo ở tranh 2 được sử dụng làm đầu vào của một hoạt động kinh tế khác (kinh doanh quán cơm bình dân).

+ Dịch bệnh đã thay đổi tới nhu cầu tiêu dùng: Chuyển sang các mặt hàng bảo vệ sức khỏe, thói quen tiêu dùng: mua hàng online nhiều hơn. Những thay đổi đó vừa tác động tích cực: thúc đẩy một số ngành sản xuất phát triển những cũng tác động tiêu cực: Một số ngành sản xuất không phát triển được phải đóng cửa.

- Học sinh rút ra được nội dung của khái niệm tiêu dùng,

Tiêu dùng là hoạt động con người sử dụng các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ để thoả mãn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</i> - GV tổ chức chia lớp thành các nhóm, từ 4-6 nhóm - Học sinh chia nhóm và làm việc theo nhóm của mình. Nhiệm vụ các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>1/ Các nhân vật trong hai bức tranh trên đang sử dụng sản phẩm gạo với mục đích gì?</i> <i>2/ Dịch bệnh COVID- 19 khiến hoạt động tiêu dùng thay đổi như thế nào? Những thay đổi của hoạt động tiêu dùng có tác động gì đến đời sống xã hội?</i> <i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình. - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo <i>Báo cáo kết quả và thảo luận</i> - Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm + Gọi 2 nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm <i>Từ những thông tin đã nghiên cứu, các em hiểu thế nào là tiêu dùng, tiêu dùng có vai trò như thế nào</i> <i>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm. - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội	3. Hoạt động tiêu dùng Tiêu dùng là hoạt động con người sử dụng các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ để thoả mãn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. - Tiêu dùng được coi là mục đích của sản xuất, - Tiêu dùng giữ vai trò là căn cứ quan trọng để xác định số lượng, cơ cấu, chất lượng, hình thức sản phẩm.

Gv nhấn mạnh:

Hoạt động tiêu dùng bao gồm tiêu dùng cho sinh hoạt và tiêu dùng cho sản xuất. Tiêu dùng là mục đích, là động lực thúc đẩy sản xuất phát triển. Vì vậy, mỗi người cần tiêu dùng hợp lý, có kế hoạch để trở thành người tiêu dùng thông minh.

TIẾT 3

3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu. Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) Nội dung. Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

+ *Trường hợp a:* Sản xuất xanh là việc áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng như: sử dụng nguyên vật liệu, phương tiện tiêu thụ ít điện năng, điện mặt trời, không gây ô nhiễm môi trường,... Việc thực hiện sản xuất xanh mang lại lợi ích cho doanh nghiệp như: tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh, có cơ hội bước chân vào thị trường khó tính đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, giảm thiểu ô nhiễm và phát thải khí nhà kính hướng tới phát triển bền vững cho nền kinh tế. Thực hiện sản xuất xanh thể hiện vai trò của hoạt động sản xuất đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế góp phần bảo vệ môi trường, tạo ra các sản phẩm có chất lượng tốt bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng.

+ *Trường hợp b:* Giải pháp điều chỉnh hoạt động phân phối thu nhập của doanh nghiệp Y giúp doanh nghiệp tiếp tục duy trì được hoạt động sản xuất, giữ chân được người lao động. Người lao động sẽ tiếp tục có việc làm, có thu nhập tuy thấp nhưng vẫn duy trì được cuộc sống, giữ được việc làm ổn định.

+ *Trường hợp c:* Bán hàng trực tuyến là loại hoạt động trao đổi. Hoạt động này có nhiều ưu điểm: không tốn chi phí thuê mặt bằng, nguồn nhân lực, có nhiều tiện lợi cho người tiêu dùng,... Tuy nhiên, cũng có những hạn chế như: mất thời gian chờ đợi để nhận được hàng hoá, sản phẩm nhận được nhiều khi không đúng như quảng cáo,... Để hạn chế những tiêu cực của hoạt động này, Nhà nước cần tăng cường hoạt động quản lý các trang thương mại điện tử, tăng cường chế tài xử phạt các vụ việc ảnh hưởng xấu đến quyền lợi người tiêu dùng, còn người tiêu dùng cũng cần tìm những nơi bán hàng có uy tín để mua sản phẩm,...

+ *Trường hợp d:* Hoạt động tiêu dùng các sản phẩm làm từ nhựa gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và ảnh hưởng nhiều đến đời sống xã hội. Cần có biện pháp giảm bớt việc sử dụng này như: thay đổi thói quen dùng sản phẩm nhựa bằng sử dụng các vật dụng làm từ chất liệu dễ phân huỷ như: gỗ, giấy,...

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

Bài tập 2: Em hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong những tình huống

a) Mục tiêu. Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) Nội dung. Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

+ Trường hợp a: Việc làm giả sản phẩm một số thương hiệu nổi tiếng là vi phạm pháp luật về cạnh tranh nên chị H không nên làm như vậy.

+ Trường hợp b: Nếu là N, em sẽ nói với bố mẹ rằng các bạn HS rất ham chơi trò chơi điện tử, bố mẹ kinh doanh vì muốn thu được nhiều tiền từ HS trốn học, bỏ tiết để chơi điện tử là không nên.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

Bài tập 3: Em hãy cùng các bạn đóng vai "Táo quân châu trời"

a) Mục tiêu. Học sinh thấy được mối quan hệ giữa các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất thông qua vai diễn

b) Nội dung. Học sinh sẽ tiến hành vai diễn theo đã phân công và chuẩn bị

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

+ *Vai trò của từng hoạt động kinh tế được thể hiện sinh động trong đời sống thực tiễn*

+ *Thấy được mối quan hệ giữa các hoạt động này*

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên giao trước nội dung này cho học sinh từ các tiết trước để học sinh chuẩn bị,

Mỗi nhóm xây dựng kịch bản với bối cảnh các Táo Sản xuất, Táo Phân phối - Trao đổi và Táo Tiêu dùng lên báo cáo tình hình hoạt động của nền kinh tế với Ngọc Hoàng. Từng vai Táo khẳng định lĩnh vực mình phụ trách có những đóng góp quan trọng trong đời sống xã hội.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau thể hiện vai diễn
- Trong quá trình hs làm việc, giáo viên yêu cầu các học sinh không tham gia vai diễn ghi chép về nội dung diễn xuất của từng Táo gắn với nội dung bài học

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên đã diễn, trên một số phương diện sau
 - + ưu điểm, hạn chế, mặt cần khắc phục.
 - + Bình chọn vai diễn xuất sắc nhất

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trình diễn của các nhóm, chỉ ra mặt ưu điểm, hạn chế, cũng như chỉ ra mối liên hệ với bài học thông qua việc nhấn mạnh mối quan hệ giữa các hoạt động kinh tế

Gv nhấn mạnh:

Trong đời sống xã hội, các hoạt động: sản xuất, phân phối - trao đổi, tiêu dùng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong mỗi quan hệ đó, sản xuất là gốc, có vai trò quyết định; tiêu dùng là mục đích, là động lực của sản xuất, còn phân phối và trao đổi là cầu nối sản xuất với tiêu dùng, có tác động đến cả sản xuất và tiêu dùng.

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy cùng các bạn trong nhóm xây dựng ý tưởng kinh doanh trực tuyến một mặt hàng nào đó.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học về vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. Học sinh cùng trao đổi và thảo luận để hoàn thành bài tập ở nhà. Lựa chọn một hoạt động có thể đã làm hoặc có thể thực hiện được từ đó tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách phù hợp.

c) Sản phẩm.

- HS xây dựng được ý tưởng, tổ chức được một hoạt động kinh doanh cụ thể đảm bảo tính khả thi của ý tưởng

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Giáo viên tổ chức chia nhóm, sử dụng các nhóm đã chia trong các tiết học.
- Học sinh lên ý tưởng để tổ chức một hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu ý tưởng
 - + Có tính khả thi cao
 - + Dự kiến các phương thức để tổ chức thực hiện: Kinh phí, nhân lực, loại hình, đầu ra
 - + Bước đầu đánh giá được hiệu quả kinh tế của ý tưởng đó

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm, phân công công việc và lên ý tưởng
- Lựa chọn ý tưởng, nghiên cứu hoàn thiện ý tưởng
- Có thể thực nghiệm ý tưởng trong thực tế

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các nhóm báo cáo ý tưởng đề xuất cũng như để các nhóm có thể phản biện và tranh luận với nhau từ đó hoàn thiện ý tưởng của nhóm mình

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc báo cáo, phản biện ý tưởng của các nhóm giáo viên đánh giá, kết luận về tính khả thi, tính thực tiễn cũng như đưa ra những nhận xét để giúp các nhóm có thể hiện thực hóa ý tưởng trong thực tế

Bài tập 2: Em hãy vẽ tranh cổ động cho hoạt động “tiêu dùng xanh” và chia sẻ nội dung, ý nghĩa của bức tranh với thầy cô và các bạn.

a) Mục tiêu. HS tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. Học sinh cùng trao đổi và thảo luận trong nhóm để hoàn thành bài tập ở nhà. Khuyến khích các mô hình, ý tưởng sáng tạo để thể hiện rõ hoạt động tiêu dùng xanh.

c) Sản phẩm.

- HS xây dựng được ý tưởng, hoàn thành tranh vẽ theo các yêu cầu và tiêu chí giáo viên đưa ra

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Giáo viên tổ chức chia nhóm, sử dụng các nhóm đã chia trong các tiết học.
- Học sinh lựa chọn một hoạt động tiêu dùng xanh, đưa ra các tiêu chí để xác định hoạt động đó đảm bảo yêu cầu tiêu dùng xanh
- Khuyến khích các ý tưởng vẽ sáng tạo

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm, phân công công việc và tổ chức thực hiện

- Lựa chọn ý tưởng, nghiên cứu hoàn thiện ý tưởng
- Viết bài thuyết trình cho bức tranh mà nhóm hoàn thiện

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian không gian để các nhóm trình bày trưng bày bức tranh và thuyết trình về ý tưởng của bức tranh

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các nhóm, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhóm, xếp loại cho mỗi bức tranh

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

BÀI 2: CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

Thời lượng: 3 tiết

I. MỤC TIÊU:

a) Kiến thức: Nhận biết được các chủ thể tham gia trong nền kinh tế, vai trò của các chủ thể khi tham gia nền kinh tế

b) Phẩm chất

- *Chăm chỉ*: Tích cực tham gia tìm hiểu các hoạt động cơ bản của nền kinh tế để từ đó có kế hoạch học tập, xây dựng mục tiêu cho bản thân sau khi ra trường.

Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện vai trò là chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi. Nhận biết được vai trò của các chủ thể, xác định được vị trí của bản thân với tư cách là một chủ thể từ đó có kế hoạch thực hiện tốt vai trò của mình.

- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

c. Về năng lực.

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vai trò của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến vai trò của các chủ thể kinh tế.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia nền kinh tế với vai trò chủ thể kinh tế cụ thể; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi thực hiện vai trò chủ thể kinh tế; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi thực hiện vai trò của chủ thể kinh tế cụ thể.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia thực hiện tốt vai trò là chủ thể kinh tế phù hợp với lứa tuổi; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi khi thực hiện vai trò là chủ thể kinh tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về các chủ thể tham gia nền kinh tế;

- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

TIẾT 1:

1. Hoạt động: mở đầu

a) Mục tiêu. Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề các chủ thể của nền kinh tế, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới

b) Nội dung. Học sinh cùng nhau lắng nghe bài hát: Bài ca xây dựng (sáng tác: Hoàng Vân) và trả lời câu hỏi.

1/ Hãy cho biết nhân vật chính trong các bài hát là ai.

2/ Họ đang tham gia vào các hoạt động nào trong nền kinh tế?

c) Sản phẩm.

Những người lao động trong bài hát “Bài ca xây dựng” là những người thợ xây - họ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh và là chủ thể của nền kinh tế.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV cho học sinh nghe vì đeo bài hát. Sau thời gian lắng nghe học sinh làm việc cá nhân, yêu cầu học sinh tìm nội dung liên quan đến câu hỏi phía trên. Ghi câu trả lời vào vở

Sau thời gian làm việc cá nhân, học sinh trao đổi cặp đôi với các bạn xung quanh để cùng nhau hoàn thiện câu trả lời

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau lắng nghe bài hát.

- Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.
- Làm việc cặp đôi để hoàn thiện sản phẩm chuẩn bị báo cáo
- Trong quá trình hs làm việc, giáo viên theo dõi, phát hiện các hs chưa tìm được câu trả lời để kịp thời hỗ trợ học sinh tìm được các hoạt động của nền kinh tế

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS)

- Gọi một số học sinh nhận xét kết quả.
- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Trong nền kinh tế thị trường mỗi cá nhân có thể đóng những vai trò nào trong các hoạt động kinh tế?*
- Mỗi chúng ta đều tham gia nền kinh tế với những vai trò khác nhau nhưng ít khi tìm hiểu xem nền kinh tế đang hoạt động bởi những chủ thể nào? Họ có vai trò gì trong

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày
- Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm
- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội

Gv nhấn mạnh:

Mỗi chúng ta đều tham gia vào nền kinh tế với những vai trò khác nhau, nền kinh tế đang hoạt động bởi nhiều chủ thể khác nhau, mỗi chủ thể lại có vai trò của họ trong sự phát triển của đời sống xã hội. Bài học này sẽ giúp chúng ta nhận biết được các chủ thể của nền kinh tế và vai trò của họ khi tham gia các hoạt động kinh tế

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu chủ thể sản xuất

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò chủ thể sản xuất

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc nhóm, các nhóm cùng nhau quan sát 2 hình ảnh trong sách giáo khoa, đọc thông tin đưa ra trả lời câu hỏi sau

Các nhân vật trong các bức tranh và ảnh Q tham gia vào nền kinh tế với vai trò là chủ thể gì? Họ có đóng góp gì cho đời sống xã hội?

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được
- + Hình ảnh 1: Các nhà đầu tư tiến hành tham dự Đại hội cổ đông
- + Hình ảnh 2: Người công nhân đang tiến hành hoạt động may áo
- + Thông tin: Anh Q đã làm tốt vai trò của mình là: vừa sản xuất ra sản phẩm có chất lượng phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng, vừa biết góp phần giải quyết việc làm, đóng thuế cho ngân sách nhà nước và giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</i> - GV tổ chức chia nhóm lớp (4 -6 nhóm) - GV chiếu cho các nhóm học sinh quan sát hình ảnh sau đó yêu cầu học sinh đọc thông tin đưa ra - Học sinh làm việc theo nhóm của mình, suy nghĩ và trả lời câu hỏi <i>Các nhân vật trong các bức tranh và ảnh Q tham gia vào nền kinh tế với vai trò là chủ thể gì? Họ có đóng góp gì cho đời sống xã hội?</i> <i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> - Học sinh cùng nhau quan sát hình ảnh, vi deo. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. <i>Báo cáo kết quả và thảo luận</i>	1. Chủ thể sản xuất <i>Khái niệm:</i> Chủ thể sản xuất là những người sản xuất cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Chủ thể sản xuất gồm các nhà đầu tư, sản xuất, kinh doanh. <i>Vai trò:</i> <i>Bản thân họ:</i> sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận. <i>Đối với xã hội:</i> thoả mãn

- Giáo viên gọi 2 nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: Từ các hoạt động trên chúng ta hiểu thế nào là chủ thể sản xuất và chủ thể đó có vai trò như thế nào? <i>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của chủ thể sản xuất trong đời sống xã hội Gv nhấn mạnh: <i>Chủ thể sản xuất là cá nhân. hộ gia đình, doanh nghiệp.... trực tiếp tạo ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Chủ thể sản xuất sử dụng các yếu tố đầu vào như vốn, sức lao động, tài nguyên thiên nhiên. để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận</i>	nhu cầu hiện tại và phục vụ cho những nhu cầu trong tương lai Chủ thể sản xuất còn phải có trách nhiệm đối với con người - cung cấp những hàng hoá, dịch vụ không làm tổn hại tới sức khoẻ và lợi ích của con người trong xã hội
--	--

Nội dung 2: Tìm hiểu chủ thể tiêu dùng

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò của chủ thể tiêu dùng

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, đọc và tìm hiểu hình ảnh, thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

1/ Các nhân vật trong các bức tranh tham gia nền kinh tế với vai trò là chủ thể gì?

2/ Người tiêu dùng có vai trò gì đối với sự phát triển của xã hội? Tại sao người tiêu dùng phải có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội?

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

+ Bức tranh 1: Người tiêu dùng đang tiêu dùng hàng hóa cho bản thân mình

+ Bức tranh 2: Người tiêu dùng đang tiến hành hoạt động tiêu dùng cho sản xuất

- Người tiêu dùng thông qua hoạt động tiêu dùng sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội

- Người tiêu dùng cần phải có trách nhiệm đối với sự phát triển của xã hội vì hành vi tiêu dùng của mỗi con người sẽ tác động to lớn đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</i> - GV Yêu cầu học sinh quan sát tranh suy nghĩ và trả lời câu hỏi Sau thời gian quan sát học sinh làm việc cá nhân, yêu cầu học sinh tìm nội dung liên quan đến câu hỏi phía trên. Ghi câu trả lời vào vở Sau thời gian làm việc cá nhân, học sinh trao đổi cặp đôi với các bạn xung quanh để cùng nhau hoàn thiện câu trả lời Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau quan sát hình ảnh, đọc thông tin. - Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. - Làm việc cặp đôi để hoàn thiện sản phẩm chuẩn bị báo cáo - Trong quá trình hs làm việc, giáo viên theo dõi, phát hiện các hs chưa tìm được câu trả lời để kịp thời hỗ trợ học sinh tìm được các hoạt động của nền kinh tế	2. Chủ thể tiêu dùng - Chủ thể tiêu dùng là người mua hàng hoá, dịch vụ để thoả mãn nhu cầu tiêu dùng cho sinh hoạt, sản xuất,... - Chủ thể tiêu dùng có vai trò định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển, có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững

Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS) - Gọi một số học sinh nhận xét kết quả. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Nếu không có các hoạt động tiêu dùng thì xã hội sẽ như thế nào.</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội Gv nhấn mạnh: <i>Nền kinh tế có nhiều khởi sắc khiến tiêu dùng của người dân có xu hướng tăng. Nhờ vậy, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nhanh hơn, kích thích sản xuất, kinh doanh phát triển. Nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng ngày càng phong phú, đa dạng là động lực quan trọng, định hướng cho sản xuất phát triển</i>	của xã hội.
--	-------------

TIẾT 2

Nội dung 3: Chủ thể trung gian

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò của chủ thể trung gian

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm (4-6 nhóm), các nhóm cùng nhau nghiên cứu các nhiệm vụ đặt ra và trả lời câu hỏi

Nhóm 1,2,3: Hình ảnh 1 và thông tin 1

Nhóm 4,5,6: Hình ảnh 2 và thông tin 2

Chủ thể tham gia hoạt động kinh tế trong mỗi bức tranh trên là ai? Hoạt động của họ đóng góp gì cho đời sống xã hội?

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được các chủ thể tham gia trong các hình ảnh và thông tin

+ Hình ảnh 1: Chủ thể tham gia là các tiểu thương họ làm nhiệm vụ mua hàng từ người sản xuất và bán lại cho người tiêu dùng, vai trò của họ là cầu nối để đưa hàng hóa từ nhà sản xuất đến tay người tiêu dùng

+ Hình ảnh 2: Họ là những người cung cấp dịch vụ việc làm, vai trò của họ là cầu nối giữa các hoạt động sản xuất kinh doanh với người lao động.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
--	-------------------------

Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức chia lớp thành các nhóm, từ 4-6 nhóm - Học sinh chia nhóm và làm việc theo nhóm của mình. Nhiệm vụ các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>Nhóm 1,2,3: Hình ảnh 1 và thông tin 1</i> <i>Nhóm 4,5,6: Hình ảnh 2 và thông tin 2</i> <i>Chủ thể tham gia hoạt động kinh tế trong mỗi bức tranh trên là ai? Hoạt động của họ đóng góp gì cho đời sống xã hội?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình. - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm + Gọi 2 nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm <i>Chủ thể trung gian có vai trò như thế nào đối với các khâu của quá trình sản xuất và tiêu dùng</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm. - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội Gv nhấn mạnh: <i>Do sự phát triển của sản xuất và trao đổi dưới tác động của phân công lao động xã hội. Những chủ thể trung gian xuất hiện trên thị trường thực hiện kết nối các quan hệ mua và bán.</i>	3. Chủ thể trung gian Các chủ thể trung gian là các cá nhân, tổ chức đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa các chủ thể sản xuất, tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ trên thị trường Họ có vai trò ngày càng quan trọng, là cầu nối, cung cấp thông tin trong các quan hệ mua-bán, sản xuất - tiêu dùng,... giúp nền kinh tế linh hoạt, hiệu quả hơn.
---	--

Nội dung 3: Chủ thể nhà nước

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được khái niệm, vai trò của chủ thể nhà nước

b) Nội dung. Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm (4-6 nhóm), các nhóm cùng nhau nghiên cứu các nhiệm vụ đặt ra và trả lời câu hỏi

Nhóm 1,2,3: Hình ảnh 1 và thông tin 1

Nội dung các bức tranh trên thể hiện Nhà nước đã làm gì để tạo điều kiện cho các chủ thể kinh tế được tự chủ, tổ chức các hoạt động kinh tế thuận lợi?

Thông tin 1 cho thấy Nhà nước đã làm gì trước những khó khăn của nền kinh tế do tác động của đại dịch COVID- 19?

Nhóm 4,5,6: Hình ảnh 2 và thông tin 2

Nội dung các bức tranh trên thể hiện Nhà nước đã làm gì để tạo điều kiện cho các chủ thể kinh tế được tự chủ, tổ chức các hoạt động kinh tế thuận lợi?

Thông tin 2 cho biết Nhà nước đã làm gì để giải quyết vấn đề đói nghèo trong xã hội, thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ xã hội, đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa?

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được những việc nhà nước cần làm để thực hiện tốt chức năng vai trò quản lý nền kinh tế cũng như vai trò quản lý kinh tế của nhà nước

1/ Nhà nước ban hành luật, tạo ra khung pháp lí để các chủ thể kinh tế tự do sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật. Bên cạnh đó, Nhà nước thường xuyên tổ chức các hội nghị để giải quyết những khó khăn, vướng mắc, giúp các chủ thể kinh tế phát triển thuận lợi.

2/ Trước những khó khăn của nền kinh tế, Nhà nước đã nhanh chóng ban hành những cơ chế, chính sách như giãn nợ, miễn giảm thuế; giảm thiểu tối đa số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản.

3/ Nhà nước đã triển khai các chương trình xóa đói giảm nghèo đến các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo, tạo chuyển biến tích cực về sản xuất, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân ở những nơi khó khăn.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</i> - GV tổ chức chia lớp thành các nhóm, từ 4-6 nhóm - Học sinh chia nhóm và làm việc theo nhóm của mình. Nhiệm vụ các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi Nhóm 1,2,3: Hình ảnh 1 và thông tin 1 <i>Nội dung các bức tranh trên thể hiện Nhà nước đã làm gì để tạo điều kiện cho các chủ thể kinh tế được tự chủ, tổ chức các hoạt động kinh tế thuận lợi?</i> <i>Thông tin 1 cho thấy Nhà nước đã làm gì trước những khó khăn của nền kinh tế do tác động của đại dịch COVID- 19?</i> Nhóm 4,5,6: Hình ảnh 2 và thông tin 2 <i>Nội dung các bức tranh trên thể hiện Nhà nước đã làm gì để tạo điều kiện cho các chủ thể kinh tế được tự chủ, tổ chức các hoạt động kinh tế thuận lợi?</i> <i>Thông tin 2 cho biết Nhà nước đã làm gì để giải quyết vấn đề đói nghèo trong xã hội, thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ xã hội, đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa?</i> <i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình. - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo <i>Báo cáo kết quả và thảo luận</i> - Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm + Gọi 2 nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm <i>Chủ thể nhà nước có vai trò như thế nào đối với các hoạt động của nền kinh tế</i> <i>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm. - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội Gv nhấn mạnh: <i>Nhà nước là một chủ thể của nền kinh tế có vai trò điều tiết và tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể kinh tế khác hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Nhà nước cũng tác động để điều chỉnh và khắc phục những vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội</i>	4. Chủ thể nhà nước Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi và đảm bảo ổn định chính trị - xã hội cho sự phát triển kinh tế. - Nhà nước xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, ban hành các chính sách, trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dẫn dắt nền kinh tế phát triển theo mục tiêu; xây dựng kết cấu hạ tầng sản xuất, kết cấu hạ tầng xã hội, phát triển và kinh doanh những dịch vụ công cộng như bảo đảm an ninh, quốc phòng, tài chính, tín dụng, năng lượng, giao thông, viễn thông,...; khắc phục những bất ổn trong nền kinh tế như khủng hoảng, thất nghiệp, lạm phát,... - Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa.

TIẾT 3

3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Em hãy đọc các trường hợp sau để trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức về các chủ thể của nền kinh tế; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống. Biết nhận xét đánh giá các hiện tượng của đời sống xã hội đang diễn ra liên quan đến các chủ thể của nền kinh tế

b) Nội dung. Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Tiêu dùng an toàn là sử dụng những sản phẩm đảm bảo an toàn cho sức khỏe, không chứa chất độc hại, đảm bảo về kỹ thuật sản xuất, bảo vệ môi trường,... Để thực hiện tiêu dùng an toàn, người tiêu dùng phải có kỹ năng lựa chọn những sản phẩm sạch, đạt tiêu chuẩn an toàn, có thương hiệu uy tín, được bày bán ở những nơi tin cậy; người sản xuất phải làm ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP là các quy định về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản ở Việt Nam; bao gồm những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, thu hoạch, sơ chế đảm bảo sản phẩm an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Các chủ thể trung gian tổ chức nhiều siêu thị, hội chợ để cung ứng hàng nông sản sạch cho người tiêu dùng.

b. Đóng góp của tập đoàn N trong việc xây dựng xã hội số ở Việt Nam thể hiện ở việc tham gia mạnh vào thị trường dịch vụ số, cung cấp các dịch vụ chuyển đổi số cho các bộ, ngành, chính quyền các tỉnh thành và các doanh nghiệp, phát triển mạnh giải pháp đô thị thông minh, đồng thời phát triển dịch vụ số cá nhân.

Nhà nước thành lập doanh nghiệp nhà nước N chuyên đầu tư, sản xuất, kinh doanh lĩnh vực bưu chính và viễn thông - một lĩnh vực dịch vụ công quan trọng mà các công ty tư nhân khó thực hiện. Bên cạnh việc duy trì phát triển các dịch vụ viễn thông cốt lõi, Nhà nước yêu cầu tập đoàn N đi đầu trong việc cung cấp các dịch vụ chuyển đổi số phục vụ cho mục tiêu cải cách hành chính, xây dựng chính phủ điện tử, phát triển dịch vụ số cá nhân, góp

d) Tổ chức thực hiện

Chuyên giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế với tư cách là một chủ thể

Bài tập 2: Nhận xét việc thực hiện trách nhiệm công dân của các chủ thể kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế trong những trường hợp sau:

a) Mục tiêu. Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) Nội dung. Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

Trường hợp a: Anh V thể hiện trách nhiệm công dân qua việc chủ động tìm kiếm việc làm để đảm bảo cuộc sống; tìm tòi, học hỏi, lựa chọn được mô hình kinh doanh phù hợp phát

triển kinh tế gia đình, tạo việc làm cho người lao động và còn hỗ trợ, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn.

- Trường hợp b: Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc, xây dựng văn hoá tiêu dùng của người Việt Nam, có ý nghĩa sâu sắc đối với sự phát triển bền vững nền kinh tế đất nước.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế với tư cách là một chủ thể

Bài tập 3: Em hãy xử lý các tình huống sau

a) Mục tiêu. Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về các hoạt động kinh tế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) Nội dung. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lý. GV cũng có thể tổ chức cho HS sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống. Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc một đến hai nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Do gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm nên bà con nông dân không bán được hàng. Trong trường hợp này, người tiêu dùng nên hỗ trợ, mua sản phẩm nhiều hơn để cân đối cung cầu, giúp người sản xuất khỏi bị thua lỗ, tiếp tục tái sản xuất để cung cấp sản phẩm cho xã hội.

b. Hiện nay, một số công ty môi giới trên mạng xã hội có hành vi lừa đảo cung cấp thông tin giả để thu tiền phí dịch vụ nên K cần nhắc chị p phải cẩn thận, xác định rõ thông tin của công ty môi giới trước khi sử dụng dịch vụ của họ.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế với tư cách là một chủ thể

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy viết bài chia sẻ việc bản thân hoặc gia đình em đã tham gia nền kinh tế với tư cách một chủ thể kinh tế và đã thể hiện vai trò của chủ thể đó như thế nào.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học về các chủ thể của nền kinh tế vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và viết bài viết nói về việc tham gia vào nền kinh tế với tư cách là 1 chủ thể cụ thể.

c) Sản phẩm.

- HS xác định rõ được chủ thể mình tham gia là gì, những việc cần làm để thể hiện tốt vai trò đó

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS có thể chọn với tư cách là chủ thể tiêu dùng hay sản xuất kinh doanh hoặc chủ thể trung gian (với bản thân HS có thể là chủ thể tiêu dùng) để viết bài chia sẻ.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết có thể dưới dạng là một câu chuyện, một kinh nghiệm sống hoặc cùng chia sẻ về một nội dung theo yêu cầu

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về vai trò, vị trí của từng chủ thể tham gia vào nền kinh tế

Bài tập 2: Em hãy thiết kế một sản phẩm truyền thông (viết khẩu hiệu, vẽ tranh) thể hiện thông điệp phát triển kinh tế phải gắn liền với bảo vệ môi trường.

a) Mục tiêu. HS

tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. Học sinh cùng trao đổi và thảo luận trong nhóm để hoàn thành bài tập ở nhà. Khuyến khích các mô hình, ý tưởng sáng tạo để thể hiện rõ thông điệp phát triển kinh tế phải gắn liền với bảo vệ môi trường.

c) Sản phẩm.

- HS xây dựng được ý tưởng, hoàn thành tranh vẽ theo các yêu cầu và tiêu chí giáo viên đưa ra

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Giáo viên tổ chức chia nhóm, sử dụng các nhóm đã chia trong các tiết học.
- Học sinh lựa chọn một hoạt động tiêu dùng xanh, đưa ra các tiêu chí để xác định hoạt động đó đảm bảo thông điệp phát triển kinh tế phải gắn liền với bảo vệ môi trường.

- Khuyến khích các ý tưởng sáng tạo

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm, phân công công việc và tổ chức thực hiện

- Lựa chọn ý tưởng, nghiên cứu hoàn thiện ý tưởng

- Viết bài thuyết trình cho bức tranh mà nhóm hoàn thiện

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian không gian để các nhóm trình bày trưng bày bức tranh và thuyết trình về ý tưởng của bức tranh

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các nhóm, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhóm, xếp loại cho mỗi bức tranh

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
BÀI 3: THỊ TRƯỜNG
Thời lượng: 3 tiết (Bộ Kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU:

a) Kiến thức: Nêu được khái niệm thị trường, liệt kê các loại thị trường, các chức năng cơ bản của thị trường.

c. Về năng lực.

- Năng lực chung:
- + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thị trường.
- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận nhóm, khảo sát và viết báo cáo khảo sát về thị trường.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thị trường.
- Năng lực đặc thù:
- + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có những hành vi đúng khi tham gia thị trường; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia thị trường.
- + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia thị trường phù hợp với lứa tuổi.

b) Về phẩm chất

Chăm chỉ: Thường xuyên tìm hiểu tình hình thị trường ở địa phương từ đó có những điều chỉnh thích hợp để phù hợp với bản thân.

Trách nhiệm: Thể hiện ở việc học sinh có ý thức tôn trọng các chủ thể kinh tế khi tham gia vào thị trường, có thái độ và ứng xử phù hợp

Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về thị trường;
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,...).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

TIẾT 1:

1. Hoạt động: mở đầu

a) Mục tiêu. Huy động những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm của HS về những vấn đề có liên quan đến thị trường; tạo hứng thú, tâm thế học tập cho HS, dẫn vào bài mới.

b) Nội dung. Học sinh cùng nhau tham gia đóng vai về một hoạt động mua bán và trả lời được câu hỏi

1/ *Đối tượng mua bán ở cửa hàng này là gì?*

2/ *Chủ thể tham gia vào các hoạt động ở cửa hàng này là ai?*

c) Sản phẩm.

- Chỉ ra được các nhân tố của thị trường như là: hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV cho học sinh nghiên cứu và chuẩn bị trước ở nhà, phân công các thành viên tham gia HS làm việc nhóm, tự viết kịch bản theo định hướng của GV.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau đóng vai về hoạt động mua và bán.

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS)

1/ *Đối tượng mua bán ở cửa hàng này là gì?*

2/ *Chủ thể tham gia vào các hoạt động ở cửa hàng này là ai?*

- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Khi tham gia vào thị trường một cá nhân có thể đóng những vai trò nào*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày

- Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm

Chúng ta vừa xem đóng vai cảnh mua bán trong cửa hàng bán đồ dùng học tập. Đó là một thị trường hàng tiêu dùng. Vậy thị trường là gì? Thị trường có những chức năng gì? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời những vấn đề đó.

Gv nhấn mạnh:

Thị trường ra đời, phát triển gắn liền với sự phát triển của kinh tế hàng hoá, là sợi dây liên kết chặt chẽ giữa sản xuất và tiêu dùng. Vì vậy, khi tham gia thị trường với những vai trò khác nhau, mỗi chúng ta cần hiểu rõ bản chất, chức năng của thị trường và các vấn đề liên quan.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu khái niệm thị trường

a) **Mục tiêu.** Học sinh hiểu được khái niệm thị trường

b) **Nội dung.** Học sinh cùng làm việc nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin đưa ra trả lời câu hỏi sau

1/ *Sự thay đổi của quê hương S diễn ra như thế nào? Em hãy mô tả những hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá, dịch vụ trên quê hương S.*

2/ *Mục đích của các hoạt động đó là gì?*

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

1/ Quê hương S có sự thay đổi trong hoạt động mua bán. Ở đó diễn ra những hoạt động mua bán được liệt kê từ hoa cát cánh, váy áo, khăn, túi thổ cẩm,... và dịch vụ du lịch. Ngoài ra, còn diễn ra hoạt động mua bán trên không gian mạng.

2/ Bà con phải giải quyết các mối quan hệ cung - cầu, cạnh tranh, xác định giá cả, số lượng hàng hoá, dịch vụ cung ứng,... trong hoạt động trao đổi, mua bán.

Mục đích của hoạt động đó là nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất và trao đổi hàng hóa

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</i> - GV tổ chức chia nhóm lớp (4 nhóm) - GV yêu cầu các nhóm học sinh nghiên cứu thông tin trong sách giáo khoa - Học sinh làm việc theo nhóm của mình, suy nghĩ và trả lời câu hỏi 1/ <i>Sự thay đổi của quê hương S diễn ra như thế nào? Em hãy mô tả những hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá, dịch vụ trên quê hương S.</i> 2/ <i>Mục đích của các hoạt động đó là gì?</i> <i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i> - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. <i>Báo cáo kết quả và thảo luận</i> - Giáo viên gọi 2 nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.	1. Khái niệm thị trường Theo nghĩa hẹp, thị trường là nơi diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hoá. Theo nghĩa rộng, thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ. Các yếu tố cấu thành thị trường gồm: người mua - người

- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Thị trường gắn liền với mối quan hệ giữa ai với ai, sự tác động qua lại nhằm mục đích gì</i> <i>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của chủ thể sản xuất trong đời sống xã hội Gv nhấn mạnh: <i>Thị trường là nơi các chủ thể kinh tế gặp nhau để xác định số lượng, giá cả hàng hoá, dịch vụ khi mua và bán, đáp ứng nhu cầu của mỗi bên</i>	bán, hàng hoá - tiền tệ, quan hệ mua - bán, giá cả - giá trị, cung - cầu hàng hoá,...
--	--

TIẾT 2

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Các loại thị trường

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được các loại thị trường, cách phân chia các loại thị trường

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng quan sát các hình ảnh giáo viên đưa ra để từ đó phân biệt được các loại thị trường, cách phân chia thị trường.

1/ Em hãy xác định các loại thị trường trong thông tin trên.

2/ Theo em, ngoài ra còn có những loại thị trường nào khác?

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

1/ Thị trường tư liệu sản xuất và thị trường chứng khoán;

2/ Còn có nhiều loại thị trường khác như thị trường lao động, thị trường tiền tệ, thị trường bất động sản,...

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm quan sát tranh suy nghĩ và trả lời câu hỏi <i>1/ Em hãy xác định các loại thị trường trong thông tin trên.</i> <i>2/ Theo em, ngoài ra còn có những loại thị trường nào khác?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau quan sát hình ảnh, đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và thảo luận câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi 2 nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Dựa vào các tiêu chí nào để phân chia các loại thị trường</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của chủ thể sản xuất trong đời sống xã hội Gv nhấn mạnh:	2. Các loại thị trường Theo đối tượng giao dịch, mua bán, có thị trường các loại hàng hoá và dịch vụ như: thị trường lúa gạo, thị trường dầu mỡ, thị trường tiền tệ,... Theo vai trò của các đối tượng mua bán, giao dịch, có thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng, thị trường lao động, thị trường khoa học - công nghệ,... Theo phạm vi của quan hệ mua bán, giao dịch, có thị trường trong nước và thị trường quốc tế,... Theo tính chất và cơ chế vận hành có: thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo,...

Việc phân chia các loại thị trường có vai trò quan trọng đối với người sản xuất và tiêu dùng, nó góp phần định hướng cho mỗi chủ thể trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng

Nội dung 3: Các chức năng cơ bản của thị trường

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được các chức năng cơ bản của thị trường

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm (4 nhóm), các nhóm cùng nhau nghiên cứu các nhiệm vụ đặt ra và trả lời câu hỏi

Nhóm 1,2: Thông tin 1

Sản phẩm áo sơ mi kẻ ô vuông, chất liệu cotton được thị trường thừa nhận như thế nào? Thị trường đã cung cấp thông tin gì khiến Ban Giám đốc Công ty may A phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất?

Nhóm 3,4: Thông tin 2

Thông tin 2 cho thấy việc sản xuất và tiêu dùng thịt lợn được thị trường kích thích/hạn chế như thế nào?

c) Sản phẩm.

Học sinh chỉ ra được

- 1/ Sản phẩm áo sơ mi nam dài tay, kẻ ô vuông, chất liệu cotton được nhiều khách hàng ưa chuộng. Thông tin này khiến Ban Giám đốc Công ty may A điều chỉnh kế hoạch sản xuất: gia tăng sản xuất áo sơ mi chất liệu cotton, giảm sản xuất áo sơ mi chất liệu kate.

2/ Việc nguồn cung thịt lợn giảm, giá thịt lợn tăng đã khiến người chăn nuôi hướng tới các nguồn cung khác hoặc tái đàn (khi dịch tạm lắng), người tiêu dùng cũng giảm nhu cầu tiêu thụ thịt lợn, chuyển sang tiêu thụ các loại thực phẩm khác. Khi nguồn cung thịt lợn trên thị trường tăng lên, sẽ có xu hướng ngược lại.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức chia lớp thành các nhóm, từ 4 nhóm - Học sinh chia nhóm và làm việc theo nhóm của mình. Nhiệm vụ các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>Nhóm 1,2: Thông tin 1</i> <i>Sản phẩm áo sơ mi kẻ ô vuông, chất liệu cotton được thị trường thừa nhận như thế nào? Thị trường đã cung cấp thông tin gì khiến Ban Giám đốc Công ty may A phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất?</i> <i>Nhóm 3,4: Thông tin 2</i> <i>Thông tin 2 cho thấy việc sản xuất và tiêu dùng thịt lợn được thị trường kích thích/hạn chế như thế nào?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình. - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm + Gọi 2 nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm <i>Các chức năng cơ bản của thị trường được thực hiện như thế nào trong quá trình sản xuất kinh doanh?</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	3. Các chức năng cơ bản của thị trường - <i>Chức năng thừa nhận:</i> Thị trường thừa nhận công dụng xã hội của hàng hoá và lao động đã hao phí để sản xuất ra nó, thông qua việc hàng hoá có bán được hay không và bán với giá như thế nào. - <i>Chức năng thông tin:</i> Thị trường cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng thông qua những biến động của nhu cầu xã hội về số lượng, chất lượng, chủng loại, cơ cấu các loại hàng hoá, giá cả, tình hình cung - cầu về các loại hàng hoá,... - <i>Chức năng điều tiết, kích thích:</i> Trên cơ sở những thông tin thu được từ thị trường, người sản

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm. - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội Gv nhấn mạnh: <i>Các chức năng cơ bản của thị trường có vai trò quan trọng đối với người sản xuất, kinh doanh. Việc vận dụng tốt các chức năng này sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh</i>	xuất và người tiêu dùng sẽ có những ứng xử, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với sự biến đổi của thị trường, nhờ đó sản xuất và tiêu dùng được kích thích hoặc hạn chế.
--	---

TIẾT 3

3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố những kiến thức vừa khám phá qua việc bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lý tình huống,... về những vấn đề liên quan tới thị trường

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Không đồng tình, vì đó là cách hiểu truyền thống, chưa đúng. Ngày nay, thị trường thương mại điện tử diễn ra trên không gian mạng nên có thể không cần địa điểm cụ thể.

b. Không đồng tình, vì đó là cách hiểu sai về chức năng của thị trường. Đó là chức năng của sản xuất hàng hoá.

c. Không đồng tình, vì ai cũng cần đến thị trường trong nền kinh tế thị trường.

d. Không đồng tình, vì đó là cách hiểu sai về chức năng của thị trường. Đó là chức năng của sản xuất hàng hoá.

e. Đồng tình, vì đó là chức năng thứ hai của thị trường.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào thị trường

Bài tập 2: Em có nhận xét gì về việc làm của các chủ thể trong những trường hợp sau?

a) Mục tiêu. Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về thị trường vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) Nội dung. Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Ý kiến của cả hai nhân viên đều phản ánh đúng thực trạng thị trường tiêu thụ hoa quả Việt Nam ở nước ngoài, song nhân viên thứ hai đã nhìn thấy được tiềm năng của thị trường. Từ đây, có thể rút ra bài học kinh doanh: Nếu biết đón đầu, nắm bắt được tiềm năng của thị trường thì việc kinh doanh sẽ có kết quả tốt hơn.

b. Công ty Y đã khai thác chức năng thông tin của thị trường để tạo nên thành công trong kinh doanh.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào thị trường cụ thể

Bài tập 3: Em hãy xử lý các tình huống sau

a) **Mục tiêu.** Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về thị trường vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) **Nội dung.** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lý. GV cũng có thể tổ chức cho HS sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống. Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc một đến hai nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. *Nói với mẹ: Trong thời đại ngày nay, thương mại điện tử đã trở thành một xu hướng phổ biến. Phần lớn người tiêu dùng tiếp cận với Internet, ngày càng có nhiều người có thói quen mua sắm qua mạng. Thực tế không phải mặt hàng nào bán trên mạng cũng có chất lượng không cao. Do vậy, để tăng lượng khách hàng nhằm bán được nhiều, bên cạnh việc quảng bá cho sản phẩm, tích cực tương tác với khách hàng, cần bán hàng đúng mẫu mã, chất lượng như quảng cáo, giữ uy tín, tạo thương hiệu cho hàng hoá.*

b. Các biện pháp:

- *Tìm hiểu nhu cầu tiêu thụ trái cây của quê hương mình trên thị trường thế giới qua Internet và người Việt Nam ở nước ngoài.*

- *Tư vấn cho nông dân liên hệ với các công ty xuất khẩu trái cây ở Việt Nam.*

- *Nâng cao chất lượng trái cây đáp ứng chuẩn quốc tế.*

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào một hoạt động của thị trường

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy tìm hiểu, viết bài phân tích một trường hợp trong thực tiễn về chức năng của thị trường.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học về các chức năng của thị trường vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và viết bài viết nói về một trường hợp trong thực tiễn vận dụng chức năng của thị trường.

c) Sản phẩm.

- HS xác định rõ được chủ thể đã vận dụng chức năng nào, vận dụng chức năng đó như thế nào và hiệu quả ra sao

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS tìm hiểu các hoạt động kinh tế cụ thể để từ đó biết được chủ thể đã vận dụng chức năng nào của thị trường

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết có thể dưới dạng là một câu chuyện, một kinh nghiệm sống hoặc bí quyết vận dụng chức năng của thị trường vào hoạt động sản xuất kinh doanh

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về vai trò, vị trí của từng chủ thể tham gia vào nền kinh tế

Bài tập 2: Em hãy khảo sát một loại thị trường có ở địa phương em và chia sẻ nhận xét về thị trường đó theo gợi ý:

a) Mục tiêu. HS

Tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. Học sinh cùng trao đổi và thảo luận trong nhóm để hoàn thành bài tập ở nhà.

c) Sản phẩm.

- HS xây dựng báo cáo hoàn chỉnh về kết quả khảo sát thị trường

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Khảo sát một loại thị trường có ở địa phương em và chia sẻ nhận xét về thị trường đó theo gợi ý sau:

- Đối tượng khảo sát: cửa hàng văn phòng phẩm/đồ dùng học tập/đồ ăn/vật liệu xây dựng,...
- Nội dung khảo sát:
 - + Giá cả, chất lượng, mẫu mã,...
 - + Thái độ, cách bán hàng.
- Phương pháp khảo sát: quan sát, phỏng vấn, điều tra,...

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm, phân công công việc và tổ chức thực hiện

- Lựa chọn ý tưởng, nghiên cứu hoàn thiện ý tưởng

- Viết bài báo cáo về kết quả thực hiện

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để học sinh có thể báo cáo trước lớp, các nhóm khác cùng bổ sung hoàn thiện

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các nhóm, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhóm, xếp loại cho mỗi báo cáo

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

BÀI 4: CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

Thời lượng: 3 tiết (Bộ Kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU:

a) Kiến thức:

Nêu được khái niệm cơ chế thị trường, ưu, nhược điểm của cơ chế thị trường.

Khái niệm giá cả thị trường, các chức năng cơ bản của giá cả thị trường

b) Về phẩm chất

Chăm chỉ: Thường xuyên tìm hiểu, nắm bắt các diễn biến của thị trường để có những cách ứng xử, hành vi vi phạm đúng hợp lý

Trách nhiệm: Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường, phê phán những hành vi không đúng khi tham gia vào thị trường

Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

c) Về năng lực.

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về cơ chế thị trường.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thảo luận nhóm, khảo sát và viết báo cáo khảo sát về tình hình giá cả một loại hàng hoá trên thị trường ở địa phương.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến cơ chế thị trường.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi: Học sinh có thái độ, hành vi, việc làm phù hợp khi tham gia vào các quan hệ thị trường, chủ động thích ứng với những yêu cầu, đòi hỏi của cơ chế thị trường.

Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Có nhận thức đúng đắn về cơ chế thị trường, tích cực, chủ động, tham gia một cách có hiệu quả vào thị trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint;

- Kế hoạch dạy học, tranh ảnh, clip,... về cơ chế thị trường;

- Báo cáo khảo sát thị trường của HS.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

TIẾT 1:

1. Hoạt động: mở đầu

a) Mục tiêu. Kết nối kiến thức, kỹ năng từ bài học trước với bài học mới; tạo hứng thú, tâm thế học tập cho HS để dẫn vào bài mới

b) Nội dung. Học sinh cùng nhau xem video nói về bản tin thị trường giá cả hàng hóa trong nước.

1/ *Hãy nhận xét về sự biến động của giá cả một loại hàng hoá trên thị trường.*

2/ *Theo em những yếu tố nào trên thị trường tác động đến sự biến động giá cả của hàng hoá đó?*

c) Sản phẩm.

- Chỉ ra được mối quan hệ qua lại giữa các nhân tố của thị trường như là: hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV cho học sinh xem vi deo. Sau thời gian lắng nghe học sinh làm việc cá nhân, yêu cầu học sinh tìm nội dung liên quan đến câu hỏi phía trên. Ghi câu trả lời vào vở

Sau thời gian làm việc cá nhân, học sinh trao đổi cặp đôi với các bạn xung quanh để cùng nhau hoàn thiện câu trả lời

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau xem vi deo.
- Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.
- Làm việc cặp đôi để hoàn thiện sản phẩm chuẩn bị báo cáo
- Trong quá trình hs làm việc, giáo viên theo dõi, phát hiện các hs chưa tìm được câu trả lời để kịp thời hỗ trợ học sinh tìm được các hoạt động của nền kinh tế

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS)

- Gọi một số học sinh nhận xét kết quả.
- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Khi tham gia vào thị trường các chủ thể kinh tế cần quan tâm đến những yếu tố nào?, vì sao*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày
- Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm
- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của các chủ thể tham gia vào thị trường

Gv nhấn mạnh:

Tác động của nhu cầu người tiêu dùng, của việc cung ứng hàng hoá trên thị trường,... dẫn tới sự biến động của giá cả hàng hoá. Nhìn bề ngoài, dường như các chủ thể tham gia thị trường hoàn toàn tự do hoạt động theo ý muốn của mình, song thực tế không phải như vậy. Hoạt động của họ chịu sự chi phối vô hình của các quy luật kinh tế trong cơ chế thị trường. Vậy cơ chế thị trường là gì? Bài học này sẽ làm rõ bản chất, ưu - nhược điểm của cơ chế thị trường, giá cả thị trường để có những ứng xử đúng đắn khi tham gia thị trường.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu khái niệm cơ chế thị trường

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được khái niệm thị trường

b) Nội dung. Học sinh cùng làm cá nhân, đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi sau

1/ Để đứng vững trên thị trường, anh M phải giải quyết những mối quan hệ nào?

2/ Theo em, để kinh doanh thành công, cần phải tuân theo những yêu cầu nào của cơ chế thị trường?

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được một số nội dung liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra
- 1/ Doanh nghiệp của anh M phải giải quyết mối quan hệ với người tiêu dùng và các đối thủ cạnh tranh.

2/ Các yêu cầu cần giải quyết:

- Chấp nhận, tôn trọng đối thủ cạnh tranh, cạnh tranh lành mạnh;
- Xuất phát từ nhu cầu của người tiêu dùng, tính toán giảm chi phí sản xuất thấp hơn giá bán hàng hoá trên thị trường.

- HS nêu được khái niệm cơ chế thị trường là gì

Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận,... chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết nền kinh tế.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho học sinh làm việc cá nhân	1. Khái niệm cơ chế thị trường

- Sau thời gian làm việc cá nhân, yêu cầu học sinh tìm nội dung liên quan đến câu hỏi phía trên. Ghi câu trả lời vào vở 1/ Để đứng vững trên thị trường, anh M phải giải quyết những mối quan hệ nào? 2/ Theo em, để kinh doanh thành công, cần phải tuân theo những yêu cầu nào của cơ chế thị trường? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Cơ chế thị trường điều chỉnh các chủ thể kinh tế như thế nào</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật những yêu cầu của cơ chế thị trường Gv nhấn mạnh: Cơ chế thị trường là cách thức vận hành của nền kinh tế, trong đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại với nhau để phân bổ các nguồn lực, hình thành giá cả, xác định khối lượng và cơ cấu sản xuất, tiêu dùng tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế	a. Cơ chế thị trường là gì <i>Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận,... chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết nền kinh tế.</i>
---	---

TIẾT 2

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung ưu điểm cơ chế thị trường

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được ưu điểm của cơ chế thị trường

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi sau

1/ Ngành Dệt may Việt Nam đã chịu tác động gì từ cơ chế thị trường?

2/ Điều gì giúp cho ngành Dệt may Việt Nam ngày càng trụ vững và phát triển?

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được những tác động đối với ngành dệt may Việt Nam, cũng như những thay đổi để có thể thích ứng được với sự phát triển

+ *Tác động từ sự cạnh tranh quyết liệt với những doanh nghiệp mạnh trên thị trường quốc tế; nhu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế.*

+ *Tác động của cơ chế thị trường đã thúc đẩy ngành Dệt may cải kỹ thuật, tăng năng suất lao động, nắm bắt được nhu cầu của người tiêu dùng tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao, mẫu mã đẹp, phong phú, đa dạng, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu người tiêu dùng,...*

- HS rút ra được những ưu điểm cơ chế thị trường là gì

Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế.

Phân bổ lại nguồn lực kinh tế, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của các chủ thể kinh tế.

Thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của con người, từ đó thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho học sinh làm việc theo nhóm - Các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời được câu hỏi 1/ Ngành Dệt may Việt Nam đã chịu tác động gì từ cơ chế thị trường? 2/ Điều gì giúp cho ngành Dệt may Việt Nam ngày càng trỗi dậy và phát triển? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Cơ chế thị trường có những ưu điểm, mặt tích cực nào cần chú ý</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm Gv nhấn mạnh: Cơ chế thị trường thông qua các quy luật cơ bản góp phần kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế.	b. Ưu điểm của cơ chế thị trường Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế. Phân bổ lại nguồn lực kinh tế, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của các chủ thể kinh tế. Thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của con người, từ đó thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội.

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Nhược điểm của cơ chế thị trường

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được nhược điểm của cơ chế thị trường

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời được câu hỏi từ đó rút ra được những nhược điểm của cơ chế thị trường.

1/ Hãy nêu những nhược điểm của cơ chế thị trường ở thông tin trên.

2/ Theo em, ngoài những nhược điểm trên, cơ chế thị trường còn có những nhược điểm nào khác?

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được câu hỏi trong sách giáo khoa

+ *Nhược điểm như mất cân đối cung cầu, cạnh tranh không lành mạnh, hàng giả, lừa dối khách hàng.....*

- Học sinh rút ra được những nhược điểm của cơ chế thị trường

+ *Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái.*

+ *Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh gây thiệt hại cho người sản xuất và tiêu dùng.*

+ *Không tự khắc phục được hiện tượng phân hoá sâu sắc trong xã hội.*

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm đọc thông tin, suy nghĩ và trả lời câu hỏi 1/ Hãy nêu những nhược điểm của cơ chế thị trường ở	c. Nhược điểm của cơ chế thị trường + <i>Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái.</i>

thông tin trên. 2/ Theo em, ngoài những nhược điểm trên, cơ chế thị trường còn có những nhược điểm nào khác? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và thảo luận câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi 2 nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Cơ chế thị trường cũng đem lại những nhược điểm nào mà chủ thể sản xuất kinh doanh cần nắm vững</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật nhược điểm của cơ chế thị trường Gv nhấn mạnh: <i>Cơ chế thị trường tự nó cũng nảy sinh một số hạn chế, điều đó đòi hỏi Nhà nước cần tăng cường quản lý vĩ mô nền kinh tế để khắc phục, hạn chế nhược điểm của cơ chế thị trường.</i>	+ <i>Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh gây thiệt hại cho người sản xuất và tiêu dùng.</i> + <i>Không tự khắc phục được hiện tượng phân hoá sâu sắc trong xã hội.</i>
---	--

TIẾT 3

Nội dung 4: Giá cả thị trường

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được giá cả thị trường là gì, chức năng của giá cả thị trường

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm (4 nhóm), các nhóm cùng nhau nghiên cứu các nhiệm vụ đặt ra và trả lời câu hỏi

Nhóm 1,2: *Khái niệm giá cả thị trường*

Khách hàng và nhân viên bán hàng đã thoả thuận với nhau về điều gì? Kết quả của sự thoả thuận đó là gì?

Nhóm 3,4: *Chức năng của giá cả thị trường*

1/ Theo em, giá cả thị trường thể hiện chức năng thông tin và chức năng phân bổ nguồn lực như thế nào?

2/ Nhà nước đã sử dụng giá cả thị trường để quản lý, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế như thế nào? Tại sao giá cả thị trường là một công cụ để nhà nước quản lý, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế?

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến giá cả và chức năng của giá cả thị trường

+ *Khách hàng và nhân viên bán hàng đã thoả thuận với nhau về giá cả hàng hoá. Kết quả của sự thoả thuận đó là hai bên đã thống nhất được giá của hàng hoá, thời gian và địa điểm giao hàng.*

+ *Qua thông tin về giá cả của sản phẩm sữa trên thị trường, người tiêu dùng điều chỉnh, giảm bớt nhu cầu, chuyển sang dùng mặt hàng khác phù hợp hơn với khả năng thanh toán của mình; người cung ứng nhanh chóng tìm biện pháp tăng thêm sản phẩm này trên thị trường để thu nhiều lợi nhuận hơn. Để tăng thêm sản phẩm sữa trên thị trường, nguồn lực về vốn, sức lao động cũng được điều chuyển, phân bổ cho ngành sản xuất, kinh doanh sữa nhiều hơn.*

+ *Nhà nước đã sử dụng giá cả thị trường để quản lý, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế như: quy định áp trần giá sữa, yêu cầu các doanh nghiệp, đại lý sữa phải đăng kí với cơ quan quản lý giá ở địa phương, công khai mức giá bán.*

- HS rút ra được khái niệm giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường
- + *Giá cả hàng hoá là số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó.*
- + *Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường hay giá cả hàng hoá được thoả thuận giữa người mua và người bán.*

Chức năng của giá cả thị trường:

- + *Cung cấp thông tin: để các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, tăng hay giảm tiêu dùng.*
- + *Phân bổ nguồn lực: góp phần điều tiết quy mô sản xuất, cân đối cung - cầu.*
- + *Là công cụ để nhà nước thực hiện quản lí, kích thích, điều tiết nền kinh tế.*

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức chia lớp thành các nhóm, từ 4 nhóm - Học sinh chia nhóm và làm việc theo nhóm của mình. Nhiệm vụ các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>Nhóm 1,2: Khái niệm giá cả thị trường</i> <i>Khách hàng và nhân viên bán hàng đã thoả thuận với nhau về điều gì? Kết quả của sự thoả thuận đó là gì?</i> <i>Nhóm 3,4: Chức năng của giá cả thị trường</i> <i>1/ Theo em, giá cả thị trường thể hiện chức năng thông tin và chức năng phân bổ nguồn lực như thế nào?</i> <i>2/ Nhà nước đã sử dụng giá cả thị trường để quản lí, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế như thế nào? Tại sao giá cả thị trường là một công cụ để nhà nước quản lí, thực hiện mục tiêu ổn định, cân đối nền kinh tế?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi về tình huống của nhóm mình. - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm + Gọi 2 nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm <i>Giá cả thị trường là gì, giá cả thị trường có chức năng cơ bản nào</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm. - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được Gv nhấn mạnh: <i>Giá cả thị trường có vai trò quan trọng đối với người sản xuất kinh doanh và cả người tiêu dùng, nắm vững, vận dụng tốt các chức năng của giá cả thị trường sẽ góp phần giúp mỗi chủ thể sản xuất kinh doanh đưa ra các quyết định phù hợp và thu được nhiều lợi nhuận</i>	2. Giá cả thị trường :- Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường hay giá cả hàng hoá được thoả thuận giữa người mua và người bán. - Chức năng của giá cả thị trường: + <i>Cung cấp thông tin: để các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, tăng hay giảm tiêu dùng.</i> + <i>Phân bổ nguồn lực: góp phần điều tiết quy mô sản xuất, cân đối cung - cầu.</i> + <i>Là công cụ để nhà nước thực hiện quản lí, kích thích, điều tiết nền kinh tế.</i>

3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố những kiến thức vừa khám phá qua việc bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lí tình huống,... về những vấn đề liên quan tới cơ chế thị trường

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Không đồng tình, vì người sản xuất phải chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế, trong đó có quy luật cung - cầu: Phải căn cứ vào nhu cầu của người tiêu dùng để sản xuất hàng hoá với mẫu mã và giá cả hợp lí.

b. Đồng tình, vì cơ chế thị trường luôn tiềm ẩn rủi ro.

c. Không đồng tình, vì sự cạnh tranh là tất yếu trong cơ chế thị trường.

d. Đồng tình, vì đây là một chức năng của giá cả thị trường.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi vận dụng cơ chế thị trường

Bài tập 2: Em có nhận xét gì về việc hành vi của các chủ thể sau?

a) **Mục tiêu.** Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ chế thị trường vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) **Nội dung.** Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Người dân thôn S cần cân nhắc trước khi chuyển đổi sản xuất vì có thể nhu cầu dựa trên thị trường là tự phát, không bền vững,... đồng thời Nhà nước cũng cần tăng cường vai trò quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế.

b. Ông Y đã nắm bắt được nhu cầu của thị trường và hành động theo sự chi phối của quy luật cung - cầu trên thị trường.

c. Hành vi của siêu thị X vi phạm pháp luật, cần có hình phạt thích đáng.

d. Hành vi của người tiêu dùng hợp lí, dưới sự tác động của giá cả thị trường.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

Bài tập 3: Em hãy xử lý các tình huống sau

a) Mục tiêu. Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ chế thị trường vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) Nội dung. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lý. GV cũng có thể tổ chức cho HS sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống. Sau khi HS phát biểu ý kiến hoặc một đến hai nhóm thể hiện kịch bản của nhóm mình, GV mời các nhóm khác nhận xét, sau đó kết luận

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Em sẽ nói với bố mẹ: Vì đó là nghề gia truyền nên bố mẹ đã có kinh nghiệm, uy tín trong kinh doanh. Tuy nhiên, bố mẹ nên tìm hiểu kỹ về hai hàng phở đang hoạt động ở khu phố (giá cả, chất lượng, phương thức bán hàng,...). Nếu hai hàng phở đó có ưu thế cạnh tranh hơn thì bố mẹ không nên mở hàng phở nữa và ngược lại.

b. Nếu là người thân của bà Y, em sẽ nói với bà: Bà không nên làm thế. Việc làm của bà là đầu cơ tích trữ hàng hoá, góp phần đẩy giá hàng lên cao hơn, làm mất đi tính khách quan của cơ chế thị trường, gây bất lợi cho người tiêu dùng.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế dựa trên cơ chế thị trường

4. Hoạt động: Vận dụng

- **Bài tập 1:** Em hãy viết và chia sẻ quan điểm của em về nhận định “Thị trường luôn luôn đúng”.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học về cơ chế thị trường vào thực tiễn từ đó đưa ra những nhận định đánh giá của bản thân

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và viết bài viết bày tỏ quan điểm của bản thân

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS tìm hiểu và viết bài viết thể hiện quan điểm của mình về nhận định trên

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về cơ chế thị trường

Bài tập 2: Em hãy cùng các bạn trong nhóm khảo sát và viết báo cáo về tình hình giá cả thị trường một loại hàng hoá ở địa phương em. sản phẩm: Báo cáo khảo sát giá cả thị trường, video (nếu có); chú ý rút ra nhận xét

a) *Mục tiêu.* HS

Tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) **Nội dung.** Học sinh cùng trao đổi và thảo luận trong nhóm để hoàn thành bài tập ở nhà.

c) **Sản phẩm.**

- HS xây dựng báo cáo hoàn chỉnh về tình hình giá cả thị trường một loại hàng hoá ở địa phương em

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Khảo sát về tình hình giá cả thị trường một loại hàng hoá ở địa phương em và chia sẻ nhận xét về thị trường đó theo gợi ý sau:

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm, phân công công việc và tổ chức thực hiện
- Lựa chọn ý tưởng, nghiên cứu hoàn thiện ý tưởng
- Viết bài báo cáo về kết quả thực hiện

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để học sinh có thể báo cáo trước lớp, các nhóm khác cùng bổ sung hoàn thiện

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các nhóm, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhóm, xếp loại cho mỗi báo cáo

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

BÀI 5: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thời lượng: 3 tiết (Bộ Kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước; đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước.
- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về ngân sách nhà nước.
+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập về ngân sách nhà nước.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan đến ngân sách nhà nước.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: ủng hộ những hành vi chấp hành tốt và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách nhà nước.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Có hành vi đúng khi tham gia một số hoạt động liên quan đến ngân sách nhà nước.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia các hoạt động liên quan đến ngân sách nhà nước.

- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Kế hoạch dạy học, tranh ảnh, video clip về ngân sách nhà nước;

- Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

TIẾT 1:

1. Hoạt động: mở đầu

a) **Mục tiêu.** HS huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân về những vấn đề có liên quan đến ngân sách nhà nước; tạo hứng thú, tâm thế học tập của HS, dẫn vào bài mới.

b) **Nội dung.** Học sinh cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

1/ Ngân sách nhà nước góp phần cho sự phát triển của các tỉnh miền núi như thế nào?

2/ Hãy chia sẻ hiểu biết của em về ngân sách nhà nước.

c) **Sản phẩm.**

- Học sinh bước đầu hiểu được vai trò của ngân sách nhà nước đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia, dân tộc

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân, đọc, suy nghĩ và trả lời câu hỏi sách giáo khoa đưa ra

Sau thời gian làm việc cá nhân, học sinh trao đổi cặp đôi với các bạn xung quanh để cùng nhau hoàn thiện câu trả lời

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra.

- Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

- Làm việc cặp đôi để hoàn thiện sản phẩm chuẩn bị báo cáo

- Trong quá trình hs làm việc, giáo viên theo dõi, phát hiện các hs chưa tìm được câu trả lời để kịp thời hỗ trợ học sinh phát hiện được vai trò của ngân sách nhà nước đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung trên (2 – 3 HS)

- Gọi một số học sinh nhận xét kết quả.

- Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: *Đối với mỗi quốc gia, dân tộc, ngân sách nhà nước có vai trò như thế nào*

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của một số học sinh đã được yêu cầu trình bày

- Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của ngân sách nhà nước

Gv nhấn mạnh:

Ngân sách nhà nước hình thành và phát triển gắn liền với sự xuất hiện và phát triển của Nhà nước. Đó là quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất của một quốc gia, vừa là nguồn lực để duy trì bộ máy nhà nước vừa là công cụ hữu ích để Nhà nước quản lý, điều tiết nền kinh tế quốc dân và giải quyết các vấn đề xã hội. Ngân sách nhà nước có phần đóng góp rất lớn của người dân và được sử dụng vì lợi ích quốc gia, lợi ích của nhân dân

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu khái niệm ngân sách nhà nước

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được khái niệm ngân sách nhà nước

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm, nghiên cứu, quan sát sơ đồ về dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và trả lời câu hỏi sau

1/ Ngân sách nhà nước gồm các khoản thu, chi gì?

2/ Ai được quyền quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước?

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được cơ cấu của ngân sách nhà nước

+ Ngân sách nhà nước bao gồm tổng thể các khoản thu, chi theo quy định của pháp luật các khoản bội thu - bội chi trong ngân sách nhà nước

- HS nêu được khái niệm ngân sách nhà nước là gì

Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho học sinh làm việc theo nhóm - Các nhóm đọc, quan sát và phân tích các yếu tố cấu thành tổng thu và tổng chi ngân sách nhà nước năm 2018 và trả lời câu hỏi 1/ Ngân sách nhà nước gồm các khoản thu, chi gì? 2/ Ai được quyền quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Ngân sách nhà nước thường được xác định trong một thời gian là bao nhiêu?</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật cơ cấu của ngân sách nhà nước Gv nhấn mạnh: <i>Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước</i>	1. Khái niệm, đặc điểm của ngân sách nhà nước a. Khái niệm ngân sách nhà nước Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung đặc điểm của ngân sách nhà nước

a) Mục tiêu. Học sinh hiểu được đặc điểm của ngân sách nhà nước.

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi sau

1/ Mục đích của việc thu, chi ngân sách nhà nước là gì?

2/ Kể tên một số quỹ trong ngân sách nhà nước và chia sẻ hiểu biết của em về quỹ đó.

3/ Người dân đóng góp vào ngân sách nhà nước có được hoàn trả trực tiếp không? Vì sao?

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra

1/ Mục đích: giải quyết các lợi ích chung trong xã hội;

2/ Một số quỹ: quỹ dự trữ tài chính, quỹ an sinh xã hội, quỹ bảo vệ môi trường,...;

3/ Không, công dân đóng góp trực tiếp vào ngân sách nhà nước qua thuế, phí, lệ phí nhưng không nhận lợi ích trực tiếp từ sự đóng góp đó; Tuy nhiên có sự hoàn trả gián tiếp thông qua việc Nhà nước sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ cho các nhu cầu chung của xã hội.

- HS rút ra được những đặc điểm của ngân sách nhà nước.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho học sinh làm việc theo nhóm - Các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời được câu hỏi 1/ Mục đích của việc thu, chi ngân sách nhà nước là gì? 2/ Kể tên một số quỹ trong ngân sách nhà nước và chia sẻ hiểu biết của em về quỹ đó. 3/ Người dân đóng góp vào ngân sách nhà nước có được hoàn trả trực tiếp không? Vì sao? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: Ngân sách nhà nước khác với các quỹ tiền tệ khác ở điểm cơ bản nào Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm Gv nhấn mạnh: Ngân sách nhà nước mang tính pháp lý cao, nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền sở hữu và quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước.	b. Đặc điểm của ngân sách nhà nước + Ngân sách nhà nước mang tính pháp lý cao. Việc tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước được tiến hành trên cơ sở Luật Ngân sách nhà nước. + Nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền sở hữu và quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước. + Ngân sách nhà nước hướng tới mục tiêu giải quyết các quan hệ lợi ích chung trong xã hội. + Ngân sách nhà nước được chia thành nhiều quỹ nhỏ có tác dụng riêng để chi dùng cho những mục đích đã có trong kế hoạch. + Hoạt động thu, chi của ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp.

TIẾT 2:

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của ngân sách nhà nước

a) Mục tiêu. HS nêu được các vai trò của ngân sách nhà nước.

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời được câu hỏi từ đó rút ra được vai trò của ngân sách nhà nước.

1/ Trong sơ đồ 2, khoản chi nào dành cho hoạt động của bộ máy nhà nước?

2/ Thông tin 1 cho biết ngân sách nhà nước đã góp phần định hướng phát triển sản xuất để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý như thế nào?

3/ Thông tin 2 cho biết ngân sách nhà nước góp phần điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, Idem chế lạm phát như thế nào?

4/ Thông tin 3 cho biết gia đình anh T đã được hỗ trợ từ quỹ phúc lợi của ngân sách nhà nước như thế nào?

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được câu hỏi trong sách giáo khoa

1/ Khoản chi thường xuyên;

2/ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thực hiện chính sách ưu đãi để chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý,...

3/ Sử dụng quỹ dự trữ quốc gia để cung ứng đầy đủ, kịp thời lương thực, thực phẩm cho những người gặp khó khăn trong dịch COVID - 19.

4/ Các con anh T được hỗ trợ kinh phí để đi học, mọi người trong gia đình được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, được hỗ trợ kinh phí chuyển đổi mô hình sản xuất để thoát nghèo.

- Học sinh rút ra được những các vai trò của ngân sách nhà nước.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm đọc thông tin, suy nghĩ và trả lời câu hỏi 1/ Trong sơ đồ 2, khoản chi nào dành cho hoạt động của bộ máy nhà nước? 2/ Thông tin 1 cho biết ngân sách nhà nước đã góp phần định hướng phát triển sản xuất để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý như thế nào? 3/ Thông tin 2 cho biết ngân sách nhà nước góp phần điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, Idem chế lạm phát như thế nào? 4/ Thông tin 3 cho biết gia đình anh T đã được hỗ trợ từ quỹ phúc lợi của ngân sách nhà nước như thế nào? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và thảo luận câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi đại diện nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Ngân sách nhà nước có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của ngân sách nhà nước Gv nhấn mạnh: - Là công cụ điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội. Là công cụ mở rộng quan hệ đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế.	2. Vai trò của ngân sách nhà nước - Cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước. - Định hướng phát triển sản xuất vào những vùng, lĩnh vực cần thiết để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý. - Là công cụ điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát. - Là công cụ điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội. - Tạo lập quỹ dự trữ quốc gia để phòng chống thiên tai, dịch bệnh,... và một số nhiệm vụ đột xuất, cấp thiết. - Là công cụ mở rộng quan hệ đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế.

TIẾT 3

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách

a) Mục tiêu. HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm (4 nhóm), các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

1/ Thông tin 2 cho biết Nhà nước đã đảm bảo quyền gì của công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước?

2/ Ngư dân xã Q được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ gì theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước?

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra

1/ Quyền được cung cấp thông tin, giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước.

2/ Quyền được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; nghĩa vụ sử dụng khoản tiền vay đúng mục đích, trả nợ đúng thời hạn và đóng thuế đầy đủ.

- HS rút ra được một số quy định của pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm - Học sinh chia nhóm và làm việc theo nhóm của mình. Nhiệm vụ các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi 1/ Thông tin 2 cho biết Nhà nước đã đảm bảo quyền gì của công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước? 2/ Ngư dân xã Q được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ gì theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi nội dung yêu cầu - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm + Gọi đại diện nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm Công dân có quyền và nghĩa vụ như thế nào trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm. - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được Gv nhấn mạnh: Mọi công dân đều có quyền và nghĩa vụ trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách bằng những việc làm cụ thể, thiết thực	3. Quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách Công dân có quyền: - Được sử dụng hàng hoá, dịch vụ công cộng và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. - Được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật. Công dân có nghĩa vụ: - Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả. - Nộp các khoản vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Em hãy cho biết ý kiến nào sau đây là đúng hoặc không đúng, vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức về khái niệm, đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Đúng: Mặc dù định nghĩa về ngân sách nhà nước viết là “... toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định...” song trên thực tế ngân sách nhà nước thường được tính trong một năm.

b. Không đúng: Có những khoản thu của người dân không phải nộp vào ngân sách nhà nước; mặt khác, ngân sách nhà nước còn có những khoản thu khác ngoài những khoản thu của người dân.

c. Đúng, đây là vai trò thứ nhất của ngân sách nhà nước.

d. Không đúng: Ngân sách nhà nước do nhân dân đóng góp nên nhân dân được ưu tiên và có nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc Nhà nước sử dụng ngân sách như thế nào.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về ngân sách nhà nước

Bài tập 2: Theo em, trong các tình huống sau, ai thực hiện đúng, ai vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước? Vì sao?

a) Mục tiêu. Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngân sách nhà nước vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) Nội dung. Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 3 trường hợp sách giáo khoa đưa ra

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Ông M sai khi lợi dụng chức vụ để đưa người thân có điều kiện tốt hơn nhiều người khác vào danh sách hộ nghèo để được nhận hỗ trợ của Chính phủ. Ông N đúng, có lòng tự trọng và nhân văn khi tự nguyện xin không nhận sự hỗ trợ, nhường cho người khác có hoàn cảnh khó khăn hơn.

b. Cán bộ xã sai khi: 1/ Bắt người dân phải nộp nhiều khoản không đúng theo quy định của pháp luật; 2/ Vi phạm quy chế dân chủ và quyền lợi của người dân khi không giải trình công khai các khoản thu chi. Người dân đúng khi quan tâm tới vấn đề thu chi ngân sách nhà nước, có ý thức bảo vệ quyền lợi của mình khi yêu cầu cán bộ xã phải giải trình công khai các khoản thu chi.

c. Các cơ quan nhà nước trong tỉnh A đã có các việc làm đúng góp phần tiết kiệm cho ngân sách nhà nước.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 3 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và đưa ra quan điểm của mình trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế có liên quan đến ngân sách nhà nước

Bài tập 3: Em hãy giải đáp thắc mắc giúp các bạn trong những tình huống sau

a) Mục tiêu. Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngân sách nhà nước vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) Nội dung. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lý.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Nguồn để trợ cấp cho người cao tuổi từ ngân sách nhà nước.

b. Nhà nước đã dùng ngân sách để làm đường, xây cầu. Vì vậy, nộp phí khi đi trên đường cao tốc để bù đắp khoản chi đó từ ngân sách nhà nước.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và thể hiện rõ những hiểu biết của mình qua việc lý giải vai trò của ngân sách nhà nước trong 2 tình huống đó.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi đánh giá vai trò của ngân sách nhà nước.

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 1: Viết về một công trình sử dụng ngân sách nhà nước ở địa phương em và ý nghĩa của công trình đó.

- **a) Mục tiêu.** HS tự giác áp dụng những điều đã học về ngân sách nhà nước vào thực tiễn từ đó đưa ra những nhận định đánh giá của bản thân

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và viết về một công trình sử dụng ngân sách nhà nước ở địa phương mình và ý nghĩa của công trình đó: Tên công trình, được xây dựng khi nào và như thế nào, nguồn vốn từ đâu? Người dân đã sử dụng công trình đó như thế nào? Công trình đó có ý nghĩa như thế nào đối với địa phương em đang sinh sống?

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS tìm hiểu và viết về một công trình sử dụng ngân sách nhà nước ở địa phương mình và ý nghĩa của công trình đó: Tên công trình, được xây dựng khi nào và như thế nào, nguồn vốn từ đâu? Người dân đã sử dụng công trình đó như thế nào? Công trình đó có ý nghĩa như thế nào đối với địa phương em đang sinh sống?

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm người thật việc thật

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về cơ chế thị trường

Bài tập 2: Gia đình em đã thực hiện nghĩa vụ gì và được hưởng những quyền lợi gì từ ngân sách nhà nước? Hãy thống kê theo mẫu sau:

a) Mục tiêu. HS

Tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) **Nội dung.** Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, hoàn thiện bài tập vào bảng theo mẫu trong sách giáo khoa

c) Sản phẩm.

- Liệt kê được các quyền và nghĩa vụ mà gia đình mình đã thực hiện hoặc được hưởng lợi từ ngân sách nhà nước

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Liệt kê được các quyền và nghĩa vụ mà gia đình mình đã thực hiện hoặc được hưởng lợi từ ngân sách nhà nước

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cá nhân, có sự tư vấn hỗ trợ của bố mẹ và các thành viên trong gia đình
- Hoàn thành bảng thống kê

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để học sinh có thể báo cáo trước lớp, các nhóm khác cùng bổ sung hoàn thiện

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các nhóm, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhóm, xếp loại cho mỗi báo cáo

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

BÀI 6: THUẾ

Thời lượng: 2 tiết (Bộ Kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Giải thích được vì sao Nhà nước phải thu thuế.
- Kể được tên một số loại thuế phổ biến.
- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học đề' có những kiến thức cơ bản về thuế.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: ủng hộ những hành vi chấp hành tốt và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Có hành vi đúng khi tham gia một số hoạt động liên quan đến thuế.

3. Về phẩm chất

- Trung thực, có trách nhiệm công dân trong việc tham gia một số hoạt động liên quan tới thuế.

- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Kế hoạch dạy học, tranh ảnh, video clip về thuế;

- Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

TIẾT 1:

1. Hoạt động: mở đầu

a) **Mục tiêu.** HS huy động những kiến thức, kinh nghiệm của bản thân về những vấn đề có liên quan đến thuế; tạo hứng thú, tâm thế học tập để dẫn vào bài mới.

b) **Nội dung.** Học sinh cùng tham gia trò chơi “Tiếp sức”: Kể tên các loại thuế có ở Việt Nam

c) **Sản phẩm.**

- Học sinh bước đầu nêu được một số loại thuế có ở Việt Nam

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV chọn 2 đội chơi. Lần lượt từng thành viên trong mỗi đội viết lên bảng một loại thuế. Trong cùng một khoảng thời gian (3-5 phút), đội nào viết được nhiều loại thuế hơn sẽ thắng. Sau khi chơi, HS trả lời câu hỏi: Em biết gì về các loại thuế trên?

Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS tham gia trò chơi và trả lời câu hỏi.

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên tổng hợp kết quả các đội thi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét ý thức tham gia, kết quả tham gia của các đội

Gv nhấn mạnh:

Thuế là một nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Mỗi loại thuế mà Nhà nước ban hành đều nhằm mục đích tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Thuế gắn liền với tăng trưởng kinh tế, công bằng trong phân phối và sự ổn định xã hội. Bài học này sẽ giúp các em hiểu bản chất, vai trò của thuế, nhận diện được một số loại thuế cơ bản, hiểu được việc nộp thuế là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu khái niệm thuế

a) **Mục tiêu.** HS nêu được khái niệm thuế

b) **Nội dung.** Học sinh làm việc theo cá nhân, HS đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Vì sao ông X phải nộp thuế?

2/ Ông X nộp thuế cho ai?

c) **Sản phẩm.**

- HS giải thích được vì sao công dân phải nộp thuế và cách thức nộp như thế nào

1/ Ông X phải nộp thuế theo quy định tại Điều 14 Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007, sửa đổi, bổ sung năm 2012, 2015 vì có thu nhập từ việc chuyển nhượng bất động sản.

2/ Ông X phải nộp thuế cho ngân sách nhà nước.

- HS nêu được khái niệm thuế là gì

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập:	1. Thuế và vai trò

- GV hướng dẫn học sinh đọc một tình huống trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi 1/ Vì sao ông X phải nộp thuế? 2/ Ông X nộp thuế cho ai? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Những chủ thể nào có nghĩa vụ phải nộp thuế?</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật khái niệm thuế Gv nhấn mạnh: Thuế là khoản thu bắt buộc mang tính cưỡng chế bằng sức mạnh của nhà nước mà các chủ thể kinh tế có nghĩa vụ phải nộp vào ngân sách nhà nước khi có đủ những điều kiện nhất định.	của thuế a. <i>Thuế là gì</i> Thuế là một khoản ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế
--	--

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: vai trò của thuế

a) **Mục tiêu.** HS nêu được vai trò cơ bản của thuế.

b) **Nội dung.** Học sinh cùng làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa, quan sát sơ đồ và trả lời câu hỏi sau

Vì sao Nhà nước phải thu thuế?

c) **Sản phẩm.**

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra

Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường. Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo cân bằng lợi ích trong xã hội.

- HS rút ra được vai trò của thuế.

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho học sinh làm việc theo nhóm - Các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời được câu hỏi Vì sao Nhà nước phải thu thuế? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Nhà nước sử dụng thuế để thực hiện nhiệm vụ gì</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu	b. Vai trò của thuế Thuế là nguồn thu chính của ngân sách nhà nước. Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường. Qua thuế, nhà nước hướng dẫn tiêu dùng theo hướng tích cực, bảo vệ thị trường trong nước. Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo cân bằng lợi ích trong xã hội.

cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm Gv nhấn mạnh: Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo cân bằng lợi ích trong xã hội.	
---	--

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Một số loại thuế phổ biến

a) Mục tiêu. HS nêu được một số loại thuế phổ biến.

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả được câu hỏi từ đó liệt kê được một số loại thuế phổ biến ở Việt Nam

Theo em, ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp X còn phải nộp loại thuế nào khác? Chia sẻ hiểu biết của em về những loại thuế đó.

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được câu hỏi trong sách giáo khoa

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp X còn phải nộp loại thuế nào khác như thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường.....

- Học sinh liệt kê được một số loại thuế phổ biến ở Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm đọc thông tin, suy nghĩ và trả lời câu hỏi <i>Theo em, ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp X còn phải nộp loại thuế nào khác? Chia sẻ hiểu biết của em về những loại thuế đó.</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và thảo luận câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi đại diện nhóm cử học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu của nhóm mình - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Việc quy định các loại thuế có ý nghĩa như thế nào</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm đã được yêu cầu trình bày và nhóm tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức theo một số nội dung đã đề cập ở phần sản phẩm - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để thấy được tính cần thiết của việc nhà nước ban hành các loại thuế	3. Một số loại thuế phổ biến Thuế trực thu là loại thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế. Thuế trực thu có: + Thuế thu nhập doanh nghiệp + Thuế thu nhập cá nhân. + ... Thuế gián thu là thuế điều tiết gián tiếp thông qua giá cả hàng hoá, dịch vụ. Thuế gián thu có: + Thuế giá trị gia tăng + Thuế tiêu thụ đặc biệt + Thuế xuất khẩu, nhập khẩu + Thuế bảo vệ môi trường.

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế

a) Mục tiêu. HS nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế.

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm (4 nhóm), các nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

1/ Vì sao nộp thuế là quyền và nghĩa vụ của công dân?

2/ Hãy nêu ví dụ về một số quyền lợi và nghĩa vụ của người nộp thuế.

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi liên quan đến thông tin sách giáo khoa đưa ra

Nộp thuế là quyền và nghĩa vụ vì thông qua nộp thuế chủ thể nộp thuế thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng và phát triển đất nước

- HS rút ra được một số quy định của pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm - Học sinh chia nhóm và làm việc theo nhóm của mình. Nhiệm vụ các nhóm cùng nhau nghiên cứu thông tin mà sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi 1/ Vì sao nộp thuế là quyền và nghĩa vụ của công dân? 2/ Hãy nêu ví dụ về một số quyền lợi và nghĩa vụ của người nộp thuế. Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng các thành viên trong nhóm, đọc và trao đổi nội dung yêu cầu - Viết kết quả chung của nhóm mình để báo cáo Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên điều hành hoạt động thảo luận của các nhóm + Gọi đại diện nhóm trình bày kết quả chuẩn bị của mình + Các nhóm còn lại sẽ nhận xét và góp ý Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung cho các nhóm <i>Công dân có quyền và nghĩa vụ như thế nào trong việc thực hiện pháp luật về thuế</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của từng nhóm. - Giáo viên chốt kiến thức làm rõ từng hoạt động mà học sinh đã tìm được Gv nhấn mạnh: <i>Mọi công dân đều có quyền và nghĩa vụ trong việc thực hiện pháp luật về thuế bằng những việc làm cụ thể, thiết thực</i> Những thông tin về thuế có trong Luật Quản lý thuế năm 2019 và các luật, nghị định về thuế có liên quan	3. Quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế. Công dân có nghĩa vụ khai và nộp thuế đầy đủ, trung thực, đúng thời hạn. Công dân được hưởng lợi ích từ thuế qua các hàng hoá, dịch vụ công cộng do nhà nước cung cấp.

3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Em đồng tình/không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức đã khám phá về các loại thuế; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

- a. Không đồng tình, vì chủ thể chịu thuế có thể nộp thuế gián tiếp, ví dụ thuế gián thu.
- b. Không đồng tình, vì đó là vai trò của thuế tiêu thụ đặc biệt.
- c. Không đúng, vì có nhiều loại thuế và Nhà nước chỉ giảm thuế, giãn thuế cho doanh nghiệp làm ăn thua lỗ do nguyên nhân khách quan như thiên tai, dịch bệnh,...
- d. Không đồng tình, vì thuế giá trị gia tăng là thuế gián thu được cộng vào giá hàng hoá, dịch vụ do người tiêu dùng trả khi sử dụng sản phẩm đó. Mặc dù người tiêu dùng mới chính là người chi trả thuế giá trị gia tăng, nhưng chủ thể sản xuất kinh doanh mới là người trực tiếp nộp thuế cho Nhà nước.

e. Đồng tình, vì đó là vai trò của thuế tiêu thụ đặc biệt.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về ngân sách nhà nước

Bài tập 2: Em hãy gọi tên loại thuế mà các chủ thể phải đóng và cho biết vai trò của thuế đó trong những trường hợp sau:

a) Mục tiêu. Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về thuế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) Nội dung. Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được
 - a. Thuế thu nhập doanh nghiệp. Vai trò: Chiếm tỉ trọng lớn trong các loại thuế, góp phần ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước, phân phối thu nhập, thúc đẩy đầu tư ở Việt Nam.
 - b. Thuế thu nhập cá nhân. Vai trò: Góp phần điều tiết thu nhập trong xã hội.
 - c. Thuế tiêu thụ đặc biệt. Vai trò: Góp phần điều tiết sản xuất và tiêu dùng xã hội, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.
 - d. Thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường. Vai trò: Góp phần bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và đưa ra quan điểm của mình trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các hoạt động kinh tế

Bài tập 3: Em có nhận xét gì về các việc làm sau?

a) Mục tiêu. Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về thuế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) Nội dung. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lý.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Đó là việc làm sai, vi phạm pháp luật về thuế.

b. Đó là việc làm sai, vi phạm pháp luật về thuế.

c. Đó là việc làm sai, vi phạm pháp luật về thuế.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 3 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và thể hiện rõ những hiểu biết của mình qua việc lý giải việc vi phạm pháp luật về thuế trong 3 tình huống đó.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi thực hiện pháp luật về thuế

Bài tập 4: Em hãy giải đáp thắc mắc giúp các bạn sau đây:

a) Mục tiêu. Học sinh vận dụng được các kiến thức cơ bản về thuế vào lý giải các hiện tượng kinh tế đang diễn ra trong xã hội

b) Nội dung. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra cách xử lý.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Người nộp thuế phải bỏ tiền ra nộp nhưng nộp thuế vẫn là quyền lợi của công dân vì thuế là nguồn thu chính của ngân sách nhà nước. Nhà nước sử dụng ngân sách để quản lý và xây dựng đất nước, đem lại lợi ích cho người dân. Tuy nhiên, nhiều người vẫn trốn thuế là vì họ chỉ lo vun vén cho lợi ích trước mắt của bản thân.

b. Thuế thu nhập cá nhân giúp Nhà nước có thêm khoản thu để có thể đảm bảo thực hiện các chế độ phúc lợi theo quy định cũng như đầu tư xây dựng các công trình công cộng phục vụ các nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống của nhân dân; góp phần điều tiết thu nhập, giảm khoảng cách giàu nghèo, thực hiện công bằng xã hội; góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

c. Biển là tài nguyên của đất nước, nhân dân. Người khai thác cá từ biển thì phải nộp thuế. Mặt khác, người khai thác cá nộp thuế để Nhà nước có ngân sách quản lý đất nước, trong đó có biển.

d. Ca sĩ khi biểu diễn đã sử dụng công trình công cộng được xây dựng từ ngân sách nhà nước. Mặt khác, lí do người thu nhập cao phải nộp thuế thu nhập cá nhân

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 4 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và thể hiện rõ những hiểu biết của mình qua việc lý giải vai trò của thuế trong 4 tình huống đó.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi thực hiện pháp luật về thuế.

4. Hoạt động: Vận dụng

- **Bài tập 1:** Hãy viết một bài tuyên truyền về nghĩa vụ nộp thuế của công dân

- **a) Mục tiêu.** HS tự giác áp dụng những điều đã học về thuế vào thực tiễn từ đó đưa ra những nhận định đánh giá của bản thân

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và viết bài viết bày tỏ quan điểm của bản thân

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS tìm hiểu và viết bài viết thể hiện quan điểm của mình về nhận định trên

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về thuế.

Bài tập 2: Em hãy tìm hiểu và tự đánh giá việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của những người thân trong gia đình em.

a) Mục tiêu.

HS Tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, tự đánh giá những việc làm được những việc chưa được của người thân trong gia đình trong việc thực hiện pháp luật về thuế

c) Sản phẩm.

- HS biết đánh giá việc thực hiện pháp luật về thuế của người thân

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân, tự đánh giá những việc làm được những việc chưa được của người thân trong gia đình trong việc thực hiện pháp luật về thuế

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, có thể tham khảo ý kiến của các thành viên trong gia đình

- Viết bài báo cáo về kết quả thực hiện

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để học sinh có thể báo cáo trước lớp, các nhóm khác cùng bổ sung hoàn thiện

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra cũng như việc thuyết trình của các nhóm, giáo viên đánh giá kết luận về việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhóm, xếp loại cho mỗi báo cáo

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

BÀI 9: DỊCH VỤ TÍN DỤNG

Thời lượng: 3 tiết (Bộ Kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết và mô tả được đặc điểm một số dịch vụ tín dụng.
- Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.
- Biết cách sử dụng có trách nhiệm một số dịch vụ tín dụng.

2. Về năng lực

- *Năng lực chung:*

- + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các dịch vụ tín dụng.
- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến sử dụng dịch vụ tín dụng.

- *Năng lực đặc thù:*

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dịch vụ tín dụng; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi tham gia các dịch vụ tín dụng; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

+ Năng lực phát triển bản thân: Lựa chọn được dịch vụ tín dụng phù hợp đối với bản thân và gia đình.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác tham gia các dịch vụ tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

Trung thực và có trách nhiệm công dân khi tham gia các dịch vụ tín dụng phù hợp với lứa tuổi.

- Yêu nước, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về dịch vụ tín dụng
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

TIẾT 1:

1. Hoạt động: mở đầu

a) *Mục tiêu.* Giới thiệu mục tiêu, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề các dịch vụ tín dụng, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về bài học mới.

b) *Nội dung.* Học sinh làm việc cá nhân, chia sẻ suy nghĩ của bản thân về trách nhiệm khi mỗi cá nhân thực hiện vay tiền

c) **Sản phẩm.** Học sinh chỉ ra được trách nhiệm của bản thân khi thực hiện vay tiền như

+ Trong cuộc sống không tránh khỏi có lúc cần một số tiền để chi cho một việc cần thiết mà bản thân không có hoặc không đủ tiền, do đó phải vay mượn người khác. Nếu được người nào đó cho vay, em cần cảm ơn họ và chi tiêu số tiền vay đúng mục đích đồng thời phải tìm cách trả lại số tiền đó đúng như đã hẹn.

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ về việc phải có trách nhiệm khi vay tiền để khai thác trải nghiệm của HS về dịch vụ tín dụng, dẫn dắt các em tiếp cận đến nội dung bài học.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ vào vở, chia sẻ với các bạn xung quanh về nhiệm vụ được giao.

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Trên thị trường có nhiều dịch vụ tín dụng khác nhau hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức,... giải quyết những vấn đề liên quan đến tiền vốn. Bài học này giúp em trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sử dụng những dịch vụ tín dụng chính thức, đảm bảo quyền lợi cũng như trách nhiệm của mình mỗi khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Đặc điểm của tín dụng ngân hàng

a) **Mục tiêu.** Mục tiêu: HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng ngân hàng.

b) **Nội dung.** GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy cho biết hoạt động tín dụng của ngân hàng D thể hiện như thế nào.

2/ Trong trường hợp trên, dịch vụ tín dụng của ngân hàng D đang gặp khó khăn gì? Nếu nhiều người vay vốn nhưng không trả nợ như đã cam kết thì điều gì sẽ xảy ra với ngân hàng D?

c) **Sản phẩm.**

- HS giải thích được hoạt động tín dụng của ngân hàng D như sau

1/ Hoạt động tín dụng của ngân hàng D thể hiện: là người đi vay khi nhận những khoản tiền nhàn rỗi của các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức, đồng thời là người cho vay khi cung cấp vốn cho người vay để sản xuất kinh doanh, đầu tư, tiêu dùng,...

2/ Tín dụng ngân hàng D đang bị nhiều doanh nghiệp là đối tác sử dụng vốn vay không thực hiện được nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và lãi cho ngân hàng khi đến hạn nên ngân hàng D đã gia hạn trả nợ thêm 6 tháng. Nếu nhiều người vay không trả nợ, ngân hàng sẽ bị thua lỗ và phá sản.

- HS nêu được đặc điểm của tín dụng ngân hàng

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi: 1/ Em hãy cho biết hoạt động tín dụng của ngân hàng D thể hiện như thế nào. 2/ Trong trường hợp trên, dịch vụ tín dụng của ngân hàng D đang gặp khó khăn gì? Nếu nhiều người vay vốn nhưng không trả nợ như đã cam kết thì điều gì sẽ xảy ra với ngân hàng D?	1. Tín dụng ngân hàng a. Đặc điểm của tín dụng ngân hàng Theo nghĩa thông thường, tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn trong một thời gian nhất định trên cơ

Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Tín dụng ngân hàng được hình thành dựa trên nguyên tắc nào</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh Gv nhấn mạnh: Tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn.	sở lòng tin khách hàng có khả năng hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn. Tín dụng ngân hàng có đặc điểm: dựa trên cơ sở lòng tin, có tính thời hạn, phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện và tiềm ẩn rủi ro.
--	---

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Một số hình thức tín dụng ngân hàng

a) Mục tiêu. HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng ngân hàng; nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng ngân hàng.

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 6 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

Nhóm 1,2: Tìm hiểu hình thức cho vay tín chấp.

Nhóm 3,4: Tìm hiểu hình thức cho vay thế chấp.

Nhóm 5,6: Tìm hiểu hình thức cho vay trả góp.

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

Biết phân biệt được sự giống và khác nhau ở mỗi hình thức tín dụng ngân hàng

- Cho vay tín chấp

1/ Ngân hàng cho anh S vay tiền không cần tài sản thế chấp vì anh là công chức nhà nước có thu nhập ổn định, có lịch sử tín dụng tốt, nhu cầu vốn vay nhỏ.

2/ Khi vay tín chấp, anh S có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn.

- Cho vay thế chấp

1/ Ngân hàng yêu cầu chị N phải có tài sản thế chấp như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô,... có giá trị tương đương với lượng tiền cần vay để trong trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng chị sẽ phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đó để ngân hàng thanh lý thu hồi vốn.

2/ Khi vay thế chấp, chị N có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ hợp pháp về tài sản thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. Trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng, phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thế chấp để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp, thu hồi vốn.

- Cho vay trả góp

1/ Ngân hàng yêu cầu anh H sẽ trả dần theo các kì, thường sẽ là gốc cộng với lãi hằng tháng. Số tiền trả gốc mỗi tháng được thoả thuận sẽ chia đều theo số tháng vay, mức lãi 1,5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng.

2/ Khi vay trả góp, anh H có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thoả thuận.

3/ So với việc thanh toán hết một lần, việc mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hằng tháng. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch.

- HS rút ra được đặc điểm của từng hình thức tín dụng ngân hàng.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 6 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. <i>Nhóm 1,2: Tìm hiểu hình thức cho vay tín chấp.</i> <i>Nhóm 3,4: Tìm hiểu hình thức cho vay thế chấp.</i> <i>Nhóm 5,6: Tìm hiểu hình thức cho vay trả góp.</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật từng hình thức tín dụng ngân hàng Gv nhấn mạnh: Khi vay tín chấp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. - Khi vay thế chấp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ hợp pháp về tài sản thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. Trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng, phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thế chấp về ngân hàng thanh lí.	b) Một số hình thức tín dụng ngân hàng <i>* Cho vay tín chấp</i> - Cho vay tín chấp là hình thức cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm. - Đặc điểm của cho vay tín chấp là: Dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục vay đơn giản, số tiền vay ít, thời hạn cho vay ngắn, mức lãi khá cao. <i>* Cho vay thế chấp</i> Cho vay thế chấp là hình thức cho vay đòi hỏi người vay phải có tài sản thế chấp có giá trị tương đương với lượng vốn cho vay. - Đặc điểm của vay thế chấp là: Người vay phải có tài sản đảm bảo. Thủ tục vay phức tạp. Số tiền cho vay tương đối lớn, lãi suất phù hợp, thời gian cho vay dài. <i>* Cho vay trả góp</i> Cho vay trả góp của ngân hàng là hoạt động ngân hàng cùng người vay xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay. - Đặc điểm của cho vay trả góp là: hằng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; hạn mức cho vay cao, lãi suất thấp, thủ tục vay đơn giản, nhanh gọn, thời hạn thanh toán linh hoạt.

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Tín dụng thương mại

a) Mục tiêu. HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng thương mại; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng thương mại.

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

1/ Chủ thể tham gia dịch vụ tín dụng thương mại này là ai? Đối tượng giao dịch là gì? Cách sử dụng dịch vụ như thế nào?

2/ Tiện ích dịch vụ tín dụng thương mại mang lại cho người sử dụng là gì?

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau
Biết phân biệt được sự giống và khác nhau ở mỗi hình thức tín dụng ngân hàng

- Cho vay tín chấp

1/ Chủ thể tham gia dịch vụ tín dụng thương mại là các doanh nghiệp có quan hệ hiểu biết lẫn nhau, đối tượng giao dịch là hàng hoá, dịch vụ.

2/ Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp được thực hiện dưới hình thức mua bán chịu, mua bán trả chậm hay trả góp hàng hoá. Đến thời hạn đã thoả thuận, doanh nghiệp mua phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi cho doanh nghiệp bán dưới hình thức tiền tệ.

- HS rút ra được đặc điểm của từng hình thức tín dụng ngân hàng.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi 1/ Chủ thể tham gia dịch vụ tín dụng thương mại này là ai? Đối tượng giao dịch là gì? Cách sử dụng dịch vụ như thế nào? 2/ Tiện ích dịch vụ tín dụng thương mại mang lại cho người sử dụng là gì? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật từng hình thức tín dụng ngân hàng Gv nhấn mạnh: Tín dụng thương mại là gắn liền với quan hệ giữa các doanh nghiệp, giữ vai trò to lớn đối với sự phát triển kinh tế xã hội.	2. Tín dụng thương mại Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp, được thực hiện dưới hình thức mua bán chịu, mua bán trả chậm hay trả góp hàng hoá. Đến thời hạn đã thoả thuận, doanh nghiệp mua phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi cho doanh nghiệp bán dưới hình thức tiền tệ.

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Tín dụng tiêu dùng

a) Mục tiêu. Mục tiêu: HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng tiêu dùng.

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi:

Hoạt động dịch vụ tín dụng tiêu dùng thể hiện thế nào? Hoạt động này có đặc điểm gì

c) Sản phẩm.

- HS giải thích được hoạt động tín dụng của ngân hàng D như sau

Tín dụng tiêu dùng góp phần vào việc giúp người tiêu dùng có thể thực hiện được một số hoạt động tiêu dùng phù hợp

- HS nêu được đặc điểm của tín dụng tiêu dùng

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi: <i>1/ Em hãy cho biết hoạt động tín dụng của ngân hàng D thể hiện như thế nào.</i> <i>2/ Trong trường hợp trên, dịch vụ tín dụng của ngân hàng D đang gặp khó khăn gì? Nếu nhiều người vay vốn nhưng không trả nợ như đã cam kết thì điều gì sẽ xảy ra với ngân hàng D?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Tín dụng tiêu dùng được hình thành dựa trên quan hệ nào</i> Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật đặc điểm của tín dụng tiêu dùng Gv nhấn mạnh: Tín dụng tiêu dùng là khái niệm chỉ quan hệ kinh tế giữa người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện thoả mãn nhu cầu tiêu dùng	1. Tín dụng tiêu dùng <i>a. Đặc điểm của tín dụng tiêu dùng</i> Tín dụng tiêu dùng là khái niệm chỉ quan hệ kinh tế giữa người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện thoả mãn nhu cầu tiêu dùng (mua sắm hàng hoá). Đặc điểm: mục đích vay để tiêu dùng; nguồn trả nợ là thu nhập của người vay; người vay là cá nhân, hộ gia đình; người cho vay là ngân hàng, công ty tài chính,...; lượng tiền cho vay thường nhỏ, lãi suất thường cao.

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng

a) Mục tiêu. HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng tiêu dùng; nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng tiêu dùng.

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 4 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

Nhóm 1,2: Tìm hiểu nội dung dịch vụ cho vay trả góp của công ty tài chính.

Nhóm 3,4: Tìm hiểu nội dung cho vay tiêu dùng qua việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

1/ Chị Y đã thương lượng với nhân viên tư vấn trả trước 40% số tiền mua xe, phần còn lại thông qua công ty tài chính liên kết với cửa hàng để trả góp. Dịch vụ cho vay trả góp là việc tổ chức tín dụng cùng người vay xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay.

2/ Đặc điểm của cho vay trả góp là: hằng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; tuy nhiên, quy định về thời gian trả hằng tháng và mức phạt cao nếu không trả đúng hạn nên người vay cần cân nhắc; tuy trường hợp cụ thể, công ty tài chính sẽ cho vay dưới hình thức tín chấp hoặc thế chấp.

3/ Khi vay trả góp, chị Y có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của tổ chức tín dụng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thỏa thuận.

4/ So với hình thức thanh toán hết một lần, việc mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hằng tháng chưa kể chi phí phát sinh nếu không thực hiện đúng thời hạn thanh toán hay trả hết tiền vay trước thời hạn. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch.

1/ Ngân hàng đã cung cấp thẻ tín dụng chi tiêu trước, trả sau cho chị c căn cứ vào mức lương hằng tháng của chị.

Thẻ tín dụng ngân hàng (Credit Card) là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành. Căn cứ vào tài chính và lịch sử tín dụng của chủ thẻ, ngân hàng cấp một số tiền cho chủ thẻ sử dụng để thanh toán khi mua hàng hoá, dịch vụ và quy định hạn quyết toán cho khoản tiền đã chi trong một khoảng thời gian nhất định. Đến hạn quyết toán, chủ thẻ phải hoàn lại tiền đã chi cho ngân hàng, nếu không trả hết số tiền đã vay, khách hàng phải chịu lãi.

2/ Việc thanh toán bằng thẻ tín dụng mang lại nhiều lợi ích cho cá nhân chị C: có cơ hội được ưu đãi về lãi suất khi vay tiền ngân hàng nhờ có lịch sử tín dụng tốt đồng thời còn được hoàn lại một khoản tiền nhỏ theo giá trị hoá đơn mỗi khi mua sắm trong khi thanh toán bằng tiền mặt sẽ không có được, hạn chế được những rủi ro từ việc giữ tiền mặt, thực hiện thanh toán nhanh gọn, an toàn.

3/ Khi sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng, chị C có trách nhiệm cung cấp thông tin chính xác khi đề nghị cấp hạn mức vay tín dụng, thực hiện thanh toán khoản tiền đã chi qua thẻ đúng kì hạn. Không nên để nợ quá hạn vì sẽ bị tích điểm tín dụng xấu và phải chịu mức lãi cao.

- HS rút ra được đặc điểm của từng hình thức tín dụng ngân hàng.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 4 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. <i>Nhóm 1,2: Tìm hiểu nội dung dịch vụ cho vay trả góp của công ty tài chính.</i> <i>Nhóm 3,4: Tìm hiểu nội dung cho vay tiêu dùng qua việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật từng hình thức tín dụng tiêu dùng Gv nhấn mạnh: Khi sử dụng các dịch vụ này đòi hỏi chủ thẻ phải có trách nhiệm thực hiện đúng các	b) Một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng <i>* Dịch vụ cho vay trả góp của công ty tài chính.</i> Cho vay trả góp là: tổ chức tín dụng cùng người vay xác định và thỏa thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay. Đặc điểm của cho vay trả góp là: hằng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; hạn mức cho vay cao, lãi suất thấp, thủ tục vay đơn giản, nhanh gọn, thời hạn thanh toán linh hoạt. <i>*Cho vay tiêu dùng qua việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.</i> Thẻ tín dụng ngân hàng là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành. Khi sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng, chủ thẻ có trách nhiệm cung cấp thông tin chính xác khi đề nghị cấp hạn mức vay tín dụng, thực hiện thanh toán khoản tiền đã chi qua thẻ

cam kết với bên cho vay, tránh việc bị phạt cũng như không thực hiện đúng cam kết	đúng kì hạn. Không nên để nợ quá hạn vì sẽ bị tích điểm tín dụng xấu và phải chịu mức lãi cao.
---	--

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Tín dụng nhà nước

a) Mục tiêu. Mục tiêu: HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng nhà nước.

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi:

Em hãy nêu mục đích và đặc điểm của tín dụng nhà nước được thể hiện trong thông tin trên.

c) Sản phẩm.

- HS giải thích được mục đích cũng như hình thức thể hiện trong thông tin trên
- + Mục đích: Góp phần xây dựng đất nước
- + Hình thức: Huy động thông qua việc phát hành công trái....
- HS nêu được đặc điểm của tín dụng nhà nước.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm về trường hợp trong SGK, trả lời câu hỏi: <i>Em hãy nêu mục đích và đặc điểm của tín dụng nhà nước được thể hiện trong thông tin trên.</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật đặc điểm của tín dụng nhà nước Gv nhấn mạnh: + Tín dụng nhà nước là các hoạt động vay trả giữa Nhà nước với các tác nhân khác trong nền kinh tế, thông qua các hoạt động Nhà nước đi vay để phục vụ cho mục đích huy động vốn bù đắp thiếu hụt ngân sách nhà nước	4. Tín dụng nhà nước <i>a. Đặc điểm của tín dụng nhà nước</i> + Tín dụng nhà nước là các hoạt động vay trả giữa Nhà nước với các tác nhân khác trong nền kinh tế, thông qua các hoạt động Nhà nước đi vay để phục vụ cho mục đích huy động vốn bù đắp thiếu hụt ngân sách nhà nước hoặc mở rộng quy mô đầu tư của Nhà nước để xây dựng Tổ quốc và Nhà nước cho vay thực hiện những mục tiêu kinh tế quan trọng, hỗ trợ những đối tượng khó khăn trong xã hội để xây dựng và phát triển xã hội bền vững. + Đặc điểm: cho vay với lãi suất ưu đãi, theo kế hoạch, chủ trương của Nhà nước để thực hiện mục tiêu, định hướng của Nhà nước; lãi suất vay hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại.

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Một số dịch vụ tín dụng nhà nước

a) Mục tiêu. HS nhận biết và mô tả được đặc điểm tín dụng nhà nước; biết cách sử dụng có trách nhiệm dịch vụ tín dụng nhà nước

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 4 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

Nhóm 1,2: Tìm hiểu nội dung dịch vụ phát hành trái phiếu chính phủ.

Nhóm 3,4: Tìm hiểu nội dung Tín dụng cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

Học sinh chỉ ra được đặc điểm của phát hành trái phiếu chính phủ và cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội chủ thể là ai, đối tượng vay là ai, mục đích và thủ tục như thế nào

+ *Đối với trái phiếu chính phủ:* Ở nước ta, trái phiếu chính phủ do Bộ Tài chính phát hành dưới ba hình thức: tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc và công trái xây dựng Tổ quốc là phương thức nhà nước vay vốn cho ngân sách nhà nước, đầu tư xây dựng những công trình quan trọng, thiết yếu, thực hiện những chương trình, dự án phục vụ sản xuất, đời sống tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật cho đất nước. Người mua trái phiếu chính phủ được hưởng lãi suất vay hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại nên đây là kênh đầu tư an toàn đối với những ai đang có tiền nhàn rỗi.

+ *Đối với tín dụng cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội*

Vì A là sinh viên chuẩn bị nhập học và gia đình thuộc diện khó khăn được ủy ban xác nhận

Đại diện gia đình em phải đứng ra vay, chịu trách nhiệm trả nợ đồng thời phải là thành viên tổ tiết kiệm nơi cư trú để được tổ này xem xét đủ điều kiện vay, lập danh sách đề nghị vay vốn ở ngân hàng chính sách xã hội, gửi uỷ ban nhân dân xã xác nhận. Hồ sơ còn phải có giấy báo nhập học của trường. Hạn trả nợ bắt đầu khi ra trường và thời hạn hết trả nợ bằng số thời gian theo học.

- HS rút ra được đặc điểm của từng hình thức tín dụng nhà nước.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 4 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. <i>Nhóm 1,2: Tìm hiểu nội dung dịch vụ phát hành trái phiếu chính phủ.</i> <i>Nhóm 3,4: Tìm hiểu nội dung Tín dụng cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật từng hình thức tín dụng nhà nước Gv nhấn mạnh: Tín dụng nhà nước là kênh tín dụng quan trọng trong nền kinh tế vừa thực hiện mục tiêu quản lý vĩ mô nền kinh tế vừa góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội	b) Một số hình thức tín dụng nhà nước <i>* Phát hành trái phiếu chính phủ</i> + Trong hoạt động bán trái phiếu chính phủ: Nhà nước là người vay tiền có nghĩa vụ trả nợ. + Thời hạn của trái phiếu thường từ 1 năm trở nên, công trái xây dựng Tổ quốc còn có thời hạn dài hơn thường là 5 năm. + Trái phiếu chính phủ có thể mua bán, cầm cố tại ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác để vay vốn hoặc có thể bán lại trên thị trường chứng khoán. + Người mua trái phiếu chính phủ được hưởng lãi suất vay hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại. <i>* Tín dụng cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội</i> Ngân hàng chính sách xã hội là tổ chức tín dụng nhà nước được thành lập để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Khác với ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, được Chính phủ bảo đảm khả năng thanh toán.

3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Em hãy nhận xét việc thực hiện các dịch vụ tín dụng của các tổ chức tín dụng trong những trường hợp dưới đây:

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống những vấn đề liên quan đến các dịch vụ tín dụng; liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

a. Điều này đúng, khi làm thủ tục vay trả góp ngân hàng yêu cầu người vay để lại giấy chứng nhận quyền sở hữu sản phẩm mua như vật thế chấp.

b. Điều này đúng, khi làm thủ tục vay, đại diện gia đình phải đứng ra vay và chịu trách nhiệm với ngân hàng về khoản tiền vay.

c. Điều này đúng, vì số vốn đóng góp của chủ doanh nghiệp lớn sẽ khiến chủ doanh nghiệp trách nhiệm hơn với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng như chứng tỏ được khả năng tài chính của chủ doanh nghiệp.

d. Điều này sai, vì việc đánh giá điểm tín dụng của người sử dụng tín dụng được đánh giá trên toàn hệ thống chứ không phải chỉ thực hiện với một số ngân hàng lớn.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về tín dụng

Bài tập 2: Phân biệt các dịch vụ tín dụng

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

b) Nội dung. Học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng thực hiện 2 yêu cầu sách giáo khoa đưa ra

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

+ Cho vay tín chấp là việc cho vay dựa trên uy tín của người vay không cần có tài sản bảo đảm. Chỉ được vay số tiền ít, lãi suất cao hơn so với vay thế chấp. Vay tín chấp khi cần vay số tiền ít, nhanh chóng.

+ Vay thế chấp cần có tài sản bảo đảm, phải làm nhiều thủ tục, được vay số tiền lớn, lãi suất thấp hơn so với vay tín chấp.

+ Điểm khác biệt giữa tín dụng ngân hàng và tín dụng thương mại:

1/ Chủ thể: ở tín dụng ngân hàng phải có một bên là ngân hàng, còn tín dụng thương mại giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp.

2/ Đối tượng giao dịch: Ở tín dụng ngân hàng đó là tiền, còn với tín dụng thương mại đó là hàng hoá.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm cùng nghiên cứu 2 nội dung sách giáo khoa đưa ra và đưa ra quan điểm của mình trong từng trường hợp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tham gia vào các quan hệ tín dụng

Bài tập 3: Em hãy tìm hiểu việc sử dụng dịch vụ tín dụng trong đời sống qua các trường hợp sau:

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân khi tham gia các dịch vụ tín dụng.

b) Nội dung. GV yêu cầu các nhóm thảo luận hoặc có thể tổ chức cho HS sắm vai thể hiện nội dung các tình huống trong SGK. Các nhóm thể hiện ý kiến của mình, các nhóm khác nhận xét, bổ sung

c) Sản phẩm.

- HS nhận biết và chỉ ra được

a. Hiện nay, trên thực tế các ngân hàng có mức lãi suất huy động tiết kiệm khác nhau nhưng ngân hàng có lãi suất thấp hơn vẫn có người mang tiền đến gửi xuất phát từ đặc điểm của tín dụng ngân hàng đó là sự tin tưởng, tín nhiệm, tiện lợi. Ngân hàng có lãi suất cao nhất không có nghĩa đây là nơi gửi tiền an toàn nhất so với các ngân hàng khác, vì vậy N cần cân nhắc.

b. Khi thoả thuận với ngân hàng vay trả góp để mua nhà, vợ chồng chị Y muốn kéo dài thời gian trả góp để không có sức ép phải lo khoản tiền lớn để trả nợ hằng tháng. Điều này là sai lầm, càng kéo dài thời gian trả góp càng bất lợi vì giai đoạn cuối ngân hàng thường quy định mức lãi suất cao.

c. Mặc dù có đủ tiền để mua nhà nhưng vợ chồng chị Y vẫn chọn hình thức mua trả góp để dành ra một khoản tiền để kinh doanh. Đây là tình huống mở. Nếu việc kinh doanh mang lại nguồn lợi nhuận cao hơn so với khoản tiền lãi phải trả góp thì có thể chọn phương án này.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm cá nhân

Các nhóm cùng nghiên cứu 3 trường hợp sách giáo khoa đưa ra và thể hiện rõ những hiểu biết của mình qua việc chỉ ra được một số mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả .

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về mô hình sản xuất kinh doanh

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy cùng các bạn tham gia trải nghiệm tìm hiểu thủ tục mua trả góp một mặt hàng nào đó (ví dụ: điện thoại, xe máy, máy vi tính,...) và cho biết các thủ tục cần có để thực hiện mua trả góp mặt hàng đó.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học

b) Nội dung. HS thực hiện bài tập này theo nhóm, tìm hiểu thủ tục mua trả góp một mặt hàng nào đó (có thể đến tìm hiểu ở một cửa hàng trong thực tế với người thân hoặc tham khảo trên mạng xã hội). Sau đó ghi lại các thủ tục cần thiết để mua trả góp mặt hàng đó.

c) Sản phẩm.

- Biết được quy trình mua hàng dựa trên một hình thức tín dụng cụ thể

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập này theo nhóm, tìm hiểu thủ tục mua trả góp một mặt hàng nào đó (có thể đến tìm hiểu ở một cửa hàng trong thực tế với người thân hoặc tham khảo trên mạng xã hội). Sau đó ghi lại các thủ tục cần thiết để mua trả góp mặt hàng đó.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc ở nhà cùng nhau tìm hiểu

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về việc sử dụng

Câu 2. Em hãy tìm hiểu, viết bài giới thiệu ý nghĩa của một loại công trái hoặc trái phiếu chính phủ mà em biết trong đời sống xã hội.

a) Mục tiêu. HS vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo liên quan đến việc sử dụng các dịch vụ tín dụng.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và chia sẻ ý nghĩa về một loại công trái chính phủ mà em biết

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân về ý nghĩa của công trái đó

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS khai thác được ý nghĩa của một loại công trái cụ thể để từ đó viết bài về nội dung, mục đích và ý nghĩa ban hành công trái đó

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
BÀI 10: LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN
Thời lượng: 4 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân; các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.
- Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về lập kế hoạch tài chính cá nhân.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của bản thân trong việc quản lý tài chính cá nhân; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện lập kế hoạch tài chính cá nhân.

+ Năng lực phát triển bản thân: Lập được kế hoạch tài chính cá nhân cho bản thân.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, tham gia và vận động người khác thực hiện việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

3. Về phẩm chất

Trung thực và có trách nhiệm trong việc thực hiện lập kế hoạch tài chính cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về kế hoạch tài chính cá nhân;

- Đồ dùng đơn giản để sắm vai;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

TIẾT 1:

1. Hoạt động: mở đầu

a) **Mục tiêu.** Mục tiêu: Giới thiệu mục tiêu, nội dung chính của bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề lập kế hoạch tài chính cá nhân, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

b) **Nội dung.** Học sinh làm việc cá nhân, chia sẻ suy nghĩ của bản thân về HS chia sẻ suy nghĩ về việc chi tiêu có kế hoạch và chi tiêu không có kế hoạch

c) **Sản phẩm.** Học sinh chỉ ra được những việc làm thể hiện việc chi tiêu có kế hoạch và những việc làm thể hiện chi tiêu không có kế hoạch của bản thân hoặc người thân

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ về việc chi tiêu có kế hoạch và chi tiêu không có kế hoạch để khai thác trải nghiệm của HS, dẫn dắt HS tiếp cận đến nội dung bài học.

Thực hiện nhiệm vụ

Một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Mỗi chúng ta ai cũng sẽ phải giải quyết những vấn đề về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm,... phân đấu cho các mục tiêu tài chính khác nhau và đối mặt với những rủi ro trong cuộc sống. Để thực hiện tốt được những vấn đề đó, kiểm soát được tình hình tài chính của bản thân và gia đình, mỗi người cần biết lập kế hoạch tài chính cá nhân.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân

a) **Mục tiêu.** HS nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân.

b) **Nội dung.** GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Những vấn đề tài chính cá nhân H phải giải quyết là gì?

2/ H đã có kế hoạch tài chính cá nhân để giải quyết các vấn đề đó như thế nào?

c) Sản phẩm.

- HS giải thích được các câu hỏi mà phần thông tin đưa ra

1/ Những vấn đề tài chính cá nhân H phải quyết là: làm thế nào để cân đối thu chi với khoản tiền bố mẹ chu cấp và làm thế nào để có thể tiết kiệm được một số tiền để thực hiện những mục tiêu của cá nhân?

2/ H đã có kế hoạch tài chính như: học tốt để có học bổng, làm thêm, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi không cần thiết.

- HS nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập: GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, các nhóm đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi: 1/ Những vấn đề tài chính cá nhân H phải giải quyết là gì? 2/ H đã có kế hoạch tài chính cá nhân để giải quyết các vấn đề đó như thế nào? Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. - Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận chung: <i>Kế hoạch tài chính cá nhân cần đảm bảo các yêu cầu gì</i> Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân Gv nhấn mạnh: Việc lập kế hoạch tài chính cá nhân có vai trò quan trọng đối với mỗi cá nhân, nó giúp chúng ta biết chi tiêu hợp lý, chủ động các công việc trong sinh hoạt	1. Khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân + Tài chính cá nhân là những vấn đề về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm,... của mỗi người. + Kế hoạch tài chính cá nhân là bản kế hoạch thu chi giúp quản lí tiền bạc của cá nhân bao gồm các quyết định về hoạt động tài chính như thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư,... để thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Các loại kế hoạch tài chính cá nhân

a) Mục tiêu. HS nêu được các loại kế hoạch tài chính cá nhân.

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 6 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

Nhóm 1,2: Tìm hiểu Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.

Nhóm 3,4: Tìm hiểu Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn.

Nhóm 5,6: Tìm hiểu Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn.

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

Biết phân biệt được sự giống và khác nhau ở mỗi loại kế hoạch tài chính cá nhân

- HS rút ra được đặc điểm của từng loại kế hoạch tài chính cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập:	2. Các loại kế hoạch cá nhân

Học sinh cùng làm việc theo nhóm lớp chia thành 6 nhóm, 2 nhóm tìm hiểu 1 nội dung, cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. <i>Nhóm 1,2: Tìm hiểu Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.</i> <i>Nhóm 3,4: Tìm hiểu Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn.</i> <i>Nhóm 5,6: Tìm hiểu Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật đặc điểm của từng loại kế hoạch Gv nhấn mạnh: Các kế hoạch này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, việc thực hiện tốt kế hoạch ngắn hạn là cơ sở để hoàn thành kế hoạch trung và dài hạn. Kế hoạch dài hạn muốn đạt được chúng ta phải hoàn thành các kế hoạch ngắn hạn	Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn + Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian ngắn (dưới 3 tháng). + Đặc điểm: mục tiêu ngắn hạn thường là cân đối chi tiêu với mức thu nhập đang có hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ,...; thời gian thực hiện ngắn. Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn + Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian từ 3 - 6 tháng. + Đặc điểm: thực hiện mục đích cân đối thu chi trong tiêu dùng hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ... thời gian thực hiện từ 3 - 6 tháng. Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn + Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện được những mục tiêu tài chính quan trọng trong thời gian từ 6 tháng trở lên. + Đặc điểm: mục tiêu thường là có được những khoản tiền lớn để thực hiện được các dự định trong tương lai, thời gian thực hiện từ 6 tháng trở lên, bao gồm kế hoạch thực hiện các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn để từng bước đạt được mục tiêu dài hạn.
---	---

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân

a) Mục tiêu. HS nêu được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc câu chuyện trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân đã giúp H rèn luyện được kĩ năng chi tiêu để đảm bảo cuộc sống như thế nào? H đã tự chủ trong cuộc sống ra sao và được bạn bè tôn trọng thế nào?

2/ Việc không có kế hoạch tài chính cá nhân đã mang lại những hậu quả gì cho Q?

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

Thông qua việc lập kế hoạch tài chính cá nhân H đã thực hiện tốt được một số mục đích của bản thân,

Việc không có kế hoạch đã khiến Q chi tiêu không hợp lý,

- HS rút ra được vai trò của lập kế hoạch tài chính cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc câu chuyện trong	3. Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính

SGK và trả lời câu hỏi: 1/ Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân đã giúp H rèn luyện được kỹ năng chi tiêu để đảm bảo cuộc sống như thế nào? H đã tự chủ trong cuộc sống ra sao và được bạn bè tôn trọng thế nào? 2/ Việc không có kế hoạch tài chính cá nhân đã mang lại những hậu quả gì cho Q? Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân. Gv nhấn mạnh: Cá nhân không có kế hoạch tài chính cá nhân sẽ luôn luôn bị động trong quá trình chi tiêu, cũng như rất khó đạt được những mục tiêu đề ra	cá nhân Việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân giúp mỗi người: + Tính toán, cân nhắc nên dành những khoản chi phí cần thiết cho đời sống, học tập. + Chủ động nắm chắc tình hình tài chính của bản thân để điều chỉnh cho phù hợp. + Duy trì được chi tiêu tài chính lành mạnh, không lãng phí, không bị thâm hụt hay nợ nần và còn tiết kiệm để thực hiện các mục tiêu tài chính quan trọng khác trong tương lai, giúp tự chủ trong cuộc sống. + Được mọi người tôn trọng, quý mến.
--	--

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân

a) Mục tiêu. HS biết các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, các nhóm cùng nhau thực hành lập kế hoạch tài chính cá nhân của nhóm mình qua 4 bước cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS xác định được các bước, yêu cầu của từng bước để lập được kế hoạch tài chính cá nhân

Bước 1: Xác định mục tiêu tài chính và thời hạn thực hiện

Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân

Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân

Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập: GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, các nhóm cùng nhau thực hành lập kế hoạch tài chính cá nhân của nhóm mình qua 4 bước cụ thể <i>Bước 1: Xác định mục tiêu tài chính và thời hạn thực hiện</i> <i>Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân</i> <i>Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân</i> <i>Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận	4. Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân <i>Bước 1: Xác định mục tiêu tài chính và thời hạn thực hiện</i> + Mục tiêu tài chính là mục tiêu cần hướng tới khi lập kế hoạch tài chính cá nhân. Nó có thể liên quan đến những mong muốn cân đối chi tiêu, tiết kiệm, kiếm tiền tăng thu nhập,... <i>Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân</i> + Cần ghi chép đầy đủ các khoản thu - chi, đặc biệt là các khoản chi,

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề cần lưu ý khi thực hiện từng bước Gv nhấn mạnh: Bước 1 cần lưu ý: Để xác định mục tiêu tài chính, cần đánh giá năng lực tài chính của cá nhân, nhìn nhận những điều cần thiết nhất để đảm bảo cuộc sống, từ đó xác định mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn và cân nhắc xem mục tiêu đặt ra có ý nghĩa như thế nào để xem đó là động lực phải thực hiện bằng được. Bước 2 cần lưu ý: Phải kiểm soát việc thực hiện mục tiêu: Không vì mục tiêu tiết kiệm cũng như mục tiêu cân đối thu chi mà cắt giảm những khoản chi tiêu thiết yếu làm ảnh hưởng đến sức khỏe và điều kiện học tập. Không vì theo đuổi mục tiêu Idem tiền tăng thu nhập mà quên mục tiêu quan trọng nhất là phải học tập tốt. Bước 3 cần lưu ý: Để lập kế hoạch tài chính cá nhân đòi hỏi phải có những quy tắc thu chi cá nhân để định hướng, đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của kế hoạch Bước 4 cần lưu ý: Để đạt được những mục tiêu đã đặt ra trong kế hoạch tài chính cá nhân, cần tuân thủ thực hiện đúng các định mức chi tiêu như đã đề ra trong kế hoạch	tách được những khoản chi thiết yếu (những thứ em cần) và những khoản không thiết yếu (những thứ em muốn) để theo dõi, kiểm soát mức chi với mức thu nhập cho phép. Nếu chi vượt quá mức phải nhanh chóng có phương án điều chỉnh, để cân đối. <i>Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân</i> + Đó là các quy tắc: đảm bảo chi tiêu không vượt mức thu cho phép, phân bổ thu nhập cho các khoản chi và có tiết kiệm sao cho không ảnh hưởng đến các khoản chi thiết yếu, tăng thu nhập nhưng không được ảnh hưởng đến kết quả học tập. <i>Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân</i> + Nếu có những khoản chi đột xuất cần nhanh chóng tìm cách điều chỉnh. Nếu nhu cầu thực tế hay thu nhập có thay đổi, cần cập nhật và điều chỉnh để bản kế hoạch phù hợp với thực tế.
---	---

3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Em hãy cho biết những ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

a) **Mục tiêu.** HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b) **Nội dung.** Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

a. Sai, vì mục tiêu lập kế hoạch tài chính cá nhân trước hết là cân đối thu chi, trên cơ sở đó thực hiện được mục tiêu tiết kiệm.

b. Sai, vì lập kế hoạch tài chính cá nhân nhiều khi không đặt ra mục tiêu tăng thu nhập mà chủ yếu là cân đối thu chi và tiết kiệm.

c. Đúng, vì nếu có thói quen lập kế hoạch tài chính cá nhân thì sẽ rèn luyện được thói quen chi tiêu đúng mức, có phương án tiết kiệm để dự phòng cho tương lai.

d. Đúng, vì lập kế hoạch tài chính cá nhân nghĩa là luôn có phương án cân đối thu chi, kiểm soát chi tiêu và tiết kiệm, đó là những biện pháp bảo vệ tài chính của mỗi người.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về tài chính cá nhân.

Bài tập 2: Em có nhận xét gì về việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân của các nhân vật trong các trường hợp dưới đây?

a) Mục tiêu. HS liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b) Nội dung. HS đọc từng trường hợp trong SGK, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách nêu nhận xét của mình về hành vi của các nhân vật

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân của K là chưa đúng, vì phạm nguyên tắc chi tiêu vì cắt giảm những khoản chi tiêu thiết yếu làm ảnh hưởng đến sức khỏe.

b. Đây là một biểu hiện tiêu cực vì không chỉ lập kế hoạch mà quan trọng hơn là phải thực hiện được kế hoạch tài chính cá nhân.

c. Đây là một thói quen tốt vì làm như vậy sẽ xác định chính xác những thứ cần mua, tránh được việc chi tiêu tùy tiện, vừa tiết kiệm thời gian mua sắm.

d. Đây là thói quen tốt, luôn lên kế hoạch cho mọi khoản chi tiêu sẽ kiểm soát tài chính tốt.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS đọc từng trường hợp trong SGK, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách nêu nhận xét của mình về hành vi của các nhân vật

Thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu kế hoạch tài chính cá nhân

Bài tập 3: Em hãy cùng các bạn thảo luận các chủ đề sau:

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b) Nội dung. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm lần lượt các chủ đề:

a. Tiết kiệm chi tiêu nhưng vẫn bảo đảm tốt cuộc sống.

b. Thực hiện tiêu dùng thông minh để thực hiện tốt kế hoạch tài chính cá nhân.

c) Sản phẩm.

- HS nhận biết và chỉ ra được những việc cần làm nhằm thực hiện tốt được kế hoạch tài chính của bản thân.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm lần lượt các chủ đề:

a. Tiết kiệm chi tiêu nhưng vẫn bảo đảm tốt cuộc sống.

b. Thực hiện tiêu dùng thông minh để thực hiện tốt kế hoạch tài chính cá nhân.

- Tùy theo thời gian, GV cho HS thảo luận cả hai chủ đề, nếu không có thể chọn một trong hai chủ đề để thảo luận.

GV gợi ý cho HS suy nghĩ về những quy tắc trong chi tiêu và tiết kiệm, đặc biệt là quy tắc chi tiết kiệm bằng việc cắt giảm những khoản chi tiêu không thực sự thiết yếu. Ngoài ra còn có những biện pháp tiêu dùng thông minh đảm bảo được nhu cầu thiết yếu nhưng vẫn tiết kiệm được tiền ví dụ như: mua hàng khuyến mại như thế nào? Lựa chọn mua sản phẩm tồn ít nhiên liệu? Lựa chọn mua quần áo như thế nào để có thể kết hợp với nhau?...

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Kết luận, nhận định.

Thực hiện tốt kế hoạch tài chính cá nhân sẽ thực hiện được điều này. Phải liệt kê những thứ rất cần cho cuộc sống như thức ăn, nước uống, điện, phương tiện đi lại,... cân nhắc để mua sắm những thứ cần thiết này với chất lượng và giá cả phải chăng, phù hợp với túi tiền. Hơn nữa, phải sử dụng những vật dụng thiết yếu một cách tiết kiệm, hiệu quả,...

Bài tập 4: Em hãy xử lý tình huống sau?

a) Mục tiêu. HS biết liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến tài chính cá nhân.

b) Nội dung. GV có thể tổ chức cho các nhóm thảo luận hoặc tổ chức cho các nhóm sắm vai thể hiện tình huống và đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được một số nội dung sau

a. Em sẽ nói với V về việc HS có kế hoạch tài chính cá nhân và thực hiện kế hoạch này sẽ không ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn giúp mình rèn luyện được thói quen chi tiêu có kế hoạch, tiết kiệm, làm chủ được tài chính của mình, rất có lợi không chỉ trong hiện tại mà cả tương lai. Với những bạn có hoàn cảnh khó khăn thì càng cần phải rèn luyện kỹ năng này để giảm bớt gánh nặng tài chính cho bố mẹ, người thân.

b. Ngay lập tức, em sẽ lập kế hoạch chi tiêu cho 6 ngày tiếp theo với số tiền còn lại là 500 000 đồng. Như vậy mỗi ngày hai anh em chỉ được chi 84 000 đồng. Cần đưa ra các phương án chi tiêu khác nhau với số tiền này để duy trì mức sinh hoạt cần thiết cho cả hai anh em. Ví dụ: mỗi anh em ăn sáng hết 10 000 đồng, đi chợ mua thức ăn về tự nấu cơm ở nhà mất 50 000 đồng,... còn lại 14 000 đồng để chi cho những khoản khác.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV có thể tổ chức cho các nhóm thảo luận hoặc tổ chức cho các nhóm sắm vai thể hiện tình huống và đưa ra đáp án.

- GV hướng dẫn các nhóm đọc tình huống, xây dựng kịch bản, phân công vai diễn sau đó thể hiện đoạn kịch ngắn trước lớp

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy viết bài kể về một trường hợp chi tiêu có kế hoạch trong cuộc sống và bài học rút ra cho bản thân.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS viết về một trải nghiệm của bản thân hoặc từ câu chuyện của người khác chi tiêu có kế hoạch trong cuộc sống.

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS viết về một trải nghiệm của bản thân hoặc từ câu chuyện của người khác chi tiêu có kế hoạch trong cuộc sống.

GV giới hạn bài viết trong một trang, quy định thời gian nộp bài viết.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định.

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về kế hoạch tài chính cá nhân.

Bài tập 2: Giả định em có mục tiêu tài chính tiết kiệm được 200 000 đồng trong một tháng. Hãy lập kế hoạch tài chính cá nhân để thực hiện mục tiêu này và chia sẻ với các bạn.

a) Mục tiêu. HS tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo trong việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân.

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS đưa ra kế hoạch thực hiện mục tiêu tiết kiệm 200 000 đồng trong một tháng:

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, đó là dự kiến các nội dung để thực hiện mục tiêu tiết kiệm

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS đưa ra kế hoạch thực hiện mục tiêu tiết kiệm 200 000 đồng trong một tháng:

- Xác định thời gian thực hiện trong bao lâu?
- Cách thực hiện tiết kiệm như thế nào?
- Chú ý không được cắt giảm những khoản chi thiết yếu làm ảnh hưởng đến sức khỏe và học tập.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh

BÀI ÔN TẬP GIỮA KỲ 1 (Bộ kết nối tri thức với cuộc sống)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.

1. Về mục tiêu:

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình

- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

- Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác,

- HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình.

2. Năng lực cần hướng tới :

- Năng lực chung:

+ *Tự chủ và tự học* để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra

+ *Giao tiếp và hợp tác* trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ *Giải quyết vấn đề* và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó

Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

3. Phẩm chất:

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

Ôn tập các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội

Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế

Bài 3: Thị trường

Bài 4: Cơ chế thị trường

Bài 5: Ngân sách nhà nước

III. HÌNH THỨC ÔN TẬP:

1. Củng cố kiến thức cơ bản

- Giáo viên củng cố lại các kiến thức cơ bản của từng bài dưới dạng sơ đồ tư duy

- Khắc sâu những kiến thức cần nhớ để ôn tập và kiểm tra

2. Luyện tập một số dạng câu hỏi ôn tập

- Câu hỏi trắc nghiệm
- Câu hỏi tình huống

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhớ lại những kiến thức cơ bản đã học trong nửa đầu học kỳ 1

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”

Em hãy nhắc lại những kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài số 5

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”

Luật chơi:

- Chia lớp thành 2 nhóm: Nhóm A và B. Trong vòng 5 phút các em lần lượt lên bảng những đơn vị kiến thức mà mình đã được học
- Đại diện nhóm lên trình bày những sản phẩm mà nhóm mình tìm được.

Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiến hành chia nhóm, phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm
- Các thành viên tham gia làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

Báo cáo và thảo luận

- Các học sinh trong nhóm lần lượt lên trình bày
- Học sinh cử đại diện nhóm lần lượt trình bày các câu trả lời.

Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá, về mặt nhận thức của học sinh đối với các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ tóm tắt củng cố lại các đơn vị kiến thức đã học

a. Mục tiêu:

- HS củng cố lại được các đơn vị kiến thức đã học trong các bài 1 đến bài 5

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm mỗi nhóm sẽ tiến hành vẽ sơ đồ tư duy cho 1 bài
- Học sinh làm việc theo nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được những đơn vị kiến thức cơ bản của từng bài để củng cố bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị trước tại nhà theo các nhóm

Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội

Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế

Bài 3: Thị trường

Bài 4: Cơ chế thị trường

Bài 5: Ngân sách nhà nước

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm, các nhóm trình bày ra tờ giấy A0 để chuẩn bị trình bày vào tiết sau

- Khuyến khích các cách trình bày sáng tạo và độc đáo

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình.
- Giáo viên đánh giá kết quả của từng nhóm

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Giới thiệu một số sơ đồ tư duy để tham khảo

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Luyện tập câu hỏi trắc nghiệm và tình huống

a. Mục tiêu:

- HS biết vận dụng kiến thức vào làm bài tập cụ thể
- Giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tiễn

b. Nội dung:

- GV cho học sinh làm việc cá nhân, các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh trả lời được câu hỏi, biết vận dụng các kiến thức để có thể giải quyết các tình huống trong thực tiễn

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm một số bài tập dưới đây

Câu 1: Quá trình phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất để tạo ra sản phẩm là nội dung của khái niệm

- A. sản xuất B. phân phối. C. tiêu dùng D. trao đổi.

Câu 2: Khi tiến hành phân bổ nguyên vật liệu của công ty tới các bộ phận khác nhau trong dây chuyền sản xuất, quá trình này gắn liền với hoạt động nào dưới đây của nền kinh tế xã hội ? A. sản xuất. B. tiêu dùng. C. phân phối. D. trao đổi.

Câu 3: Phân phối - trao đổi là hoạt động có vai trò

- A. giải quyết lợi ích kinh tế của chủ doanh nghiệp.
B. là cầu nối sản xuất với tiêu dùng.
C. phân bổ nguồn lực cho sản xuất kinh doanh.
D. là động lực kích thích người lao động.

Câu 4: Trong các hoạt động kinh tế, hoạt động nào đóng vai trò trung gian, kết nối người sản xuất với người tiêu dùng?

- A. Hoạt động vận chuyển - tiêu dùng B. Hoạt động phân phối - trao đổi
C. Hoạt động sản xuất - vận chuyển D. Hoạt động sản xuất - tiêu thụ

Câu 5: Trong nền kinh tế, việc tiến hành phân chia các yếu tố sản xuất cho các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm được gọi là

- A. trao đổi trong sản xuất. B. tiêu dùng cho sản xuất.
C. sản xuất của cải vật chất. D. phân phối cho sản xuất

Câu 6: Trong nền kinh tế, việc tiến hành phân chia kết quả sản xuất cho tiêu dùng được gọi là

- A. sản xuất của cải vật chất. B. phân phối cho sản xuất
C. phân phối cho tiêu dùng. D. tiêu dùng cho sản xuất.

Câu 7: Trong mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng, thì phân phối và trao đổi đóng vai trò là

- A. trung gian. B. nâng đỡ.
C. quyết định D. triệt tiêu.

Câu 8: Những người sản xuất để cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội được gọi là chủ thể

- A. phân phối. B. sản xuất. C. nhà nước. D. tiêu dùng.

Câu 9: Một trong những vai trò của chủ thể kinh tế nhà nước là

- A. thúc đẩy lạm phát gia tăng. B. tăng tỷ lệ thất nghiệp cơ học.
C. giảm tỷ lệ trẻ mù chữ. D. quản lý vĩ mô nền kinh tế.

Câu 10: Trong nền kinh tế hàng hóa, người tiến hành các hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn các nhu cầu tiêu dùng cá nhân được gọi là

- A. chủ thể tiêu dùng. B. chủ thể trung gian.

C. chủ thể nhà nước

D. chủ thể sản xuất.

Câu 11: Trong nền kinh tế hàng hóa, chủ thể nào dưới đây tiến hành các hoạt động mua hàng, tích trữ hàng hóa rồi bán lại cho các đại lý?

A. chủ thể sản xuất.

B. chủ thể nhà nước

C. chủ thể tiêu dùng.

D. chủ thể trung gian.

Câu 12: Theo phạm vi của quan hệ mua bán, thị trường được phân chia thành thị trường

A. trong nước và quốc tế.

B. hoàn hảo và không hoàn hảo.

C. truyền thống và trực tuyến.

D. cung - cầu về hàng hóa.

Câu 13: Một trong những quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ

A. cung - sản xuất.

B. cung - cạnh tranh.

C. cung - cầu.

D. cung - nhà nước

Câu 14: Bên cạnh chức năng thừa nhận và chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng, thị trường còn có chức năng

A. thực hiện.

B. thông tin.

C. mua - bán.

D. kiểm tra.

Câu 15: Việc phân chia thị trường thành thị trường tư liệu sản xuất - thị trường tư liệu tiêu dùng dựa trên cơ sở nào?

A. Phạm vi các quan hệ mua bán, trao đổi.

B. Vai trò của các đối tượng mua bán, trao đổi.

C. Đối tượng mua bán, trao đổi.

D. Tính chất của các mối quan hệ mua bán, trao đổi.

Câu 16: Trong nền kinh tế hàng hóa, giá cả thị trường được hình thành thông qua việc thỏa thuận giữa các chủ thể kinh tế tại

A. quốc gia giàu có.

B. thời điểm cụ thể.

C. một cơ quan nhà nước.

D. một địa điểm giao hàng.

Câu 17: Trong nền kinh tế hàng hóa, giá bán thực tế của hàng hóa trên thị trường được gọi là

A. giá trị sử dụng.

B. giá trị hàng hóa.

C. giá cả thị trường.

D. giá cả nhà nước

Câu 18: Câu tục ngữ "Cá lớn nuốt cá bé" chỉ quy luật kinh tế nào?

A. Quy luật cạnh tranh

B. Quy luật lưu thông tiền tệ

C. Quy luật cung - cầu

D. Quy luật giá trị

Câu 19: Khi các chủ thể kinh tế căn cứ vào các thông tin của giá cả thị trường để đưa ra các quyết định phù hợp nhằm thu được lợi nhuận về mình là nói về

A. khái niệm giá cả thị trường.

B. quy luật của giá cả thị trường.

C. bản chất của giá cả thị trường.

D. chức năng giá cả thị trường.

Câu 20: Một trong những quy luật kinh tế tác động tới việc tự điều chỉnh của cơ chế thị trường là quy luật

A. lợi nhuận.

B. cung cầu.

C. mua bán.

D. tiêu dùng.

Câu 21: Ngân sách nhà nước là

A. bản dự trù thu chi tài chính của Nhà nước trong một khoảng thời gian nhất định

B. quỹ tiền tệ tập trung chi cho cơ sở hạ tầng và an sinh xã hội.

C. khoản thu của những quan hệ kinh tế phát sinh trong thị trường kinh tế.

D. khoản dự trù thu chi từ dân và cho dân.

Câu 22: Theo quy định của Luật ngân sách thì ngân sách địa phương là các khoản thu và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp.

A. nhà nước.

B. địa phương

C. địa phương

D. trung ương.

Câu 23: Ngân sách nhà nước do cơ quan nào quyết định để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước?

A. Chính phủ.

B. Chủ tịch nước.

C. cơ quan địa phương.

D. cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Câu 24: Toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước được gọi là

- A.** tài chính nhà nước.
B. kho bạc nhà nước.
C. tiền tệ nhà nước.
D. ngân sách nhà nước.

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc câu hỏi, ghi kết quả làm bài vào vở
- Trao đổi thảo luận với các bạn xung quang về kết quả làm bài của mình

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu các học sinh trả lời kết quả làm bài của mình.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

3. Hoạt động 3: Định hướng làm bài kiểm tra định kỳ

a. Mục tiêu bài kiểm tra: Học sinh bước đầu hình dung được yêu cầu, mục đích, nhiệm vụ của bài kiểm tra định kỳ. Có kế hoạch ôn tập để làm bài kiểm tra hiệu quả

b. Nội dung kiểm tra

- Phổ biến nội dung kiểm tra
- Hình thức kiểm tra
- Thời gian kiểm tra
- Biểu điểm và các quy định đối với bài kiểm tra

c. Giới hạn kiểm tra:

Kiến thức cơ bản

Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội

Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế

Bài 3: Thị trường

Bài 4: Cơ chế thị trường

Bài 5: Ngân sách nhà nước

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

BÀI 11: KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

Thời lượng: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1.Về kiến thức

Nêu được khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến pháp luật.
- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc chấp hành pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện pháp luật của Nhà nước; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm pháp luật.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản về pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề pháp luật đang diễn ra ở Việt Nam và thế giới; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật và lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện pháp luật.
- Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

TIẾT 1:

1. Hoạt động: mở đầu

a) Mục tiêu. Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, chia sẻ suy nghĩ của bản thân về một tình huống vi phạm pháp luật mà các em biết hoặc chứng kiến và nêu nhận xét về hình huống đó.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu biết đánh giá được hành vi thực hiện pháp luật của bản thân và người khác

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV gọi một vài HS chia sẻ về một tình huống vi phạm pháp luật mà các em biết hoặc chứng kiến và nêu nhận xét về hình huống đó.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

Một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mỗi công dân cần phải “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”. Hiểu biết về pháp luật sẽ giúp chúng ta có những ứng xử phù hợp, đúng pháp luật và thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm pháp luật

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm pháp luật và biết được chủ thể có thẩm quyền ban hành và bảo đảm thực hiện pháp luật.

b) Nội dung. HS làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống để trả lời câu hỏi trong SGK: 1/ Theo em, người cảnh sát giao thông có nên bỏ qua lỗi của anh T không? Vì sao?

2/ Quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung được thể hiện như thế nào trong tình huống trên?

c) Sản phẩm.

- HS giải thích được các câu hỏi mà phần thông tin đưa ra

1/ Người cảnh sát giao thông không được phép bỏ qua lỗi vi phạm của anh T vì nếu ai cũng như anh T, tự do di chuyển trên đường, không chấp hành quy định của pháp luật về an toàn giao thông sẽ dẫn đến ách tắc giao thông, tai nạn giao thông,... Việc xử phạt người có hành vi vi phạm pháp luật sẽ ngăn ngừa, hạn chế tai nạn giao thông, bảo đảm giao thông được thông suốt, an toàn cho mọi người, bảo đảm pháp luật được thực hiện nghiêm minh trong cuộc sống, là một trong những nhiệm vụ của cảnh sát giao thông.

2/ Nhà nước ban hành quy định phải dừng xe trước vạch kẻ đường khi có tín hiệu đèn đỏ và các quy định khác trong giao thông nhằm bảo đảm an toàn cho người tham gia giao thông, tạo điều kiện để giao thông an toàn, thông suốt. Tất cả người tham gia giao thông đều phải thực hiện các quy định này để bảo đảm an toàn cho bản thân và những người đi đường, phòng ngừa tai nạn giao thông, bảo đảm giao thông được thông suốt. Nếu người tham gia giao thông không chấp hành các quy định này thì tùy mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra sẽ phải gánh chịu các biện pháp xử lý hành chính hoặc hình sự theo quy định của pháp luật. Vì vậy, quy định phải dừng xe trước vạch kẻ đường khi có tín hiệu đèn đỏ và các quy định khác trong giao thông là những quy tắc xử sự chung.

- HS nêu được khái niệm pháp luật là gì.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống để trả lời câu hỏi trong SGK: 1/ Theo em, người cảnh sát giao thông có nên bỏ qua lỗi của anh T không? Vì sao? 2/ Quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung được thể hiện như thế nào trong tình huống trên? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. GV gợi ý các quy định bắt buộc đối với người tham gia giao thông có vai trò thế nào trong việc đảm bảo trật tự, an toàn giao thông. Nếu người tham gia giao thông không chấp hành tín hiệu đèn giao thông, hiệu lệnh của người điều khiển giao thông thì điều gì sẽ xảy ra? Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân Gv nhấn mạnh: + Nội dung pháp luật là những chuẩn mực về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Nhà nước, của cá nhân và các tổ chức như: được làm những gì, được hưởng những lợi ích nào, phải làm gì, không được làm gì, phải chịu trách nhiệm và hình thức xử lý như thế nào khi vi phạm quy tắc chung. + Chỉ Nhà nước mới có thẩm quyền ban hành pháp luật và bảo đảm thực hiện pháp luật trong đời sống xã hội. Pháp luật được Nhà nước bảo đảm thi hành bằng quyền lực nhà	1. Khái niệm pháp luật Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do Nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

nước. Trường hợp vi phạm pháp luật, Nhà nước sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết để bảo đảm pháp luật được thực hiện nghiêm minh, bảo vệ lợi ích của công dân và xã hội.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Đặc điểm của pháp luật

a) Mục tiêu. HS nêu được các đặc điểm của pháp luật.

b) Nội dung. HS làm việc nhóm, HS thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi trong SGK:

1/ Vì sao N bị xử phạt? Tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực, bắt buộc chung của pháp luật được thể hiện như thế nào trong trường hợp này?

2/ Để các quy phạm phổ biến được áp dụng vào đời sống xã hội thì các quy phạm đó phải được thể hiện qua hình thức nào?

3/ Nêu ví dụ minh họa cho các đặc điểm của pháp luật.

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

1/ Trong trường hợp của N, tính quy phạm phổ biến thể hiện:

+ Theo quy định của pháp luật, khi tham gia giao thông, người điều khiển phương tiện giao thông phải đội mũ bảo hiểm. Người từ 16 tuổi đến 18 tuổi được sử dụng xe dưới 50cm³. Quy định này được áp dụng đối với tất cả mọi người, ở mọi nơi. Bất kì người nào khi tham gia giao thông đều phải thực hiện. Đây là thể hiện của tính quy phạm phổ biến.

+ N (15 tuổi) đi xe máy không đội mũ bảo hiểm và sử dụng xe máy khi chưa đủ tuổi là hành vi vi phạm quy định của pháp luật giao thông đường bộ.

+ Việc N bị cảnh sát giao thông xử phạt đối với N vì có hành vi vi phạm là sự thể hiện tính quyền lực, bắt buộc chung của pháp luật.

2/ Để các quy phạm phổ biến được áp dụng vào đời sống xã hội thì các quy phạm pháp luật được thể hiện thông qua hình thức văn bản quy phạm pháp luật. Trong trường hợp của N, các quy định áp dụng đối với N được thể hiện trong Luật Giao thông đường bộ.

3/ Ví dụ, Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016 quy định nghiêm cấm các hành vi: Tước đoạt quyền sống của trẻ em; Bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em; Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em để chỉ ra sự thể hiện của tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực, bắt buộc chung và tính xác định chặt chẽ về hình thức trong các đặc điểm của pháp luật.

- HS rút ra được đặc điểm của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, HS thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi trong SGK: 1/ Vì sao N bị xử phạt? Tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực, bắt buộc chung của pháp luật được thể hiện như thế nào trong trường hợp này? 2/ Để các quy phạm phổ biến được áp dụng vào đời sống xã hội thì các quy phạm đó phải được thể hiện qua hình thức nào? 3/ Nêu ví dụ minh họa cho các đặc điểm của pháp luật. Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội	b. Đặc điểm của pháp luật <i>* Biểu hiện của tính quy phạm phổ biến của pháp luật:</i> - Pháp luật là khuôn mẫu, là quy tắc xử sự chung cho mọi người, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi. - Bất kì ai ở trong điều kiện, hoàn cảnh nhất định đều phải xử sự theo khuôn mẫu pháp luật quy định <i>* Biểu hiện của tính quyền lực, bắt buộc chung của pháp luật:</i> - Quy phạm pháp luật do Nhà nước (cơ quan nhà nước có thẩm quyền) ban hành. - Mọi cá nhân, tổ chức đều bắt buộc

dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật vai trò của từng đặc điểm Gv nhấn mạnh: Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức giúp cho người dân nhận thức được biểu hiện bên ngoài của pháp luật, để thực hiện pháp luật, để kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật của bản thân và của người khác, đồng thời góp phần hạn chế, ngăn ngừa sự tùy tiện, lợi dụng việc ban hành pháp luật phục vụ lợi ích riêng. Tính quyền lực, bắt buộc chung nhằm ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm các quy định pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh đối với mọi cá nhân, tổ chức dưới sự quản lý của Nhà nước. Tính quy phạm phổ biến là một chuẩn mực nhất định để các cá nhân, tổ chức khi tham gia các quan hệ xã hội phải ứng xử phù hợp với các chuẩn mực đó. Từ đó, giúp cho xã hội hoạt động, phát triển trong trật tự ổn định, thông qua đó, Nhà nước thực hiện việc quản lý xã hội.	phải thực hiện theo khuôn mẫu chung mà Nhà nước quy định. * Biểu hiện của tính xác định chặt chẽ về hình thức của pháp luật: - Pháp luật phải được thể hiện bằng văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ban hành. Chỉ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền do Hiến pháp và luật quy định mới được ban hành văn bản quy phạm pháp luật. - Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải tuân theo trình tự, thủ tục hình thức pháp luật quy định. - Ngôn ngữ rõ ràng, chính xác, chỉ mang một nghĩa nhất định. - Nội dung phải đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật.
---	--

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội

a) Mục tiêu. HS nêu được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội..

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

Thông tin 1: Pháp luật là phương tiện quản lý xã hội

+ Hành vi xả thải chất độc vào môi trường của công ty hoá chất A đã làm ô nhiễm môi trường, vi phạm “nghĩa vụ và trách nhiệm bảo vệ môi trường của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân

+ Việc xử phạt đối với Công ty Hoá chất A có tác dụng ngăn chặn, chấm dứt hành vi gây ô nhiễm môi trường và khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường do công ty gây ra; góp phần giáo dục, nâng cao trách nhiệm bảo vệ môi trường của Công ty A và các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh

Thông tin 2: Pháp luật là phương tiện để công dân bảo vệ quyền và lợi ích

Trong trường hợp trên, Toà án đã căn cứ vào các quy định tại khoản 1 Điều 37, Điều 39 và Điều 41 của Bộ luật Lao động để huỷ Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động của Công ty X đối với anh B. Buộc công ty phải tiếp nhận lại anh B, bố trí công việc phù hợp với sức khỏe của anh và hoàn trả anh các chế độ theo quy định.

- HS rút ra được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc	2. Vai trò của pháp luật * <i>Pháp luật là phương tiện để Nhà</i>

và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. <i>Thông tin 1: Pháp luật là phương tiện quản lý xã hội</i> <i>Thông tin 2: Pháp luật là phương tiện để công dân bảo vệ quyền và lợi ích</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật đặc điểm của từng vai trò Gv nhấn mạnh: Nhà nước tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Luật Giao thông đường bộ trên các phương tiện thông tin để mọi người biết và thực hiện. Đối với những trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, các cơ quan chức năng xử phạt theo quy định của pháp luật.	<i>nước quản lý xã hội.</i> Pháp luật điều chỉnh, định hướng các quan hệ xã hội theo khuôn mẫu chung thống nhất, tạo nên trật tự xã hội ổn định, đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội. -Pháp luật là phương tiện để Nhà nước kiểm tra, kiểm soát hoạt động của cá nhân, tổ chức, trong phạm vi lãnh thổ của mình. -Pháp luật tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước phát huy quyền lực, sức mạnh trong quản lý nhà nước nhằm đảm bảo dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội. <i>* Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện quyền và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.</i> - Pháp luật xác lập, ghi nhận các quyền của công dân trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. - Tạo cơ sở pháp lý để công dân thực hiện quyền và yêu cầu Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân. -Tạo cơ sở pháp lý để giải quyết các tranh chấp, khiếu nại và xử lý các hành vi xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
--	---

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân

a) Mục tiêu. HS biết các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.

b) Nội dung. GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, các nhóm cùng nhau thực hành lập kế hoạch tài chính cá nhân của nhóm mình qua 4 bước cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS xác định được các bước, yêu cầu của từng bước để lập được kế hoạch tài chính cá nhân

Bước 1: Xác định mục tiêu tài chính và thời hạn thực hiện

Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân

Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân

Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, các nhóm cùng nhau thực hành lập kế hoạch tài chính cá nhân của nhóm mình qua 4 bước cụ thể <i>Bước 1: Xác định mục tiêu tài chính và thời hạn thực hiện</i> <i>Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân</i> <i>Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân</i>	4. Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân <i>Bước 1: Xác định mục tiêu tài chính và thời hạn thực hiện</i> + Mục tiêu tài chính là mục tiêu cần hướng tới khi lập kế hoạch tài chính cá nhân. Nó có thể liên quan đến những mong muốn cần đối chi

<i>Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề cần lưu ý khi thực hiện từng bước Gv nhấn mạnh: Bước 1 cần lưu ý: Để xác định mục tiêu tài chính, cần đánh giá năng lực tài chính của cá nhân, nhìn nhận những điều cần thiết nhất để đảm bảo cuộc sống, từ đó xác định mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn và cân nhắc xem mục tiêu đặt ra có ý nghĩa như thế nào để xem đó là động lực phải thực hiện bằng được. Bước 2 cần lưu ý: Phải kiểm soát việc thực hiện mục tiêu: Không vì mục tiêu tiết kiệm cũng như mục tiêu cân đối thu chi mà cắt giảm những khoản chi tiêu thiết yếu làm ảnh hưởng đến sức khỏe và điều kiện học tập. Không vì theo đuổi mục tiêu Idem tiền tăng thu nhập mà quên mục tiêu quan trọng nhất là phải học tập tốt. Bước 3 cần lưu ý: Để lập kế hoạch tài chính cá nhân đòi hỏi phải có những quy tắc thu chi cá nhân để định hướng, đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của kế hoạch Bước 4 cần lưu ý: Để đạt được những mục tiêu đã đặt ra trong kế hoạch tài chính cá nhân, cần tuân thủ thực hiện đúng các định mức chi tiêu như đã đề ra trong kế hoạch	tiêu, tiết kiệm, kiểm tiền tăng thu nhập,... <i>Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân</i> + Cần ghi chép đầy đủ các khoản thu - chi, đặc biệt là các khoản chi, tách được những khoản chi thiết yếu (những thứ em cần) và những khoản không thiết yếu (những thứ em muốn) để theo dõi, kiểm soát mức chi với mức thu nhập cho phép. Nếu chi vượt quá mức phải nhanh chóng có phương án điều chỉnh, để cân đối. <i>Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân</i> + Đó là các quy tắc: đảm bảo chi tiêu không vượt mức thu cho phép, phân bổ thu nhập cho các khoản chi và có tiết kiệm sao cho không ảnh hưởng đến các khoản chi thiết yếu, tăng thu nhập nhưng không được ảnh hưởng đến kết quả học tập. <i>Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân</i> + Nếu có những khoản chi đột xuất cần nhanh chóng tìm cách điều chỉnh. Nếu nhu cầu thực tế hay thu nhập có thay đổi, cần cập nhật và điều chỉnh để bản kế hoạch phù hợp với thực tế.
---	---

3. Hoạt động: Luyện tập

Bài tập 1: Em hãy cho biết nội dung nào sau đây là quy định pháp luật? vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức chấp hành pháp luật.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

a.- Là quy định pháp luật vì Bộ luật Lao động do Nhà nước ban hành, điều chỉnh quan hệ lao động. Bất kì ai tham gia vào quan hệ lao động đều phải thực hiện. Nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

b.- Không phải là quy định pháp luật vì quy định này chỉ áp dụng đối với đoàn viên trong tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

c.- Không phải là quy định pháp luật vì đây là nội quy của Công ty Y và chỉ áp dụng với các thành viên trong Công ty Y.

d.- Không phải là quy định pháp luật vì đây chỉ là quy định trích từ Quy chế tổ chức Đại hội cổ đông thường niên của Công ty cổ phần X và chỉ áp dụng đối với các cổ đông trong thời gian đại hội cổ đông.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về tài chính cá nhân.

Bài tập 2: Em hãy chỉ ra các đặc điểm của pháp luật thể hiện trong các quy định sau:

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức chấp hành pháp luật

b) Nội dung. HS đọc từng trường hợp trong SGK, và chỉ ra được đặc điểm của pháp luật được thể hiện qua từng đặc điểm

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

+ Tất cả mọi người đều phải thực hiện những quy định này - Tính quy phạm phổ biến.

+ Nếu không thực hiện hoặc có hành vi vi phạm các quy định này đều bị xử lý theo pháp luật - Tính quyền lực, bắt buộc chung.

+ Các quy định này được thể hiện trong Hiến pháp (a), Luật Bảo vệ môi trường (b), Luật Trẻ em (c) - Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV dựa vào các đặc điểm của pháp luật để phân tích, chỉ ra từng đặc điểm trong từng ý của nội dung a, b, c.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

Bài tập 3: Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức chấp hành pháp luật

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

+ a. Đúng, vì pháp luật có tính quy phạm phổ biến và tính quyền lực, bắt buộc chung.

+ b. Sai, vì pháp luật có tính quy phạm phổ biến và tính quyền lực, bắt buộc chung nên pháp luật là phương tiện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mọi cá nhân, tổ chức, không phân biệt chức vụ, địa vị, tài sản,...

+ c. Sai, vì mọi tổ chức, cá nhân đều phải chấp hành pháp luật.

+ d. Sai, vì nếu Nhà nước quản lý xã hội bằng kế hoạch, tổ chức tuyên truyền giáo dục, thuyết phục sẽ không có tính quyền lực, tính bắt buộc chung đối với mọi cá nhân, tổ chức. Do đó sẽ có những người không thực hiện mà không bị xử lý. Điều này sẽ dẫn đến việc Nhà nước không thể quản lý xã hội theo định hướng của mình.

+ e. Đúng - nhờ pháp luật công dân có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi bị xâm phạm.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân
- Đưa ra ý kiến của bản thân để giải thích cho từng trường hợp cụ thể

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi lần lượt mỗi học sinh sẽ chia sẻ ý kiến của bản thân về một trường hợp, các hs khác có thể bổ sung

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên chốt kiến thức cơ bản trong từng trường hợp

Bài tập 4: Em hãy nêu vai trò của pháp luật trong trường hợp sau:

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức chấp hành pháp luật

b) Nội dung. GV tổ chức cho các nhóm thảo luận và giải quyết từng trường hợp mà sách giáo khoa đưa ra

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được một số nội dung sau

a. Pháp luật có vai trò bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng ngừa tai nạn giao thông, bảo đảm an toàn cho người tham gia giao thông.

b. Pháp luật có vai trò bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng, ngăn ngừa hành vi gian dối trong sản xuất kinh doanh, ngăn chặn tình trạng hàng giả, hàng kém chất lượng trên thị trường, góp phần tạo môi trường kinh doanh lành mạnh.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV có thể tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm và cùng nhau đưa ra ý kiến của nhóm

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý nói về vai trò của pháp luật

Bài tập 5: Giải đáp pháp luật:

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức chấp hành pháp luật

b) Nội dung. GV tổ chức cho các nhóm thảo luận và giải quyết nội dung mà sách giáo khoa đưa ra

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được một số nội dung sau

Các loại xe ưu tiên bao gồm: xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ; xe quân sự, công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, đoàn xe có cảnh sát dẫn đường; xe cứu thương đang thực hiện nhiệm vụ cấp cứu; xe hộ đê, xe đi làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật và đoàn xe tang. Các loại xe ưu tiên đã nêu (trừ đoàn xe tang) khi đi làm nhiệm vụ phải có tín hiệu còi, cờ, đèn theo quy định; không bị hạn chế tốc độ; được phép đi vào đường ngược chiều, các đường khác có thể đi được, kể cả khi có tín hiệu đèn đỏ và chỉ phải tuân theo chỉ dẫn của người điều khiển giao thông.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV có thể tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm và cùng nhau đưa ra ý kiến của nhóm

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm đọc tình huống, thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất cho từng tình huống
- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý nói về vai trò của pháp luật

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 1: Hãy kể lại một trường hợp pháp luật đã bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mà em biết. Em rút ra bài học gì từ trường hợp đó?

a) *Mục tiêu.* HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) *Nội dung.* HS tìm hiểu (sưu tầm trên mạng) và kể lại một trường hợp pháp luật đã bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân về tình huống vi phạm pháp luật

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

HS tìm hiểu (sưu tầm trên mạng) và kể lại một trường hợp pháp luật đã bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về kế hoạch tài chính cá nhân.

Bài tập 2: Hưởng ứng ngày Pháp luật Việt Nam 9 - 11, em hãy viết bài tuyên truyền về vai trò của pháp luật đối với đời sống xã hội.

a) *Mục tiêu.* HS tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo trong việc lập thực hiện pháp luật

b) Nội dung. GV hướng dẫn gợi ý cho HS có thể viết về vai trò của pháp luật đối với trẻ em, đối với người lao động hoặc một lĩnh vực như môi trường,... Dung lượng bài khoảng một phần hai trang và nêu rõ thời hạn nộp bài.

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân về vai trò của pháp luật đối với đời sống xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

HS có thể viết về vai trò của pháp luật đối với trẻ em, đối với người lao động hoặc một lĩnh vực như môi trường,... Dung lượng bài khoảng một phần hai trang và nêu rõ thời hạn nộp bài.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về kế hoạch tài chính cá nhân.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

BÀI 12: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Thời lượng: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

a) Kiến thức

Nêu được hệ thống pháp luật Việt Nam và văn bản pháp luật Việt Nam.

Kể tên được các văn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

c) Phẩm chất

Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật

Trách nhiệm: Nghiêm túc chấp hành pháp luật đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật. Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật

b) Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến văn bản pháp luật Việt Nam.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện pháp luật

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được các kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) **Nội dung.** Học sinh làm việc nhóm, các thành viên cùng tham gia trò chơi “Đổi mặt”: Kể tên các luật, bộ luật của Việt Nam. Hãy chia sẻ hiểu biết của em về một luật hoặc bộ luật mà em biết.

c) **Sản phẩm.** Học sinh bước đầu biết đánh giá các vấn đề về pháp luật và hệ thống pháp luật,

Bộ Luật dân sự

Bộ luật Tổ tụng dân sự

Bộ luật Hình sự

Bộ luật Tổ tụng Hình sự

Bộ luật hàng hải

Bộ luật Lao động

d) **Tổ chức thực hiện**

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc nhóm, các thành viên cùng tham gia trò chơi “Đổi mặt”: Kể tên các luật, bộ luật của Việt Nam. Hãy chia sẻ hiểu biết của em về một luật hoặc bộ luật mà em biết.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh tiến hành chơi trò chơi và chia sẻ suy nghĩ của bản thân theo yêu cầu của nhiệm vụ được giao

Báo cáo, thảo luận

- Sau khi các học sinh tiến hành chơi, giáo viên yêu cầu một số học sinh chia sẻ suy nghĩ của mình về một luật hoặc bộ luật

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Để điều chỉnh các quan hệ xã hội đa dạng và phức tạp, Nhà nước cần ban hành một hệ thống pháp luật đầy đủ và thống nhất. Hệ thống pháp luật Việt Nam được thể hiện qua các văn bản quy phạm pháp luật trong đó chứa đựng các quy tắc xử sự, định hướng, tạo khuôn mẫu cho hoạt động của các tổ chức, cá nhân. Bài học này sẽ giúp chúng ta tìm hiểu về hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Hệ thống pháp luật Việt Nam

a) **Mục tiêu.** HS nêu được cấu trúc bên trong, hệ thống bên ngoài của hệ thống pháp luật Việt Nam

b) **Nội dung.** HS làm việc nhóm, cùng quan sát sơ đồ sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

Cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam gồm những bộ phận nào?

Hình thức thể hiện bên ngoài của hệ thống pháp luật Việt Nam được biểu hiện như thế nào?

Em hãy nêu ví dụ minh họa cho cấu trúc của hệ thống pháp luật.

c) Sản phẩm.

- HS giải thích được các câu hỏi mà phần thông tin đưa ra

Cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam gồm: Ngành Luật, chế định luật và Quy phạm pháp luật

Hình Thức thể hiện bên ngoài của hệ thống pháp luật Việt Nam được biểu hiện: Văn bản luật, văn bản dưới luật

Ví dụ về quy định: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.” (Điều 33 Hiến pháp năm 2013). Bộ phận quy định của quy phạm là “có quyền tự do kinh doanh” (được làm gì).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc nhóm, cùng quan sát sơ đồ sách giáo khoa và trả lời câu hỏi <i>Cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam gồm những bộ phận nào?</i> <i>Hình thức thể hiện bên ngoài của hệ thống pháp luật Việt Nam được biểu hiện như thế nào?</i> <i>Em hãy nêu ví dụ minh họa cho cấu trúc của hệ thống pháp luật.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung trả lời của nhóm mình - Các nhóm khác cùng theo dõi, suy nghĩ và bổ sung câu trả lời nếu cần thiết Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi các yếu tố cấu thành bên trong, bên ngoài của hệ thống pháp luật Việt Nam - Giáo viên kết luận: Hệ thống pháp luật Việt Nam là tổng thể các quy phạm pháp luật, các nguyên tắc, định hướng pháp luật có mối liên hệ mật thiết và thống nhất với nhau, được sắp xếp thành các ngành luật, các chế định pháp luật và được thể hiện trong các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo những hình thức, thủ tục nhất định để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam.	1. Hệ thống pháp luật Việt Nam Hệ thống pháp luật Việt Nam là tổng thể các quy phạm pháp luật, các nguyên tắc, định hướng pháp luật có mối liên hệ mật thiết và thống nhất với nhau, được sắp xếp thành các ngành luật, các chế định pháp luật và được thể hiện trong các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo những hình thức, thủ tục nhất định để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam. Về cấu trúc: hệ thống pháp luật bao gồm: các ngành luật, các chế định pháp luật và các quy phạm pháp luật. Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung do Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh quan hệ xã hội theo định hướng và nhằm đạt được những mục đích nhất định. Chế định pháp luật là tập hợp các quy phạm pháp luật có cùng tính chất điều chỉnh nhóm quan hệ xã hội tương ứng trong một hoặc nhiều ngành luật. Ngành luật là tập hợp các quy phạm pháp luật có đặc tính chung để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội. Về hình thức: hệ thống pháp luật được thể hiện qua các văn bản quy phạm pháp luật.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Văn bản quy phạm pháp luật

a) **Mục tiêu.** HS nêu được các loại văn bản pháp luật Việt Nam và kể được tên các văn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

b) **Nội dung.** HS làm việc nhóm, quan sát sơ đồ ở mục 1, đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời các câu

Kể tên các văn bản quy phạm pháp luật và cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản đó.

Nêu các đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật về thẩm quyền ban hành, nội dung, hình thức của văn bản.

c) **Sản phẩm.**

- HS trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

1/ Văn bản quy phạm pháp luật là các văn bản chứa đựng các quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Dựa vào sơ đồ Hệ thống pháp luật Việt Nam để kể tên văn bản và cơ quan ban hành các văn bản đó.

2/ Đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật:

Có chứa các quy phạm pháp luật. Được áp dụng nhiều lần và trong phạm vi cả nước.

Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Hình thức, trình tự, thủ tục ban hành do luật quy định.

+ Văn bản quy phạm pháp luật gồm văn bản luật và văn bản dưới luật. Mỗi văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý khác nhau.

+ Các văn bản luật do Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành, bao gồm:

Hiến pháp là đạo luật cơ bản, quy định các vấn đề cơ bản và quan trọng nhất của Nhà nước. Hiến pháp có vị trí pháp lý cao nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Mọi văn bản luật, văn bản dưới luật đều phải dựa trên các quy định của Hiến pháp, phù hợp với Hiến pháp, không được trái với Hiến pháp.

Bộ luật, luật cụ thể hoá Hiến pháp nhằm điều chỉnh các loại quan hệ xã hội khác nhau trong một lĩnh vực nhất định. Ví dụ: Bộ luật Hình sự, Luật Trẻ em, Luật Hôn nhân và gia đình.

- HS rút ra được đặc điểm của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm việc nhóm, HS thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi trong SGK: 1/ Vì sao N bị xử phạt? Tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực, bắt buộc chung của pháp luật được thể hiện như thế nào trong trường hợp này? 2/ Để các quy phạm phổ biến được áp dụng vào đời sống xã hội thì các quy phạm đó phải được thể hiện qua hình thức nào? 3/ Nêu ví dụ minh họa cho các đặc điểm của pháp luật.	2. Văn bản pháp luật Việt Nam <i>a. Văn bản quy phạm pháp luật</i> <i>Văn bản quy phạm pháp luật</i> là các văn bản chứa đựng các quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục pháp luật quy định. <i>Đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật:</i> Có chứa các quy phạm pháp luật. Được áp dụng nhiều lần và trong phạm vi cả nước. Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Hình thức, trình tự, thủ tục ban hành do luật quy định. Phân loại: Văn bản quy phạm pháp luật gồm văn bản luật và văn bản dưới luật. + Các văn bản luật do Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành, bao gồm: + Văn bản dưới luật gồm: pháp lệnh, nghị quyết, quyết định...
Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.	
Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.	
Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật vai trò của từng đặc điểm	
Gv nhấn mạnh: Nguyên tắc xác định thứ bậc hiệu lực pháp lý từ cao xuống thấp dựa trên địa vị pháp lý của cơ quan ban hành và tính chất của văn bản. Các văn bản do cơ quan cấp dưới ban hành không được trái với văn bản do cấp trên ban hành, văn bản của địa phương ban hành không được trái với văn bản do Trung ương ban hành.	

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Văn bản áp dụng pháp luật

a) **Mục tiêu.** HS nêu được các loại văn bản pháp luật Việt Nam và kể được tên các văn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

b) **Nội dung.** Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

1/ *Nêu những điểm giống và khác nhau của các văn bản trên về thẩm quyền ban hành, mục đích ban hành, đối tượng thực hiện và phạm vi áp dụng văn bản.*

2/ *Hãy cho biết mối liên hệ giữa hai văn bản trên.*

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

Điểm giống nhau: cùng thuộc văn bản quy phạm pháp luật, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành

Điểm khác nhau

Tiêu chí phân biệt	Luật Bảo vệ môi trường	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính
Cơ quan có thẩm quyền ban hành	Quốc hội	Công an huyện
Mục đích ban hành	Quy định những việc tổ chức, cá nhân được làm, không được làm và phải làm để bảo vệ môi trường.	Xử phạt hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
Đối tượng thực hiện	Mọi tổ chức, cá nhân.	Người/tổ chức thực hiện hành vi vi phạm (xác định cụ thể).
Phạm vi áp dụng	Mọi nơi, mọi lúc, mọi thời điểm.	Ghi trong quyết định xử phạt (xác định).

Mối liên hệ: Luật Bảo vệ môi trường là căn cứ để xác định hành vi vi phạm và ban hành Quyết định xử phạt hành vi vi phạm đó; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhằm xử phạt hành vi vi phạm Luật Bảo vệ môi trường, góp phần bảo vệ môi trường.

- HS rút ra được khái niệm văn bản áp dụng pháp luật

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. <i>1/ Nêu những điểm giống và khác nhau của các văn bản trên về thẩm quyền ban hành, mục đích ban hành, đối tượng thực hiện và phạm vi áp dụng văn bản.</i> <i>2/ Hãy cho biết mối liên hệ giữa hai văn bản trên.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã	2. Văn bản pháp luật Việt Nam <i>b. Văn bản áp dụng pháp luật</i> Văn bản áp dụng pháp luật là văn bản chứa đựng các quy tắc xử sự cá biệt, mang tính quyền lực nhà nước, do cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, tổ chức xã hội được Nhà nước trao quyền ban hành theo trình tự, thủ tục luật định trên cơ sở áp dụng các quy phạm pháp luật đối với những quan hệ cụ thể, cá biệt, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức nhất định hoặc xác định trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật.

được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật dấu hiệu nhận biết văn bản áp dụng pháp luật	
---	--

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Theo em, các nhận định về văn bản quy phạm pháp luật sau đúng hay sai? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức chấp hành pháp luật.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

a. Sai, vì đây là văn bản hành chính.

b. Sai, vì đây là văn bản áp dụng pháp luật.

c. Sai, vì không phải là hình thức của văn bản quy phạm pháp luật (không thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam).

d. Đúng, vì thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam, là văn bản dưới luật.

e. Sai, vì nghị định là văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành, thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về văn bản pháp luật.

Câu 2. Em hãy cho biết văn bản nào sau đây thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức chấp hành pháp luật

b) Nội dung. HS đọc từng trường hợp trong SGK và xác định dấu hiệu để chỉ ra được văn bản nào thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được các văn bản sau là văn bản quy phạm pháp luật

a. Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và các tội phạm khác về chức vụ.

b. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 14 - 6 - 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

d. Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp.

e. Luật Giáo dục năm 2019.

g. Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ưu đãi người có công với cách mạng.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV dựa vào các đặc điểm của pháp luật để phân tích, chỉ ra từng đặc điểm trong từng ý của nội dung

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

Câu 3. Em hãy xác định và sắp xếp các văn bản sau đây theo bảng mẫu gợi ý và giải thích lí do.

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lí tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức chấp hành pháp luật

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

Văn bản quy phạm pháp luật: e, c

=> Nếu ra các mức phạt cho những ai quy phạm pháp luật

Văn bản áp dụng pháp luật: a, b, d, g

=> Vì đưa ra những điều luật mà công dân phải thực hiện

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc cá nhân
- Đưa ra ý kiến của bản thân để giải thích cho từng trường hợp cụ thể

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên gọi lần lượt mỗi học sinh sẽ chia sẻ ý kiến của bản thân về dấu hiệu nhận biết các văn bản quy phạm pháp luật và áp dụng pháp luật.

Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt kiến thức cơ bản trong từng trường hợp

Câu 4. Em hãy sắp xếp các văn bản dưới đây theo hiệu lực pháp lí từ cao xuống thấp

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lí tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức chấp hành pháp luật

b) Nội dung. GV tổ chức cho các nhóm thảo luận và giải quyết từng trường hợp mà sách giáo khoa đưa ra

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được một số nội dung sau

1. Hiến pháp năm 2013.

2. Luật Giáo dục năm 2019.

3. Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ưu đãi người có công với cách mạng.

4. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục năm 2019.

5. Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020.

6. Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và các tội phạm khác về chức vụ.

7. Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

- GV có thể tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm và cùng nhau đưa ra ý kiến của nhóm

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm
- Các nhóm nghiên cứu đặc trưng của từng nội dung và sắp xếp theo thứ tự hiệu lực pháp

lý từ cao xuống thấp

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm cùng nhau trình bày kết quả của nhóm mình sau đó tiến hành so sánh đối chiếu

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý nói về văn bản quy phạm pháp luật

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1. Em hãy sưu tầm hai văn bản quy phạm pháp luật và cho biết cơ quan ban hành, mục đích ban hành, đối tượng và phạm vi áp dụng của văn bản.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. HS tìm hiểu (sưu tầm trên mạng) văn bản quy phạm pháp luật và xác định cơ quan ban hành, mục đích ban hành, đối tượng và phạm vi áp dụng của văn bản.

c) Sản phẩm.

- Phân biệt được các loại văn bản pháp luật

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS tìm hiểu (sưu tầm trên mạng) văn bản quy phạm pháp luật và xác định cơ quan ban hành, mục đích ban hành, đối tượng và phạm vi áp dụng của văn bản.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, sưu tầm và hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về văn bản pháp luật.

Câu 2. Em hãy sưu tầm một văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Giáo dục và chia sẻ những điều em biết về văn bản đó.

a) Mục tiêu. HS tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo trong việc lập thực hiện pháp luật

b) Nội dung. GV hướng dẫn gợi ý cho HS tìm hiểu về một văn bản pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và chia sẻ hiểu biết về văn bản đó

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân về đối tượng và phạm vi điều chỉnh của văn bản đó

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn gợi ý cho HS tìm hiểu về một văn bản pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và chia sẻ hiểu biết về văn bản đó

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn phạm vi, đối tượng điều chỉnh của các văn bản pháp luật.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

BÀI 13: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

Thời lượng: 2 tiết (Bộ kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Về kiến thức

Nêu được khái niệm thực hiện pháp luật, các hình thức thực hiện pháp luật.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến các hình thức thực hiện pháp luật.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc chấp hành pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện pháp luật của Nhà nước; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, quy định của pháp luật; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm pháp luật.
 - + Năng lực phát triển bản thân: Lựa chọn được các hình thức thực hiện pháp luật phù hợp với bản thân khi tham gia các quan hệ xã hội.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản về thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật và lứa tuổi.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện pháp luật.
- Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Một số điều luật liên quan đến nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Khai thác vốn sống, trải nghiệm của HS về chủ đề bài học; tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.

b) Nội dung. GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: “Ai nhanh, ai đúng”.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu kể được một số hành vi thực hiện đúng và chưa đúng pháp luật

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: “Ai nhanh, ai đúng”.
- GV mời 2 nhóm HS (mỗi nhóm 2-3 người). Lần lượt từng nhóm kể tên các hành vi thực hiện pháp luật, hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ. Nhóm nào kể đúng, nhiều hơn trong cùng một thời gian sẽ thắng cuộc.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh chia đội và tham gia trò chơi

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên tổng hợp lại kết quả của từng đội chơi,
- Đánh giá ý thức tham gia của các đội

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh
GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Theo em việc thực hiện pháp luật giao thông đường bộ có ý nghĩa thế nào trong cuộc sống hằng ngày?

Gv nhấn mạnh:

Thực hiện tốt pháp luật giao thông đường bộ góp phần bảo đảm giao thông được thông suốt, an toàn, thuận lợi,... giúp cho xã hội phát triển ổn định, cuộc sống của người dân được bảo đảm. Pháp luật là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân nhưng pháp luật chỉ phát huy tác dụng khi được mọi cá nhân, tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh. Thực hiện các quy định pháp luật nói chung là trách nhiệm của mọi công dân. Bài học này sẽ giúp các em hiểu thế nào là thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm thực hiện pháp luật

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm thực hiện pháp luật.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:

1/ Em hãy nhận xét việc làm của các nhân vật trong tranh. Đó có phải là nghĩa vụ của họ không? Vì sao?

2/ Thực hiện pháp luật có ý nghĩa như thế nào trong thực tiễn đời sống?

c) Sản phẩm.

- HS giải thích được các câu hỏi mà phần thông tin đưa ra

1/ Các nhân vật trong tranh đang dọn vệ sinh trên bãi biển nhằm góp phần bảo vệ môi trường biển. Đây là việc làm đúng, thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ môi trường của công dân mà pháp luật đã quy định trong Hiến pháp và Luật Bảo vệ môi trường.

2/ Thực hiện pháp luật là hoạt động có mục đích, làm cho các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống và trở thành hành vi hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Mọi tổ chức, cá nhân tự giác thực hiện pháp luật là góp phần tạo điều kiện cho xã hội phát triển ổn định, theo định hướng mà Nhà nước đặt ra.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: 1/ Em hãy nhận xét việc làm của các nhân vật trong tranh. Đó có phải là nghĩa vụ của họ không? Vì sao? 2/ Thực hiện pháp luật có ý nghĩa như thế nào trong thực tiễn đời sống? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh quan sát bức tranh, trao đổi với bạn xung quang để hoàn thành câu trả lời. - Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét Gv nhấn mạnh: Để pháp luật đi vào cuộc sống và trở thành hành vi hợp pháp của công dân, cùng với việc ban hành pháp luật, Nhà nước cần công bố công khai, minh bạch pháp luật, tổ chức tuyên truyền, tạo điều kiện để mọi người dân có thể tiếp cận pháp luật, tìm hiểu pháp luật; đồng thời giải thích, hướng dẫn người dân thực hiện pháp luật, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật	1. Khái niệm thực hiện pháp luật Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích, làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống và trở thành hành vi hợp pháp của cá nhân, tổ chức
--	--

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Các hình thức thực hiện pháp luật.

a) Mục tiêu. HS nêu được các hình thức thực hiện pháp luật.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một hình thức thực hiện pháp luật: tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật qua việc đọc thông tin kết hợp quan sát tranh và nghiên cứu trường hợp, tình huống để trả lời các câu hỏi cụ thể trong SGK.

Nhóm 1: Tìm hiểu nội dung khái niệm: Tuân thủ pháp luật.

Câu 1. Theo em những người tham gia giao thông đã làm gì để tuân thủ Luật giao thông đường bộ?

Câu 2. Vì sao dù rất thích chiếc xe đã chọn nhưng H lại đồng ý với ý kiến của bố?

Nhóm 2: Tìm hiểu nội dung khái niệm: Thi hành pháp luật.

Câu 1. Các thanh niên trong tranh đã làm gì để thi hành Luật nghĩa vụ quân sự?

Câu 2. Vì sao Cơ sở sản xuất kinh doanh K được chính quyền địa phương khen thưởng?

Nhóm 3: Tìm hiểu nội dung khái niệm: Sử dụng pháp luật.

Câu 1. Trong bức tranh trên, người phụ nữ đã sử dụng pháp luật như thế nào để thực hiện quyền tự do kinh doanh của mình?

Câu 2. Ông T đã sử dụng quyền gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình mình?

Câu 3. Em hãy nêu ví dụ minh họa cho hình thức sử dụng pháp luật.

Nhóm 4: Tìm hiểu nội dung khái niệm: Áp dụng pháp luật.

Câu 1. Theo em, căn cứ nào để hội đồng xét xử tuyên một bản án.

Câu 2. Việc xử phạt của cảnh sát giao thông nhằm mục đích gì? Căn cứ để họ thực hiện nhiệm vụ đó?

Câu 3. Theo em, chủ thể nào có quyền áp dụng pháp luật?

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

Nhóm 1: Nội dung khái niệm: Tuân thủ pháp luật.

Khi tham gia giao thông đường bộ, mỗi người phải chấp hành hiệu lệnh của cảnh sát giao thông và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ. Việc các các nhân tự giác dừng lại đúng vạch, không vượt qua ngã ba, ngã tư khi có tín hiệu đèn đỏ, đi đúng làn đường.. là biểu hiện của việc thực hiện nghiêm pháp luật giao thông đường bộ.

Dù rất thích chiếc xe đã chọn nhưng H lại đồng ý với ý kiến của bố là vì chiếc xe mà H chọn là xe 100 cm³ mà tuổi của H thì chỉ được điều khiển xe có dung tích dưới 50 cm³.

Nhóm 2: Nội dung khái niệm: Thi hành pháp luật.

Các thanh niên trong trang đang nhập ngũ thực hiện nghĩa vụ quân sự góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Cơ sở sản xuất kinh doanh K được chính quyền địa phương khen thưởng vì đã chủ động xây dựng hệ thống thu gom, xử lý các chất thải trong quá trình sản xuất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Nhóm 3: Nội dung khái niệm: Sử dụng pháp luật.

Công dân thực hiện quyền tự do kinh doanh thông qua việc lựa chọn ngành, nghề, hình thức kinh doanh phù hợp với khả năng, điều kiện của mình. Nên người phụ nữ đã đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nộp hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Ông T đã sử dụng quyền công dân để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình mình cụ thể ông T có quyền khiếu nại lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi chưa thống nhất về giá đền bù thiệt hại của đất nhà Ông mà đã ra quyết định thu hồi.

Mỗi người dân đi làm cho các cơ quan, công ty,.. thì phải có hợp đồng lao động và được hưởng các quyền lợi của người lao động theo đúng bộ luật lao động đề ra.

Nhóm 4: Nội dung khái niệm: Áp dụng pháp luật.

Căn cứ nào để hội đồng xét xử tuyên một bản án: trong quá trình xét xử, toàn án có thẩm quyền ban hành quyết định để xét xử tuyên một bản án

Việc xử phạt của cảnh sát giao thông nhằm mục đích áp dụng thực hiện pháp luật quy định về luật giao thông xuống người tham gia giao thông.

Chủ thể nào có quyền áp dụng pháp luật: Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, tổ chức được nhà nước trao quyền.

- HS rút ra được nội dung của các hình thức thực hiện pháp luật

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một hình thức thực hiện pháp luật: tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật qua việc đọc thông tin kết hợp quan sát tranh và nghiên cứu trường hợp, tình huống để trả lời các câu hỏi cụ thể trong SGK. Nhóm 1: Tìm hiểu nội dung khái niệm: Tuân thủ pháp luật. Câu 1. Theo em những người tham gia giao thông đã làm gì để tuân thủ Luật giao thông đường bộ? Câu 2. Vì sao dù rất thích chiếc xe đã chọn nhưng H lại đồng ý với ý kiến của bố? Nhóm 2: Tìm hiểu nội dung khái niệm: Thi hành pháp	2. Các hình thức thực hiện pháp luật <i>Tuân thủ pháp luật</i> là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật (tổ chức, cá nhân) kiểm chế không thực hiện các hành vi pháp luật cấm. <i>Thi hành pháp luật</i> là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó việc các chủ thể pháp luật (tổ chức, cá nhân) chủ động thực hiện

luật. <i>Câu 1. Các thanh niên trong tranh đã làm gì để thi hành Luật nghĩa vụ quân sự?</i> <i>Câu 2. Vì sao Cơ sở sản xuất kinh doanh K được chính quyền địa phương khen thưởng?</i> Nhóm 3: Tìm hiểu nội dung khái niệm: Sử dụng pháp luật. <i>Câu 1. Trong bức tranh trên, người phụ nữ đã sử dụng pháp luật như thế nào để thực hiện quyền tự do kinh doanh của mình?</i> <i>Câu 2. Ông T đã sử dụng quyền gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình mình?</i> <i>Câu 3. Em hãy nêu ví dụ minh họa cho hình thức sử dụng pháp luật.</i> Nhóm 4: Tìm hiểu nội dung khái niệm: Áp dụng pháp luật. <i>Câu 1. Theo em, căn cứ nào để hội đồng xét xử tuyên một bản án.</i> <i>Câu 2. Việc xử phạt của cảnh sát giao thông nhằm mục đích gì? Căn cứ để họ thực hiện nhiệm vụ đó?</i> <i>Câu 3. Theo em, chủ thể nào có quyền áp dụng pháp luật?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra cho nhóm mình Báo cáo thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm tiến hành làm rõ nội dung của nhóm mình trước cả lớp - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật đặc điểm của văn bản pháp luật Việt Nam Gv nhấn mạnh: Giữa các hình thức thực hiện pháp luật có mối liên hệ với nhau. Nếu các tổ chức, cá nhân không tự giác tuân thủ hoặc thi hành pháp luật thì sẽ bị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc được Nhà nước trao quyền áp dụng các biện pháp buộc họ phải thực hiện hoặc phải gánh chịu các hậu quả pháp lý bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật. Sự can thiệp của Nhà nước để bảo đảm pháp luật được thực hiện và cũng là đặc trưng thể hiện tính quyền lực, tính bắt buộc chung của pháp luật trong quá trình thực hiện pháp luật.	đầy đủ các nghĩa vụ mà pháp luật quy định phải làm (bắt buộc phải làm). <i>Sử dụng pháp luật</i> là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể (tổ chức, cá nhân) thực hiện các quyền và tự do pháp lý của mình theo quy định của pháp luật (làm những việc pháp luật cho phép làm). <i>Áp dụng pháp luật</i> là việc các cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, tổ chức được Nhà nước trao quyền, căn cứ vào pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc thực hiện quyền, nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức
--	--

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết chủ thể nào trong thông tin sau thực hiện đúng hay thực hiện không đúng pháp luật. Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học, phân tích, đánh giá việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

a. Thanh tra thuế thực hiện đúng pháp luật, ra quyết định xử phạt đối với doanh nghiệp X vì chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Thanh tra thuế đã thực hiện pháp luật thông qua hình thức áp dụng pháp luật.

Doanh nghiệp X không chủ động thi hành nghĩa vụ nộp thuế đúng hạn - không thực hiện đúng quy định pháp luật.

b. Ông B khiếu nại quyết định thu hồi đất của gia đình do Ủy ban nhân dân huyện A ban hành. Ông B đã chủ động sử dụng quyền khiếu nại của công dân.

c. Anh D mở công ty kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh các mặt hàng có tên trong đăng ký kinh doanh. Anh D sử dụng quyền kinh doanh của công dân đúng quy định pháp luật.

d. Người sử dụng lao động sai khi đơn phương ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động trước thời hạn mà không có lý do cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi thực hiện pháp luật.

Câu 2. Em hãy cho biết chủ thể nào tự giác, chưa tự giác thực hiện pháp luật trong các trường hợp sau?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức chấp hành pháp luật

b) Nội dung. HS đọc từng trường hợp trong SGK, và xác định căn cứ để chỉ ra trường hợp nào là văn bản thuộc hệ thống pháp luật.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. A tự giác, chủ động thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định pháp luật.

b. Gia đình T chủ động thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định pháp luật.

c. Công ty kinh doanh nông sản do anh H làm giám đốc chưa chủ động, tự giác thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định pháp luật.

d. K chủ động tố giác tội phạm với cơ quan chức năng, góp phần phòng chống tệ nạn xã hội, giữ trật tự, an ninh.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, kết hợp quan sát sơ đồ Hệ thống pháp luật Việt Nam ở mục Khám phá trong SGK, sau đó mời HS lên trả lời câu hỏi.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

Câu 3. Em hãy chỉ ra hình thức thực hiện pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong thông tin sau:

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức chấp hành pháp luật

b) Nội dung. HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

c) Sản phẩm.

a. *Chị T khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường vì không cấp giấy khai sinh cho con chị với lý do chị là mẹ đơn thân. Chị T sử dụng pháp luật.*

b. *Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ra quyết định xử phạt vì phạm hành chính đối với hành vi lấn chiếm đất công của anh D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N áp dụng pháp luật.*

c. *Công ty của anh p chủ động thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh. Công ty của anh p chủ động thi hành pháp luật.*

d. *H từ chối sử dụng ma túy khi bạn bè rủ rê. H tuân thủ pháp luật.*

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi

- Đưa ra ý kiến của bản thân để giải thích cho từng trường hợp cụ thể

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi lần lượt mỗi cặp học sinh sẽ chia sẻ ý kiến của bản thân về một trường hợp, các hs khác có thể bổ sung

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên chốt kiến thức cơ bản trong từng trường hợp

Câu 4. Em hãy thảo luận cùng các bạn nội dung sau:

Làm rõ điểm khác nhau về mặt chủ thể khi thực hiện pháp luật theo các hình thức tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật, áp dụng pháp luật.

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức chấp hành pháp luật

b) Nội dung. GV tổ chức cho các nhóm thảo luận và tham gia trò chơi giữa các đội

c) Sản phẩm.

Học sinh chỉ ra được sự giống nhau và khác nhau giữa các hình thức thực hiện pháp

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV tổ chức cho các nhóm thảo luận cùng nhau tìm ra điểm giống nhau và khác nhau giữa các hình thức thực hiện pháp luật

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm

- Các nhóm thảo luận và đưa ra ý kiến thống nhất

- Chuẩn bị nội dung để báo cáo kết quả trước cả lớp

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đi sâu phân tích từng trường hợp cụ thể, các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện câu trả lời

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các nhóm, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý nói về điểm giống nhau và khác nhau giữa các hình thức thực hiện pháp luật

Câu 5. Em sẽ làm gì nếu gặp các tình huống sau?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức chấp hành pháp luật

b) Nội dung. HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

c) Sản phẩm.

a. *Khuyến các bạn không nên khắc tên lên phiến đá vì làm như vậy sẽ mất mỹ quan khu di tích, huỷ hoại hoặc gây nguy cơ huỷ hoại khu di tích lịch sử, vi phạm Luật Di sản văn hoá.*

b. *Khuyến bạn không nên tham gia đua xe vì đây là hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ, gây nguy hiểm cho bản thân và cho người tham gia giao thông.*

c. *Em có thể kín đáo báo cho người bị hại hoặc những người trên xe biết để cùng em ngăn chặn hành vi trộm cắp.*

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi
- Đưa ra ý kiến của bản thân để giải thích cho từng trường hợp cụ thể

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi lần lượt mỗi cặp học sinh sẽ chia sẻ ý kiến của bản thân về một trường hợp, các hs khác có thể bổ sung

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên chốt kiến thức cơ bản trong từng trường hợp

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1. Hãy viết bài luận và chia sẻ với các bạn về bài học rút ra từ việc thực hiện pháp luật theo hình thức sử dụng pháp luật mà em biết.

a) Mục tiêu. HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. Hãy viết bài luận và chia sẻ với các bạn về bài học rút ra từ việc thực hiện pháp luật theo hình thức sử dụng pháp luật mà em biết. Bài viết có lấy ví dụ cụ thể để minh họa

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, chỉ rõ bài học rút ra từ việc thực hiện pháp luật theo hình thức sử dụng pháp luật

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

HS tìm hiểu (sưu tầm trên mạng) và lập bảng để hoàn thiện theo yêu cầu

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn văn bản quy phạm pháp luật.

Câu 2. Em hãy vẽ tranh tuyên truyền về việc thực hiện "Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật".

a) Mục tiêu. HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống với không gian mới, tình huống mới

b) **Nội dung.** Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau suy nghĩ, lên ý tưởng để hoàn thành bức tranh

c) Sản phẩm.

- Bức tranh tuyên truyền về việc thực hiện "Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật".

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

HS tìm hiểu Luật giáo dục và viết bài nêu rõ hiểu biết của mình về luật này như cho biết tên gọi của văn bản, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành và tóm tắt nội dung văn bản từ 3 - 5 dòng, chia sẻ kết quả làm việc trước lớp.

Thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ sản phẩm của nhóm

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về các hình thức thực hiện pháp luật

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Bài 14. GIỚI THIỆU VỀ HIẾN PHÁP

NGƯỜI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thời lượng: 2 tiết (Bộ kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Về kiến thức

Nêu được khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về Hiến pháp năm 2013.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Hiến pháp năm 2013.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc chấp hành Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện Hiến pháp năm 2013; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm Hiến pháp.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản của Hiến pháp năm 2013; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp.

- Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Một số hình ảnh, thông tin, tình huống, khẩu hiệu,... có nội dung liên quan bài học;

- Giấy A4, phiếu học tập, đồ dùng sắm vai;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Khai thác vốn sống, trải nghiệm của HS về chủ đề bài học; tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.

b) Nội dung. GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc tổ chức trò chơi tập thể với nội dung mỗi cá nhân nêu một khẩu hiệu về hiến pháp mà em biết và chia sẻ ý nghĩa của khẩu hiệu đó.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu thấy được những nội dung cơ bản mà Hiến pháp đề cập

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc tổ chức trò chơi tập thể với nội dung mỗi cá nhân nêu một khẩu hiệu về hiến pháp mà em biết và chia sẻ ý nghĩa của khẩu hiệu đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và lựa chọn khẩu hiệu và chia sẻ suy nghĩ về khẩu hiệu đó

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên tổng hợp lại kết quả của từng học sinh,

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Hiến pháp năm 2013 là đạo luật cơ bản của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực pháp lí cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Bài học này sẽ giúp các em biết được khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và từ đó thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm và vị trí của hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm và vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau tìm hiểu thông tin 1,2,3 sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

1/ Em hãy cho biết vì sao Nhà nước cần phải ban hành Hiến pháp.

2/ Theo em, Hiến pháp có vị trí như thế nào trong hệ thống pháp luật Việt Nam? Hiến pháp hiện hành của Việt Nam là bản hiến pháp nào?

3/ Vì sao khi ban hành Luật Trẻ em năm 2016, Quốc hội phải căn cứ vào nội dung của Hiến pháp năm 2013?

c) Sản phẩm.

- HS giải thích được các câu hỏi mà phần thông tin đưa ra

1/ Nhà nước cần phải ban hành Hiến pháp để quy định những vấn đề cơ bản, quan trọng của Nhà nước và xã hội, làm nguồn cho những văn bản luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

2/ Hiến pháp là đạo luật cơ bản, do Quốc hội ban hành, có hiệu lực pháp lí cao nhất trong hệ thống pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hiến pháp hiện hành của Việt Nam là Hiến pháp năm 2013 được thông qua ngày 28 - 11 - 2013 tại kì họp thứ 6 Quốc hội khoá XIII và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 - 01 - 2014.

3/ Hiến pháp là luật nguồn, là nền tảng cho các văn bản luật khác. Vì vậy, khi ban hành Luật Trẻ em năm 2016 Quốc hội phải căn cứ vào nội dung của Hiến pháp.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau tìm hiểu thông tin 1,2,3 sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi 1/ Em hãy cho biết vì sao Nhà nước cần phải ban hành Hiến pháp. 2/ Theo em, Hiến pháp có vị trí như thế nào trong hệ thống pháp luật Việt Nam? Hiến pháp hiện hành của Việt Nam là bản hiến pháp nào? 3/ Vì sao khi ban hành Luật Trẻ em năm 2016, Quốc hội phải căn cứ vào nội dung của Hiến pháp năm 2013? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc các thông tin, trao đổi trong nhóm để hoàn thành nội dung câu trả lời - Phân công thành viên làm nhiệm vụ báo cáo khi giáo viên yêu cầu Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm và tiến hành nhận xét Gv nhấn mạnh: Hiến pháp là đạo luật cơ bản, do Quốc hội ban hành, có hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hiến pháp là luật nguồn, là nền tảng cho các văn bản luật khác	1. Khái niệm và vị trí của hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Hiến pháp là hệ thống các quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất quy định những vấn đề cơ bản nhất về chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, chính sách kinh tế, văn hoá, xã hội, tổ chức quyền lực nhà nước, địa vị pháp lý của con người và công dân. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là luật cơ bản, có hiệu lực pháp lý cao nhất, do Quốc hội ban hành để quy định những vấn đề quan trọng của đất nước.
--	---

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Đặc điểm của hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

a) Mục tiêu. HS nêu được các đặc điểm của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một đặc điểm của Hiến pháp, qua việc đọc thông tin, tình huống để trả lời các câu hỏi cụ thể trong SGK.

Nhóm 1,2: Tìm hiểu đặc điểm: Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Những chi tiết nào trong các thông tin trên cho thấy hiến pháp là đạo luật cơ bản của nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

Nhóm 3,4: Hiến pháp có hiệu lực pháp lý lâu dài và tương đối ổn định.

Theo em, vì sao nói hiến pháp Việt Nam có hiệu lực pháp lý lâu dài và tương đối ổn định? Hiến pháp được bổ sung, thay đổi khi nào?

Nhóm 5,6: Hiến pháp có quy trình làm, sửa đổi đặc biệt được quy định tại Hiến pháp

Dựa vào sơ đồ và thông tin trên, em hãy cho biết quy trình làm, sửa đổi hiến pháp Việt Nam có gì đặc biệt?

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

Nhóm 1,2: Tìm hiểu đặc điểm: Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

+ Hiến pháp là nguồn, là nền tảng cho việc ban hành các văn bản pháp luật khác thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam.

+ Quốc hội tiếp tục cụ thể hoá, đưa Hiến pháp năm 2013 vào đời sống bằng việc ban hành 72 luật, hai pháp lệnh và nhiều nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật trong nhiệm kỳ khoá XIV.

Nhóm 3,4: Hiến pháp có hiệu lực pháp lí lâu dài và tương đối ổn định.

+ Hiến pháp Việt Nam có hiệu lực pháp lí lâu dài và tương đối ổn định vì Hiến pháp quy định về những nội dung cơ bản, quan trọng của đất nước như: hình thức chính thể, chủ quyền, lãnh thổ, chế độ chính trị, quyền và nghĩa vụ của công dân,... nên nội dung Hiến pháp ít được sửa chữa, thay đổi.

+ Hiến pháp chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế vào những thời điểm đặc biệt, đánh dấu sự thay đổi về lịch sử, phát triển của đất nước.

Nhóm 5,6: Hiến pháp có quy trình làm, sửa đổi đặc biệt được quy định tại Hiến pháp

Quy trình làm, sửa đổi Hiến pháp Việt Nam bao gồm 8 bước được quy định trong Hiến pháp. Hiến pháp được Quốc hội quyết định làm, sửa đổi khi có ít nhất 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội tán thành. Trong quá trình làm, sửa đổi Hiến pháp phải tổ chức lấy ý kiến của nhân dân. Hiến pháp được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

Giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một đặc điểm của Hiến pháp, qua việc đọc thông tin, tình huống để trả lời các câu hỏi cụ thể trong SGK.

Nhóm 1,2: Tìm hiểu đặc điểm: Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Những chi tiết nào trong các thông tin trên cho thấy hiến pháp là đạo luật cơ bản của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

Nhóm 3,4: Hiến pháp có hiệu lực pháp lí lâu dài và tương đối ổn định.

Theo em, vì sao nói hiến pháp Việt Nam có hiệu lực pháp lí lâu dài và tương đối ổn định? Hiến pháp được bổ sung, thay đổi khi nào?

Nhóm 5,6: Hiến pháp có quy trình làm, sửa đổi đặc biệt được quy định tại Hiến pháp

Dựa vào sơ đồ và thông tin trên, em hãy cho biết quy trình làm, sửa đổi hiến pháp Việt Nam có gì đặc biệt?

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.
- Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra cho nhóm mình

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên yêu cầu từng nhóm tiến hành làm rõ nội dung của nhóm mình trước cả lớp
- Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

- Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật đặc điểm của Hiến pháp

Gv nhấn mạnh:

Hiến pháp là nguồn, là nền tảng cho việc ban hành các văn bản pháp luật khác thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam

Hiến pháp Việt Nam có hiệu lực pháp lí lâu dài và tương đối ổn định vì Hiến pháp quy định về những nội dung cơ bản, quan trọng của đất nước như: hình thức chính thể, chủ quyền, lãnh thổ, chế độ chính trị, quyền và nghĩa vụ của công dân,... nên nội dung Hiến pháp ít được sửa chữa, thay đổi.

Quy trình làm, sửa đổi Hiến pháp Việt Nam bao gồm 8 bước được quy định trong Hiến pháp. Hiến pháp được Quốc hội quyết định làm, sửa đổi khi có ít nhất 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội tán thành. Trong quá trình làm, sửa đổi Hiến pháp phải tổ chức lấy ý kiến của nhân dân. Hiến pháp được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.

2. Đặc điểm của hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Hiến pháp là đạo luật cơ bản, là cơ sở để xây dựng và ban hành tất cả các văn bản quy phạm pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Hiến pháp có hiệu lực pháp lí lâu dài, tương đối ổn định.

- Hiến pháp có quy trình làm, sửa đổi đặc biệt được quy định tại Hiến

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học, liên hệ thực tế để xử lí một số tình huống có nội dung cơ bản liên quan tới Hiến pháp

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

a. Sai, vì Hiến pháp là luật cơ bản của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Đúng, vì Hiến pháp là luật quy định những vấn đề cơ bản, quan trọng nhất của đất nước. Vì vậy, khi hoàn cảnh lịch sử và sự phát triển của đất nước có sự thay đổi lớn thì Hiến pháp cần được sửa đổi, thay thế để phù hợp hơn.

c. Sai, vì Quốc hội là cơ quan quyền lực của nhân dân, thực hiện ý chí nguyện vọng của nhân dân trong việc quản lý nhà nước. Quốc hội có quyền lập hiến nhưng việc lập hiến phải được tiến hành trên cơ sở lấy ý kiến đóng góp của nhân dân trong cả nước.

d. Đúng, vì Hiến pháp là luật cơ bản, có hiệu lực pháp lý cao nhất, mọi văn bản pháp luật khác đều phải phù hợp với Hiến pháp. Các văn bản trái Hiến pháp, mâu thuẫn với Hiến pháp sẽ bị hủy bỏ.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi thực hiện pháp luật.

Câu 2. Em hãy đọc các thông tin sau và cho biết Luật Giáo dục và Luật Bảo vệ môi trường được cụ thể hoá từ những Điều nào trong Hiến pháp năm 2013

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức chấp hành pháp luật

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, kết hợp với việc tìm hiểu Hiến pháp (trên mạng) để xác định những quy định trên thuộc những Điều nào trong hiến pháp.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Luật Giáo dục năm 2019 được cụ thể hoá từ Điều 39, 61 của Hiến pháp năm 2013.

b. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được cụ thể hoá từ Điều 43, 63 của Hiến pháp năm 2013.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, kết hợp với việc tìm hiểu Hiến pháp (trên mạng) để xác định những quy định trên thuộc những Điều nào trong hiến pháp.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

Câu 3. Em hãy cho biết các nội dung sau thể hiện đặc điểm nào của Hiến pháp Việt Nam năm 2013

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hiểu hơn về Hiến pháp 2013

b) Nội dung. HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

c) Sản phẩm.

+ Nội dung a, b, d thể hiện đặc điểm Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước.

+ Nội dung c thể hiện đặc điểm Hiến pháp là cơ sở để ban hành tất cả các văn bản quy phạm pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi

- Đưa ra ý kiến của bản thân để giải thích cho từng trường hợp cụ thể

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi lần lượt mỗi cặp học sinh sẽ chia sẻ ý kiến của bản thân về một trường hợp, các hs khác có thể bổ sung

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên chốt kiến thức cơ bản trong từng trường hợp

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1. Em hãy viết một bài luận về vai trò của Hiến pháp đối với cuộc sống con người và chia sẻ sản phẩm với các bạn.

a) Mục tiêu. HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. Hãy viết bài luận và chia sẻ với các bạn về vai trò của Hiến pháp đối với cuộc sống con người và chia sẻ sản phẩm với các bạn.. Bài viết có lấy ví dụ cụ thể để minh họa

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, chỉ rõ vai trò của Hiến pháp đối với cuộc sống con người

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Hãy viết bài luận và chia sẻ với các bạn về vai trò của Hiến pháp đối với cuộc sống con người và chia sẻ sản phẩm với các bạn.. Bài viết có lấy ví dụ cụ thể để minh họa

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về Hiến pháp.

Câu 2. Em hãy thiết kế một sản phẩm truyền thông (khẩu hiệu, tranh vẽ,...) giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thuyết trình ý nghĩa của sản phẩm đó trước lớp.

a) Mục tiêu. HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau suy nghĩ, lên ý tưởng để hoàn thành sản phẩm truyền thông (khẩu hiệu, tranh vẽ,...) giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

c) Sản phẩm.

sản phẩm truyền thông (khẩu hiệu, tranh vẽ,...) giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau suy nghĩ, lên ý tưởng để hoàn thành sản phẩm truyền thông (khẩu hiệu, tranh vẽ,...) giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ sản phẩm của nhóm

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về Hiến pháp

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

BÀI 15. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP VỀ CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ

Thời lượng: 2 tiết (Bộ kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Về kiến thức

Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về chế độ chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013.

- + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị nước Việt Nam.

- Năng lực đặc thù:

- + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị; Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị.

- + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản của Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp.
- Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Một số clip, hình ảnh, thông tin, tình huống, khẩu hiệu,... có nội dung liên quan tới bài học;
- Giấy A4, phiếu học tập, đồ dùng sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Khai thác vốn sống, trải nghiệm và sự hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề chế độ chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam để dẫn dắt vào bài học mới.

b) Nội dung. GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân GV yêu cầu HS chia sẻ sự hiểu biết của bản thân về chế độ chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu thấy được những nội dung cơ bản Hiến pháp đề cập đến chế độ chính trị ở Việt Nam

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân GV yêu cầu HS chia sẻ sự hiểu biết của bản thân về chế độ chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời,

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên tổng hợp lại kết quả của từng học sinh,

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Chế độ chính trị là một lĩnh vực quan trọng, quyết định sự tồn vong, phát triển của một quốc gia. Do vậy, những nội dung về chế độ chính trị thường được quy định trong rất nhiều văn bản pháp luật của mỗi quốc gia, trong đó có Hiến pháp - luật cơ bản của Nhà nước. Chế độ chính trị của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại chương đầu tiên của Hiến pháp năm 2013 gồm các nội dung về chính thể, chủ quyền, lãnh thổ, bản chất và sự phân chia quyền lực chính trị của Nhà nước, tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị,... Bài học này sẽ giúp các em hiểu rõ hơn về chế độ chính trị của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam để từ đó có thái độ, hành vi đúng đắn, phù hợp lứa tuổi khi thực hiện nghĩa vụ công dân trong việc xây dựng và phát triển nền chính trị nước nhà.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Hiến pháp 2013 về hình thức chính thể và chủ quyền, lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Mục tiêu. HS nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp về hình thức chính thể và chủ quyền, lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau tìm hiểu thông tin 1,2 sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

1/ *Hiến pháp năm 2013 quy định chính thể của nước Việt Nam là gì?*

2/ *Chủ quyền và lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Hiến pháp năm 2013 quy định như thế nào? Hãy nêu ví dụ thực hiện tốt quy định của Hiến pháp về chủ quyền, lãnh thổ*

c) Sản phẩm.

- HS giải thích được các câu hỏi mà phần thông tin đưa ra

1/ Hiến pháp năm 2013 quy định chính thể của nước Việt Nam là nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa.

2/ Hiến pháp năm 2013 quy định: Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị.

Ví dụ thực hiện tốt quy định của Hiến pháp về chủ quyền, lãnh thổ: Trình báo cơ quan công an khi phát hiện các hành vi xâm phạm chủ quyền, lãnh thổ quốc gia; từ chối xem, chia sẻ các thông tin tiêu cực, xâm phạm về chủ quyền, lãnh thổ quốc gia.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau tìm hiểu thông tin 1,2 sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>1/ Hiến pháp năm 2013 quy định chính thể của nước Việt Nam là gì?</i> <i>2/ Chủ quyền và lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Hiến pháp năm 2013 quy định như thế nào? Hãy nêu ví dụ thực hiện tốt quy định của Hiến pháp về chủ quyền, lãnh thổ</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc các thông tin, trao đổi trong nhóm để hoàn thành nội dung câu trả lời - Phân công thành viên làm nhiệm vụ báo cáo khi giáo viên yêu cầu Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm và tiến hành nhận xét Gv nhấn mạnh: Việc quy định chính thể, chủ quyền và lãnh thổ có vị trí quan trọng đặc biệt, khẳng định vai trò, vị thế nước ta trên tầm quốc tế cũng như định hướng cho toàn thể các hoạt động của nhà nước	1. Hiến pháp 2013 về hình thức chính thể và chủ quyền, lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Chính thể của nước Việt Nam là nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa. - Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Hiến pháp 2013 về bản chất nhà nước và tổ chức quyền lực chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Mục tiêu. HS nêu được các đặc điểm của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc nhóm, các nhóm cùng đọc các thông tin 1,2 sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.

1/ Bản chất của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Hiến pháp năm 2013 xác định là gì? Em hiểu bản chất đó như thế nào?

2/ Tổ chức quyền lực chính trị Việt Nam được Hiến pháp năm 2013 quy định thế nào? Em hãy nêu ví dụ việc thực hiện quyền lực nhà nước thể hiện đúng bản chất Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

1/ Bản chất của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Hiến pháp xác định là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân và phục vụ cho lợi ích của nhân dân. Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

2/ Hiến pháp năm 2013 quy định nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Các tổ chức chính trị - xã hội tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội thông qua các hoạt động cụ thể của tổ chức.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc nhóm, các nhóm cùng đọc các thông tin 1,2 sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi. 1/ <i>Bản chất của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Hiến pháp năm 2013 xác định là gì? Em hiểu bản chất đó như thế nào?</i> 2/ <i>Tổ chức quyền lực chính trị Việt Nam được Hiến pháp năm 2013 quy định thế nào? Em hãy nêu ví dụ việc thực hiện quyền lực nhà nước thể hiện đúng bản chất Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra cho nhóm mình Báo cáo thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm tiến hành làm rõ nội dung của nhóm mình trước cả lớp - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật quy định về bản chất và tổ chức quyền lực nhà nước Gv nhấn mạnh: Hiến pháp năm 2013 quy định nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân và phục vụ cho lợi ích của nhân dân. Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.	2. Nội dung của Hiến pháp 2013 về bản chất nhà nước và tổ chức quyền lực chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Quy định về đường lối đối ngoại của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Mục tiêu. HS nêu được nội dung quy định về đường lối đối ngoại của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc nhóm, các nhóm cùng đọc các thông tin 1,2 sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.

1/ Em hãy cho biết, hiện nay nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện đường lối đối ngoại như thế nào? Trong quá trình thực hiện đường lối đối ngoại đó, Việt Nam đã đạt được những thành tựu gì?

2/ Theo em, đường lối đối ngoại của Việt Nam hiện nay có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của đời sống xã hội và sự phát triển đất nước?

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

Đường lối đối ngoại của Việt Nam hiện nay: nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Thành tựu: Đến năm 2021, Việt Nam đã thiết lập được quan hệ ngoại giao với 189/193 nước thuộc tất cả các châu lục và có mối quan hệ tốt đẹp với tất cả các nước lớn, các Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; có quan hệ đối tác chiến lược với 17 quốc gia (trong đó có 3 đối tác chiến lược toàn diện), 13 đối tác toàn diện.

Ý nghĩa: Đường lối đối ngoại của Việt Nam góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; góp phần mở rộng thị trường, thu hút được nhiều nguồn vốn, công nghệ, trí thức từ bên ngoài để phục vụ cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đường lối đối ngoại của nước ta tạo điều kiện để phát triển đất nước và nâng cao chất lượng, phát triển đời sống xã hội một cách toàn diện.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc nhóm, các nhóm cùng đọc các thông tin 1,2 sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi. <i>1/ Em hãy cho biết, hiện nay nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện đường lối đối ngoại như thế nào? Trong quá trình thực hiện đường lối đối ngoại đó, Việt Nam đã đạt được những thành tựu gì?</i> <i>2/ Theo em, đường lối đối ngoại của Việt Nam hiện nay có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của đời sống xã hội và sự phát triển đất nước?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra cho nhóm mình Báo cáo thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm tiến hành làm rõ nội dung của nhóm mình trước cả lớp - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định	3. Quy định về đường lối đối ngoại, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và Thủ đô của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. a. Quy định về đường lối đối ngoại Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật những quy định của hiến pháp về đường lối đối ngoại của nước ta. Gv nhấn mạnh: Thành tựu: Đến năm 2021, Việt Nam đã thiết lập được quan hệ ngoại giao với 189/193 nước thuộc tất cả các châu lục và có mối quan hệ tốt đẹp với tất cả các nước lớn, các Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; có quan hệ đối tác chiến lược với 17 quốc gia (trong đó có 3 đối tác chiến lược toàn diện), 13 đối tác toàn diện. Ý nghĩa: Đường lối đối ngoại của Việt Nam góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; góp phần mở rộng thị trường, thu hút được nhiều nguồn vốn, công nghệ, trí thức từ bên ngoài để phục vụ cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đường lối đối ngoại của nước ta tạo điều kiện để phát triển đất nước và nâng cao chất lượng, phát triển đời sống xã hội một cách toàn diện.	hợp quốc và điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.
--	---

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Quy định về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và Thủ đô của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Mục tiêu. HS nêu được nội dung quy định về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và thủ đô của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc nhóm, các nhóm cùng đọc các thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.

Theo em, vì sao Hiến pháp có nội dung quy định về Quốc kì, Quốc ca, Quốc huy Quốc khánh, Thủ đô của đất nước?

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

Hiến pháp năm 2013 có nội dung quy định về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và Thủ đô vì đây là một trong những nội dung cơ bản, quan trọng gắn liền với chế độ chính trị của đất nước. Đồng thời, đây cũng là những nội dung thể hiện biểu tượng, đặc trưng của mỗi quốc gia trên thế giới.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc nhóm, các nhóm cùng đọc các thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi. <i>Theo em, vì sao Hiến pháp có nội dung quy định về Quốc kì, Quốc ca, Quốc huy Quốc khánh, Thủ đô của đất nước?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra cho nhóm mình Báo cáo thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm tiến hành làm rõ nội dung của nhóm mình trước cả lớp	3. Quy định về đường lối đối ngoại, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và Thủ đô của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. <i>b. Quy định về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và Thủ đô của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i> 1. Quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh. 2. Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, xung

- Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức để học sinh hiểu được quy định về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và Thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Gv nhấn mạnh: Hiến pháp năm 2013 có nội dung quy định về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và Thủ đô vì đây là một trong những nội dung cơ bản, quan trọng gắn liền với chế độ chính trị của đất nước. Đồng thời, đây cũng là những nội dung thể hiện biểu tượng, đặc trưng của mỗi quốc gia trên thế giới.	quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng và dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 3. Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài Tiến quân ca. 4. Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là ngày Tuyên ngôn độc lập 2 tháng 9 năm 1945. 5. Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hà Nội.
---	---

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức vừa khám phá về các nội dung quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

a.Sai, vì Hiến pháp quy định tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nhân dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Tuy nhiên, mọi hoạt động của nhân dân đều phải tuân thủ quy định của Hiến pháp và pháp luật, không được làm những việc trái quy định của Hiến pháp và pháp luật.

b.Đúng, vì chia sẻ những thông tin có nội dung sai lệch về chủ quyền lãnh thổ, quốc gia là hành vi sai trái, vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ đất nước. Không chia sẻ các thông tin có nội dung sai lệch về chủ quyền, lãnh thổ là một cách để thực hiện nghĩa vụ của bản thân đối với đất nước.

c.Đúng, vì mỗi người dân đều có hoàn cảnh riêng, trong đó có những đối tượng đặc biệt khó khăn, sinh sống ở địa bàn xa xôi, hiểm trở như: vùng núi, vùng biên giới, hải đảo. Do đó, Nhà nước cần quan tâm, tạo điều kiện để tất cả mọi người, đặc biệt là những người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số có thể thuận lợi phát huy quyền làm chủ của bản thân đối với đất nước.

d.Sai, vì bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ quốc gia là trách nhiệm chung của Nhà nước và toàn xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát nhấn mạnh những việc làm mà công dân cần tham gia xây dựng và củng cố hệ thống chính trị.

Câu 2. Em có nhận xét gì về hành vi của mỗi nhân vật trong các trường hợp sau đây?

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức, rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống; Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh thái độ, hành vi thực hiện nghĩa vụ của công dân trong việc góp phần xây dựng chế độ chính trị Việt Nam vững mạnh

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đánh giá hành vi của các nhân vật trong từng tình huống.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Hành vi của ông A là đúng, thực hiện tốt trách nhiệm của một cán bộ nhà nước đối với nhân dân. Đồng thời, hành vi này cũng góp phần phát huy sự tham gia của nhân dân vào việc quản lý nhà nước và xã hội.

b. Hành vi của anh H rất đáng bị phê phán bởi anh H đã chối bỏ quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của bản thân, không thực hiện nghĩa vụ của mình đối với việc phát triển địa phương nói riêng và phát triển đất nước nói chung.

c. Hành vi của cán bộ xã B là sai trái, đáng bị phê phán bởi hành vi này đã thể hiện sự vô trách nhiệm của các cán bộ xã đối với hoạt động của cơ quan và đối với nhân dân.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đánh giá hành vi của các nhân vật trong từng tình huống.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

Câu 3. Xử lý tình huống

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hiểu hơn về chế độ chính trị trong Hiến pháp 2013

b) Nội dung. HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

c) Sản phẩm.

a. Ý tưởng của p là đúng và thiết thực, p nên giải thích cho các bạn hiểu bảo vệ chủ quyền biển, đảo của đất nước là trách nhiệm chung của tất cả mọi người. Những đóng góp của các thế hệ cha ông đi trước đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo dân tộc là niềm tự hào chung của cả dân tộc, những tư liệu về việc bảo vệ biển, đảo là tài liệu quý của quốc gia, mọi người đều có quyền được tham khảo, tìm hiểu. Do vậy, không nên giữ riêng các tư liệu mà nên gửi lên thư viện trường để làm tài liệu chung.

b. Em nên giải thích cho T hiểu các HS miền núi gặp phải rất nhiều vấn đề khó khăn trong cuộc sống hằng ngày (ăn, ở, mặc, đi lại,...), cơ hội, điều kiện học tập cũng khó khăn hơn các bạn miền xuôi nên cần được Nhà nước quan tâm, tạo điều kiện để có thể thực hiện quyền bình đẳng học tập.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi

- Đưa ra ý kiến của bản thân để giải thích cho từng trường hợp cụ thể

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi lần lượt mỗi cặp học sinh sẽ chia sẻ ý kiến của bản thân về một trường hợp, các hs khác có thể bổ sung

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên chốt kiến thức cơ bản trong từng trường hợp

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1. Em hãy vẽ một bức tranh hoặc thiết kế một khẩu hiệu tuyên truyền người thân thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị.

a) Mục tiêu. HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau suy nghĩ, lên ý tưởng để hoàn thành sản phẩm vẽ một bức tranh hoặc thiết kế một khẩu hiệu tuyên truyền người thân thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị

c) Sản phẩm.

Bức tranh hoặc thiết kế một khẩu hiệu tuyên truyền người thân thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau suy nghĩ, lên ý tưởng để hoàn thành sản phẩm vẽ một bức tranh hoặc thiết kế một khẩu hiệu tuyên truyền người thân thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp năm 2013 về chế độ chính trị

Thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ sản phẩm của nhóm

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về chế độ chính trị trong Hiến pháp 2013

Câu 2. Em hãy viết một bài luận về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo đối với nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chia sẻ sản phẩm với các bạn trong lớp..

a) Mục tiêu. HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, viết về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo đối với nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chia sẻ sản phẩm với các bạn trong lớp. Bài viết có lấy ví dụ cụ thể để minh họa

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, chỉ rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo đối với nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân, viết về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo đối với nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chia sẻ sản phẩm với các bạn trong lớp. Bài viết có lấy ví dụ cụ thể để minh họa

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về tầm quan trọng của biển, đảo đối với nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

BÀI 16. QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN TRONG HIẾN PHÁP

Thời lượng: 3 tiết (Bộ kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

a) Kiến thức

Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

b) Phẩm chất

Nhân ái: Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân và người khác

Trách nhiệm: Có thái độ đồng tình, ủng hộ với các hành vi thực hiện đúng, lên án những hành vi vi phạm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

c) Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp năm 2013.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp năm 2013.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi: Có ý thức tự giác thực hiện các quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân bằng những hành vi cụ thể phù hợp với lứa tuổi

Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân bằng những việc làm phù hợp

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Một số clip, hình ảnh, thông tin, tình huống, khẩu hiệu,... có nội dung liên quan tới bài học;

- Giấy A4, phiếu học tập, đồ dùng sắm vai;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** Khai thác vốn sống, trải nghiệm và sự hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013 để dẫn dắt vào bài học mới.

b) **Nội dung.** GV yêu cầu HS tham gia trò chơi “Tiếp sức”: Kể về quyền và nghĩa vụ của HS.

c) **Sản phẩm.** Học sinh bước đầu thấy được những nội dung cơ bản Hiến pháp đề cập đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS tham gia trò chơi “Tiếp sức”: Kể về quyền và nghĩa vụ của HS.

Thực hiện nhiệm vụ

Các HS lần lượt kể các quyền và nghĩa vụ của HS

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên tổng hợp lại kết quả của từng học sinh,

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

- Theo em, quyền và nghĩa vụ của HS có thuộc nội dung quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân không? Vì sao?

Gv nhấn mạnh:

Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định tại Chương II của Hiến pháp năm 2013 với 36 điều (từ Điều 14 đến Điều 49) nhằm khẳng định vai trò quan trọng của quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp. Điều này thể hiện nhất quán với đường lối của Đảng và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong việc công nhận, tôn trọng, đảm bảo, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Bài học này sẽ giúp chúng ta biết được các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người

a) Mục tiêu. HS nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau tìm hiểu thông tin 1,2,3 sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

Câu 1. Theo em, con người có những quyền gì? Nêu biểu hiện cụ thể của các quyền đó trong trường hợp 2 và 3

Câu 2. Quyền con người được quy định trong Hiến pháp có ý nghĩa như thế nào?

c) Sản phẩm.

- HS giải thích được các câu hỏi mà phần thông tin đưa ra

1/ Con người có các quyền: quyền bình đẳng; quyền sống; quyền bất khả xâm phạm về thân thể và được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm; quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật; quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân; quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác; quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó; quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hoá, sử dụng các cơ sở văn hoá; quyền được sống trong môi trường trong lành;...

+ Trong trường hợp 2, cô T đã phát hiện em bé bị bỏ rơi, đưa em đến bệnh viện kiểm tra sức khoẻ, nhận em làm con nuôi và chăm sóc, nuôi dưỡng em. Việc làm của cô T đã đảm bảo quyền sống, quyền được chăm sóc sức khoẻ cho em bé.

+ Trong trường hợp 3, gia đình H đã tới cơ quan công an trình báo và yêu cầu cơ quan công an can thiệp xử lý N vì N đã dùng vũ lực bắt và giam giữ H trái luật. Hành vi của N đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của H.

2/ Ý nghĩa của quyền con người được quy định trong Hiến pháp: Quy định của Hiến pháp về quyền con người là cơ sở pháp lý để bảo vệ con người, chống lại các hành vi làm tổn hại đến thân thể, danh dự, nhân phẩm, quyền lợi, sự tự do,... của con người. Đồng thời, các quy định này cũng thể hiện tính nhân văn, dân chủ của Đảng và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập:	1. Nội dung của Hiến pháp năm 2013

GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau tìm hiểu thông tin 1,2,3 sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi Câu 1. Theo em, con người có những quyền gì? Nêu biểu hiện cụ thể của các quyền đó trong trường hợp 2 và 3 Câu 2. Quyền con người được quy định trong Hiến pháp có ý nghĩa như thế nào? Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc các thông tin, trao đổi trong nhóm để hoàn thành nội dung câu trả lời - Phân công thành viên làm nhiệm vụ báo cáo khi giáo viên yêu cầu Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của các nhóm và tiến hành nhận xét Gv nhấn mạnh: Quy định của Hiến pháp về quyền con người là cơ sở pháp lý để bảo vệ con người, chống lại các hành vi làm tổn hại đến thân thể, danh dự, nhân phẩm, quyền lợi, sự tự do,... của con người. Đồng thời, các quy định này cũng thể hiện tính nhân văn, dân chủ của Đảng và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	về quyền con người Hiến pháp năm 2013 quy định rõ quyền con người như sau: Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội (Điều 16); Mọi người đều có quyền sống (Điều 19); Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm; Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật (Điều 20); Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; Mọi người có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác (Điều 21);...
--	--

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Một số nội dung của Hiến pháp năm 2013 về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

a) Mục tiêu. HS nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm sẽ tìm hiểu một nội dung và trả lời câu hỏi thuộc nội dung của nhóm mình

Nhóm 1: Các quyền về chính trị, dân sự

1/ Theo em, trường hợp 2 và 3 đề cập đến những quyền chính trị, dân sự gì của công dân?

2/ Việc quy định các quyền về chính trị, dân sự của công dân trong Hiến pháp năm 2013 có ý nghĩa như thế nào?

Nhóm 2: Các quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội.

1/ Theo em, trường hợp 2 và 3 đề cập đến các quyền kinh tế, văn hoá, xã hội gì của công dân? Các quyền đó được biểu hiện như thế nào trong mỗi trường hợp?

2/ Những quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013 có ý nghĩa như thế nào?

Nhóm 3: Nghĩa vụ cơ bản của công dân

1/ Theo em, trường hợp 2 và 3 đề cập đến những nghĩa vụ gì của công dân? Các nghĩa vụ đó được biểu hiện như thế nào trong mỗi trường hợp?

2/ Theo em, tại sao công dân phải thực hiện tốt các nghĩa vụ của mình?

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

Nhóm 1: Các quyền về chính trị, dân sự

1/ Trong trường hợp 2, anh V thực hiện quyền bầu cử của công dân. Anh tham gia bỏ phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã năm đủ 18 tuổi. Anh V cũng mong muốn sau này được thực hiện quyền ứng cử để có thể tham gia vào Hội đồng nhân dân xã.

Trong trường hợp 3, M thực hiện quyền tự do đi lại của công dân bằng việc đi du lịch dài ngày qua nhiều khu di tích, danh lam, thắng cảnh trên đất nước. M thực hiện quyền tự do báo chí khi viết bài chia sẻ về những trải nghiệm của bản thân để đăng báo.

2/ Các quyền về chính trị, dân sự của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013 thể hiện tính dân chủ của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tạo cơ sở pháp lý và đảm bảo sự tham gia quản lý nhà nước và xã hội, đảm bảo sự tự do trong lĩnh vực chính trị, dân sự của công dân.

Nhóm 2: Các quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội.

1/ Trong thông tin 2, Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo vùng dân tộc thiểu số nhằm đảm bảo quyền học tập cho con em đồng bào dân tộc thiểu số và đảm bảo sự công bằng xã hội trong giáo dục.

Trong thông tin 3, Đảng và Nhà nước thực hiện quyền được đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bằng việc tích cực đẩy mạnh các chính sách an sinh xã hội cho người dân, giúp họ khắc phục khó khăn do dịch bệnh gây ra.

2/ Các quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013 thể hiện sự quan tâm, trách nhiệm của Đảng và Nhà nước ta đối với lợi ích, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Là căn cứ pháp lý để người dân thực hiện các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội nhằm phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân và gia đình về mọi mặt.

Nhóm 3: Nghĩa vụ cơ bản của công dân

1/ Trong trường hợp 2, anh Q thực hiện nghĩa vụ quân sự bằng việc nhập ngũ sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông. Vào quân đội, anh quyết tâm cố gắng học tập, rèn luyện, chấp hành nhiệm vụ, thực hiện tốt nghĩa vụ trung thành và bảo vệ Tổ quốc.

Trong trường hợp 3, anh N thực hiện nghĩa vụ nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Hiến pháp và pháp luật. Anh cũng thực hiện nghĩa vụ tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội bằng việc dành nhiều thời gian để tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật cho HS trên địa bàn, nhắc nhở các em thực hiện tốt nghĩa vụ của mình, góp phần giữ gìn an ninh, trật tự tại địa phương.

2/ Công dân là chủ nhân của đất nước. Do đó, bên cạnh việc được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp thì công dân cần phải thực hiện tốt các nghĩa vụ của bản thân để thực hiện trách nhiệm làm chủ của mình đối với đất nước và xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập Nhóm 1: Các quyền về chính trị, dân sự <i>1/ Theo em, trường hợp 2 và 3 đề cập đến những quyền chính trị, dân sự gì của công dân?</i> <i>2/ Việc quy định các quyền về chính trị, dân sự của công dân trong Hiến pháp năm 2013 có ý nghĩa như thế nào?</i> Nhóm 2: Các quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội. <i>1/ Theo em, trường hợp 2 và 3 đề cập đến các quyền kinh tế, văn hoá, xã hội gì của công dân? Các quyền đó được biểu hiện như thế nào trong mỗi trường hợp?</i> <i>2/ Những quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội của công dân được quy định trong Hiến pháp</i>	2. Một số nội dung của Hiến pháp năm 2013 về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân <i>a) Các quyền về chính trị, dân sự.</i> Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có các quyền về chính trị, dân sự như: quyền có nơi ở hợp pháp (Điều 22); quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo luật định (Điều 23); quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình theo luật định (Điều 25); quyền bầu cử khi đủ 18 tuổi trở lên và

<i>năm 2013 có ý nghĩa như thế nào?</i> Nhóm 3: Nghĩa vụ cơ bản của công dân <i>1/ Theo em, trường hợp 2 và 3 đề cập đến những nghĩa vụ gì của công dân? Các nghĩa vụ đó được biểu hiện như thế nào trong mỗi trường hợp?</i> <i>2/ Theo em, tại sao công dân phải thực hiện tốt các nghĩa vụ của mình?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra cho nhóm mình Báo cáo thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm tiến hành làm rõ nội dung của nhóm mình trước cả lớp - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Gv nhấn mạnh: Các quyền về chính trị, dân sự của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013 thể hiện tính dân chủ của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tạo cơ sở pháp lí và đảm bảo sự tham gia quản lí nhà nước và xã hội, đảm bảo sự tự do trong lĩnh vực chính trị, dân sự của công dân. Các quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013 thể hiện sự quan tâm, trách nhiệm của Đảng và Nhà nước ta đối với lợi ích, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Là căn cứ pháp lí để người dân thực hiện các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội nhằm phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân và gia đình về mọi mặt.	quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân khi đủ 21 tuổi trở lên (Điều 27); quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước (Điều 28); quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân khi đủ 18 tuổi trở lên (Điều 29),... <i>b) Các quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội.</i> Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có các quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội như: quyền bình đẳng về kinh tế, văn hóa, xã hội (Điều 26); quyền được bảo đảm an sinh xã hội (Điều 34); quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc (Điều 35); quyền học tập (Điều 39); quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42). <i>c) Nghĩa vụ cơ bản của công dân.</i> Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có các nghĩa vụ cơ bản như: nghĩa vụ học tập (Điều 39); nghĩa vụ bảo vệ môi trường (Điều 43); nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc (Điều 44); nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân (Điều 45); nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng (Điều 46); nghĩa vụ nộp thuế theo luật định (Điều 47).
---	---

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức vừa khám phá về các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

a. Sai, vì nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của tất cả mọi công dân và được thực hiện trong khi đất nước xảy ra chiến tranh và cả khi hoà bình.

b. Sai, vì tất cả mọi người đang sinh sống trên lãnh thổ của Việt Nam đều được hưởng các quyền con người được quy định trong Hiến pháp năm 2013 nhưng chỉ công dân Việt Nam mới được hưởng các quyền công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013.

c. Đúng, vì HS là những chủ thể độc lập nên sẽ được hưởng những quyền con người được quy định trong Hiến pháp năm 2013. HS là công dân Việt Nam thì sẽ được hưởng các quyền công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013, tuy nhiên một số quyền HS sẽ được thực hiện khi đủ tuổi theo quy định của pháp luật.

d. Sai, vì công dân Việt Nam, trong đó có HS sẽ phải thực hiện các nghĩa vụ của bản thân bằng những hành vi, việc làm phù hợp với năng lực và độ tuổi.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát nhấn mạnh làm nổi bật quyền và nghĩa vụ của công dân.

Câu 2. Em có nhận xét gì về hành vi của mỗi nhân vật trong các tình huống sau đây?

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức vừa khám phá. Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống; Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trong việc thực hiện tốt quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đánh giá hành vi của các nhân vật trong từng tình huống.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Hành vi của H là sai, đáng phê phán. Hành vi đó đã xâm phạm quyền được giữ bí mật thư tín, điện thoại của chị gái H.

b. Hành vi của A là đúng, vì đã góp phần thực hiện quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của M.

c. Hành vi của D là đúng, rất đáng học tập. D đã khuyến khích M thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ môi trường của công dân.

d. Hành vi của N là đúng, vì bạn đã phát huy quyền được tự do lựa chọn nghề nghiệp của bản thân.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đánh giá hành vi của các nhân vật trong từng tình huống.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát liên quan đến nội dung bài học để hiểu hơn về các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp 2013

Câu 3. Xử lý tình huống

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức vừa khám phá về các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013; Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống; Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trong việc thực hiện tốt quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

b) Nội dung. HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

c) Sản phẩm.

a. Trẻ em cũng là công dân của đất nước nên trẻ em có quyền tham gia bày tỏ ý kiến về những vấn đề liên quan đến bản thân mình và có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội bằng những việc làm phù hợp với độ tuổi. Trong tình huống này, B hoàn toàn có quyền tham gia cuộc họp và đóng góp ý kiến. Vì vậy, em nên khuyên B mạnh dạn xin phép mọi người được đóng góp ý kiến, vì Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có quyền tự do ngôn luận, có quyền được tham gia đóng góp ý kiến vào những vấn đề quan trọng của địa phương, đặc biệt là những vấn đề liên quan trực tiếp đến bản thân mình, những ý kiến đóng góp của B sẽ được mọi người ghi nhận, xem xét và thực hiện nếu phù hợp.

b. Học tập là quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân, không ai có quyền tự ý xâm phạm. N mong muốn được tiếp tục đi học là một nguyện vọng chính đáng. Em nên giải thích cho N hiểu công dân có quyền và nghĩa vụ học tập. Khuyên N nên thuyết phục bố mẹ cho mình tiếp tục đi học để sau này có công việc ổn định, có cuộc sống tốt đẹp hơn. Hoặc khuyên N tìm kiếm sự giúp đỡ, can thiệp của người thân, GV,... để thuyết phục bố mẹ tiếp tục cho mình đi học. Đồng thời, gia đình N có thể tìm kiếm sự giúp đỡ, hỗ trợ từ chính quyền để cải thiện cuộc sống, phát triển kinh tế.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi
- Đưa ra ý kiến của bản thân để giải thích cho từng trường hợp cụ thể

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi lần lượt mỗi cặp học sinh sẽ chia sẻ ý kiến của bản thân về một trường hợp, các hs khác có thể bổ sung

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên chốt kiến thức cơ bản trong từng trường hợp

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1. Em hãy liệt kê những hành vi học sinh nên làm và không nên làm để góp phần thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013.

a) Mục tiêu. HS tự giác vận dụng những điều đã học về quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau suy nghĩ và liệt kê được các việc nên làm, việc không nên làm để góp phần thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân

c) Sản phẩm.

Thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân theo Hiến pháp năm 2013

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau suy nghĩ và liệt kê được các việc nên làm, việc không nên làm để góp phần thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân

Thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh làm việc ở nhà, trao đổi suy nghĩ trong nhóm để hoàn thành bài tập

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ sản phẩm của nhóm

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp 2013

Câu 2. Em hãy cùng các bạn tìm hiểu việc thực hiện các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân tại địa phương em đang sống. Viết báo cáo kết quả và chia sẻ lại với cả lớp.

a) Mục tiêu. HS tự giác vận dụng những điều đã học về quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, tìm hiểu việc thực hiện các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân tại địa phương em đang sống. Viết báo cáo kết quả và chia sẻ lại với cả lớp.

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, tìm hiểu việc thực hiện các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân tại địa phương em đang sống. Viết báo cáo kết quả và chia sẻ lại với cả lớp.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân, tìm hiểu việc thực hiện các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân tại địa phương em đang sống. Viết báo cáo kết quả và chia sẻ lại với cả lớp.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về tầm quan trọng của việc thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

BÀI 17. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP VỀ KINH TẾ, VĂN HOÁ, XÃ HỘI, GIÁO DỤC, KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG

Thời lượng: 3 tiết (Bộ kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Về kiến thức

Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường theo Hiến pháp năm 2013.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường;

Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm Hiến pháp về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản của Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp.
- Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Một số clip, hình ảnh, thông tin, tình huống, khẩu hiệu,... có nội dung liên quan tới bài học;

- Giấy A4, phiếu học tập, đồ dùng sắm vai;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Khai thác vốn sống, trải nghiệm, hiểu biết của HS về nội dung kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường để dẫn dắt vào bài học mới.

b) Nội dung. Em hãy chia sẻ một khẩu hiệu về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường mà em biết. Theo em, khẩu hiệu đó được sử dụng để làm gì?

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu thấy được những nội dung cơ bản Hiến pháp đề cập đến kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Về kinh tế: “Viết nên cuộc sống” của hãng bút bi Thiên Long: câu khẩu hiệu trên nhằm mục đích giới thiệu cho người dùng biết đến hãng bút bi Thiên Long, vừa ngắn gọn, mục tiêu rõ ràng hướng đến mục tiêu là giới thiệu bút bi, không gây phản cảm và luôn nhấn mạnh vào lợi ích sản phẩm

Văn hóa: “xếp hàng là văn minh”: câu khẩu hiệu trên nói về văn hóa xếp hàng, mục đích sử dụng của câu nói này nhằm tuyên truyền đến mọi người về việc xếp hàng khi có việc gì liên quan đến việc thứ tự trước sau không bon chen ồ ạt gây ảnh hưởng đến mọi người và nơi công cộng.

Giáo dục: “Việc học của bạn, tương lai của đất nước”: dùng để nói lên tầm quan trọng của việc học tập của mỗi cá nhân trên đất nước VN, việc học giúp nâng cao tri thức, nâng cao dân trí xã hội, góp phần làm cho đất nước phát triển và giàu mạnh.

Khoa học và công nghệ: “connecting people – Kết nối mọi người”: ý muốn nói khoa học giúp kết nối con người lại với nhau câu khẩu hiệu trên của hãng điện thoại di động nổi tiếng : Nokia

Môi trường: “Môi trường hôm nay - cuộc sống ngày mai” : dùng để nói lên tầm quan trọng của môi trường ta đang sống, bảo vệ môi trường cũng chính là bảo vệ chính cuộc sống của chúng ta.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Em hãy chia sẻ một khẩu hiệu về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường mà em biết. Theo em, khẩu hiệu đó được sử dụng để làm gì?

Thực hiện nhiệm vụ

Các HS lần lượt kể, mỗi học sinh kể một lĩnh vực

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên tổng hợp lại kết quả của từng học sinh,

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Một số khẩu hiệu tuyên truyền về kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường được sử dụng một cách phổ biến đã phần nào cho thấy tầm quan trọng của các lĩnh vực này đối với sự phát triển của đất nước. Bài học sau đây sẽ giúp các em biết được một số quy định cụ thể của Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường để nâng cao hiểu biết và thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về kinh tế

a) Mục tiêu. HS nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về kinh tế.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS đóng vai tình huống trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.

1/ Em hãy nêu ý kiến nhận xét về câu trả lời của nhân vật anh trai trong đoạn hội thoại

2/ Em hãy phân biệt quyền sở hữu đất đai và quyền sử dụng đất.

c) Sản phẩm.

- HS giải thích được các câu hỏi mà phần thông tin đưa ra

1/ Các câu trả lời của nhân vật anh trai trong đoạn hội thoại đã phản ánh đúng về một số khía cạnh của thực trạng nền kinh tế Việt Nam hiện nay như: Kinh tế Việt Nam hiện nay là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Người dân có thể tự do kinh doanh những mặt hàng mà pháp luật không cấm. Kinh tế Việt Nam gồm: thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

2/ Quyền sở hữu đất là quyền chiếm giữ, sử dụng, định đoạt đất đai thông qua hoạt động trực tiếp hoặc gián tiếp. Hiến pháp năm 2013 quy định đất đai là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

Quyền sử dụng đất là quyền của các chủ thể được khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất được Nhà nước giao, cho thuê hoặc được chuyển giao từ những chủ thể có quyền thông qua việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho,... Hiến pháp năm 2013 quy định: Tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất. Người sử dụng đất được chuyển quyền sử dụng đất, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Quyền sử dụng đất được pháp luật bảo hộ.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS đóng vai tình huống trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi. <i>1/ Em hãy nêu ý kiến nhận xét về câu trả lời của nhân vật anh trai trong đoạn hội thoại</i> <i>2/ Em hãy phân biệt quyền sở hữu đất đai và quyền sử dụng đất.</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc đóng vai để thực hiện đoạn hội thoại - Các học sinh khác trả lời câu hỏi	1. Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về kinh tế Nội dung về kinh tế được quy định tại các Điều 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56 của Hiến pháp năm 2013. Theo đó, nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật, bình đẳng trước pháp luật, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng

Báo cáo thảo luận - Học sinh đóng vai tình huống và trả lời câu hỏi - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ và kết luận Gv nhấn mạnh: Quy định của Hiến pháp về kinh tế được quy định tại các Điều 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56 của Hiến pháp năm 2013. Theo đó, nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.	sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật. Ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, quỹ tài chính nhà nước và các nguồn tài chính công khác do Nhà nước thống nhất quản lý và phải được sử dụng hiệu quả, công bằng, công khai, minh bạch, đúng pháp luật.
---	--

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, xã hội

a) Mục tiêu. HS nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về văn hoá, xã hội.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

1/ Theo em, quy định của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, xã hội được biểu hiện cụ thể như thế nào trong đời sống xã hội?

2/ Theo em, nội dung về văn hoá, xã hội của Hiến pháp năm 2013 có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của nhân dân và sự phát triển của đất nước?

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

1/ Một số quy định của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, xã hội được biểu hiện cụ thể trong đời sống xã hội như: các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khám, chữa bệnh cho đồng bào dân tộc thiểu số; các cơ quan, tổ chức, cá nhân dạy nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật; các địa phương thực hiện bảo tồn, giữ gìn các di sản văn hoá như: quần thể di tích cố đô Huế, không gian văn hoá công chiêm Tây Nguyên, dân ca quan họ Bắc Ninh,...

2/ Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, xã hội góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân; tạo cơ hội tiếp cận, thụ hưởng công bằng về phúc lợi xã hội, y tế, văn hoá cho nhân dân; tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng con người Việt Nam có sức khoẻ, văn hoá, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; tạo điều kiện phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước,...

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>1/ Theo em, quy định của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, xã hội được biểu hiện cụ thể như thế nào trong đời sống xã hội?</i> <i>2/ Theo em, nội dung về văn hoá, xã hội của Hiến pháp năm 2013 có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của nhân dân và sự phát triển của đất nước?</i>	2. Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, xã hội Nội dung về văn hoá, xã hội được quy định tại Điều 57, 58, 59, 60 của Hiến pháp năm 2013. Theo đó Hiến pháp quy định vai trò, trách nhiệm của Nhà nước và xã hội đối với

Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra cho nhóm mình Báo cáo thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm tiến hành làm rõ nội dung của nhóm mình trước cả lớp - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật ý nghĩa của quy định về văn hóa xã hội đối với công dân Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, xã hội góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân; tạo cơ hội tiếp cận, thụ hưởng công bằng về phúc lợi xã hội, y tế, văn hoá cho nhân dân; tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng con người Việt Nam có sức khỏe, văn hoá, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; tạo điều kiện phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước,...	các lĩnh vực của văn hoá, xã hội như: tạo việc làm cho người lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động và tạo điều kiện xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hoà và ổn định; chăm lo, phát triển sức khoẻ của nhân dân; tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội; chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại;...
--	--

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về giáo dục

a) Mục tiêu. HS nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về giáo dục.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

1/ Theo em, quy định của Hiến pháp năm 2013 về giáo dục được biểu hiện cụ thể như thế nào trong đời sống xã hội?

2/ Theo em, vì sao Hiến pháp năm 2013 lại xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu của quốc gia?

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

1/ Một số quy định của Hiến pháp năm 2013 về giáo dục được biểu hiện cụ thể trong đời sống xã hội như: các tổ chức, cá nhân hỗ trợ, đầu tư xây dựng, sửa chữa trường học tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo; cá nhân, tổ chức, cơ quan hỗ trợ học phí, đồ dùng học tập, tặng học bổng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; Nhà nước miễn, giảm học phí cho HS có hoàn cảnh khó khăn,...

2/ Nhà nước xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu vì giáo dục đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia, góp phần nâng cao trình độ dân trí, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Sự phát triển của giáo dục sẽ tạo tiền đề cho sự phát triển toàn diện của đất nước trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, văn hoá, xã hội,...

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi 1/ Theo em, quy định của Hiến pháp năm 2013 về giáo dục được biểu hiện cụ thể như thế nào trong đời sống xã hội? 2/ Theo em, vì sao Hiến pháp năm 2013 lại xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu của quốc gia?	3. Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về giáo dục Điều 61 Hiến pháp năm 2013 xác định: Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển

Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra cho nhóm mình Báo cáo thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm tiến hành làm rõ nội dung của nhóm mình trước cả lớp - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật ý nghĩa của quy định về giáo dục đối với công dân Nhà nước xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu vì giáo dục đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia, góp phần nâng cao trình độ dân trí, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Sự phát triển của giáo dục sẽ tạo tiền đề cho sự phát triển toàn diện của đất nước trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, văn hoá, xã hội,...phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước,...	nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Nhà nước Việt Nam ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư cho giáo dục; chăm lo phát triển giáo dục ở các cấp học, thực hiện phổ cập giáo dục và các chính sách về học bổng, học phí hợp lý; ưu tiên phát triển giáo dục ở các vùng có điều kiện khó khăn, tạo điều kiện để các nhóm yếu thế được tiếp cận với giáo dục
---	---

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về khoa học công nghệ

a) Mục tiêu. HS nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về khoa học, công nghệ.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

1/ Quốc gia Khởi nghiệp, Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có ý nghĩa như thế nào trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước?

2/O và D đã có ý tưởng gì trong việc sáng tạo để phát triển khoa học, công nghệ?

3/ Theo em, nội dung của Hiến pháp về khoa học, công nghệ có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống xã hội và sự phát triển đất nước?

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

1/ Ý nghĩa của Quốc gia Khởi nghiệp, Ngày hội Khởi nghiệp: Thúc đẩy các sáng kiến công nghệ phục vụ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh góp phần phát triển nền kinh tế đất nước; Góp phần thu hút nguồn lực chuyên gia, trí thức, doanh nhân trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, phát triển; Thúc đẩy hình thành tư duy đổi mới, sáng tạo mở, giải quyết những vấn đề, thách thức đặt ra trong xã hội, bối cảnh dịch bệnh và nhu cầu từ các doanh nghiệp, tập đoàn lớn; Góp phần thu hút nguồn vốn từ các quỹ đầu tư và tập đoàn nước ngoài đến tham quan và tìm hiểu các dự án, ý tưởng khởi nghiệp để đầu tư hoặc mua ý tưởng kinh doanh đó; Tạo điều kiện, thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước,...

2/ O và D có ý tưởng kĩ thuật về sản xuất công nghệ mới. Ý tưởng của o là sản xuất một động cơ chạy bằng không khí nén, ý tưởng của D là công nghệ điện cát (sản xuất điện từ cát).

3/ Ý nghĩa nội dung của Hiến pháp về khoa học, công nghệ: Khẳng định vai trò then chốt của khoa học, công nghệ trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội đối với đất nước; Tạo tiền đề, căn cứ pháp lí để phát triển khoa học, công nghệ trong nước; Tạo điều kiện người dân được tham gia và thụ hưởng công bằng lợi ích từ hoạt động khoa học, công nghệ, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân; Tạo nền tảng, điều kiện để xây dựng, phát triển đất nước toàn diện (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội),...

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>1/ Quốc gia Khởi nghiệp, Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có ý nghĩa như thế nào trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước?</i> <i>2/O và D đã có ý tưởng gì trong việc sáng tạo để phát triển khoa học, công nghệ?</i> <i>3/ Theo em, nội dung của Hiến pháp về khoa học, công nghệ có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống xã hội và sự phát triển đất nước?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra cho nhóm mình Báo cáo thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm tiến hành làm rõ nội dung của nhóm mình trước cả lớp - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật ý nghĩa của quy định về khoa học, công nghệ đối với công dân Ý nghĩa nội dung của Hiến pháp về khoa học, công nghệ: Khẳng định vai trò then chốt của khoa học, công nghệ trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội đối với đất nước; Tạo tiền đề, căn cứ pháp lí để phát triển khoa học, công nghệ trong nước; Tạo điều kiện người dân được tham gia và thụ hưởng công bằng lợi ích từ hoạt động khoa học, công nghệ, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân; Tạo nền tảng, điều kiện để xây dựng, phát triển đất nước toàn diện (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội),...	4. Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về khoa học công nghệ Điều 62 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.

Nội dung 5: Tìm hiểu nội dung: Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về môi trường

a) Mục tiêu. HS nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về môi trường.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

1/ Theo em, tại sao Hiến pháp có nội dung về môi trường?

2/ Hãy nêu ví dụ về việc thực hiện tốt quy định của Hiến pháp năm 2013 về' môi trường.

3/ Theo em, nội dung của Hiến pháp về môi trường có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của đất nước và đời sống xã hội?

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

1/ Hiến pháp năm 2013 có nội dung về môi trường vì môi trường là yếu tố đóng vai trò quyết định đối với sự sinh tồn của con người. Bảo vệ môi trường là bảo vệ sự sống của con người, bảo vệ điều kiện tồn tại của nhân loại, đồng thời bảo vệ môi trường cũng tạo điều kiện để phát triển đất nước một cách bền vững.

2/ Ví dụ về việc thực hiện tốt quy định của Hiến pháp năm 2013 về môi trường: Tham gia dọn dẹp vệ sinh môi trường biển; trồng nhiều cây xanh phủ xanh đất trống, đồi trọc; các

nhà máy đầu tư hệ thống xử lí nước thải tiên tiến; tham gia bảo vệ, bảo tồn các loài động vật hoang dã,...

3/ Nội dung của Hiến pháp quy định về môi trường đã thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta đối với việc bảo vệ môi trường; Tạo cơ sở, nền tảng pháp lí cho việc bảo vệ môi trường sống của con người; Gìn giữ, bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên; Góp phần gìn giữ môi trường trong sạch, lành mạnh, bảo vệ sức khỏe của người dân; Nâng cao ý thức, trách nhiệm của nhân dân và các cơ quan, tổ chức trong việc bảo vệ môi trường bền vững; Tạo điều kiện để phát triển đất nước một cách bền vững,...

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi 1/ Theo em, tại sao Hiến pháp có nội dung về môi trường? 2/ Hãy nêu ví dụ về việc thực hiện tốt quy định của Hiến pháp năm 2013 về môi trường. 3/ Theo em, nội dung của Hiến pháp về môi trường có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của đất nước và đời sống xã hội? Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra cho nhóm mình Báo cáo thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm tiến hành làm rõ nội dung của nhóm mình trước cả lớp - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật ý nghĩa của quy định về văn hóa xã hội đối với công dân Nội dung của Hiến pháp quy định về môi trường đã thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta đối với việc bảo vệ môi trường; Tạo cơ sở, nền tảng pháp lí cho việc bảo vệ môi trường sống của con người; Gìn giữ, bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên; Góp phần gìn giữ môi trường trong sạch, lành mạnh, bảo vệ sức khỏe của người dân; Nâng cao ý thức, trách nhiệm của nhân dân và các cơ quan, tổ chức trong việc bảo vệ môi trường bền vững; Tạo điều kiện để phát triển đất nước một cách bền vững,...	5. Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về môi trường Điều 63 Hiến pháp năm 2013 quy định: Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường; quản lí, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lí nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học; Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến nội dung bài học

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

a. Sai, vì công dân Việt Nam chỉ được phép kinh doanh những mặt hàng mà pháp luật không cấm khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

b. Sai, vì tài nguyên thiên nhiên là sở hữu của toàn dân nhưng do Nhà nước quản lí. Khi sử dụng các tài nguyên thiên nhiên, người dân phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Việc sử dụng phải kết hợp với bảo tồn và phát triển để tránh tình trạng suy kiệt tài nguyên.

c. Đúng, vì Hiến pháp năm 2013 quy định: Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ (khoản 3 Điều 62).

d. Sai, vì Hiến pháp năm 2013 quy định, tất cả mọi người đều có nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Vì vậy, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát nhấn mạnh làm nổi bật các quy định của hiến pháp về các lĩnh vực.

Câu 2. Em có nhận xét gì về hành vi của các nhân vật, tổ chức trong những trường hợp sau?

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức vừa khám phá . Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân để thực hiện nghĩa vụ của công dân về kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đánh giá hành vi của các nhân vật trong từng tình huống.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Hành vi của ông S và con trai là sai, vi phạm pháp luật. Hành vi này tiêu diệt nhiều loài động vật sống dưới nước, gây cạn kiệt nguồn tài nguyên thủy hải sản, đồng thời có thể gây nguy hiểm cho con người nên bị pháp luật nghiêm cấm.

b. Hành vi của bà H là vi phạm pháp luật và đáng bị phê phán. Người dân khi sử dụng những hàng hoá kém chất lượng, không rõ nguồn gốc xuất xứ có thể dẫn đến những ảnh hưởng không tốt cho sức khỏe, thậm chí nguy hiểm đến tính mạng.

c. Hành vi của ông M là đúng, đáng khen ngợi. Việc làm của ông đã góp phần bảo vệ môi trường và sức khỏe mọi người.

d. Việc làm của trường T là một việc làm tốt, tạo điều kiện cho HS được tiếp cận các thành tựu khoa học công nghệ, góp phần khơi dậy niềm đam mê sáng tạo.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đánh giá hành vi của các nhân vật trong từng tình huống.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát liên quan đến nội dung bài học để hiểu hơn về trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện Hiến pháp

Câu 3. Xử lí tình huống

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học; Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống có liên quan đến nội dung bài học; Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân để thực hiện nghĩa vụ của công dân về kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

b) Nội dung. HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

c) Sản phẩm.

a. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của mọi người. Hành vi của người dân ở thôn của Q là không tốt, vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và khiến dòng sông bị ô nhiễm, rác thải (nhất là rác thải từ nhựa) khiến các loài động vật sống dưới nước gặp nguy hiểm. Q nên giải thích cho mọi người hiểu quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ môi trường và khuyên mọi người không nên vứt rác xuống sông hoặc Q có thể phối hợp với Đoàn Thanh niên tổ chức hoạt động tuyên truyền về bảo vệ môi trường, đồng thời hướng dẫn người dân vứt rác đúng nơi quy định,...

b. Việc H thích nghiên cứu, chế tạo, lắp ráp các thiết bị công nghệ là rất tốt và có ích. H nên thuyết phục bố mẹ bằng cách giải thích cho bố mẹ hiểu về sở thích của bản thân, về vai trò của khoa học, công nghệ trong đời sống, hứa với bố mẹ sẽ phân bổ hợp lý thời gian học tập và thời gian dành cho nghiên cứu, tránh làm ảnh hưởng đến việc học hành hoặc H chia sẻ lại vấn đề với GV hoặc người thân để nhờ giúp đỡ, giải thích cho bố mẹ hiểu và thuyết phục bố mẹ đồng ý với sở thích của bản thân.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi
- Đưa ra ý kiến của bản thân để giải thích cho từng trường hợp cụ thể

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi lần lượt mỗi cặp học sinh sẽ chia sẻ ý kiến của bản thân về một trường hợp, các hs khác có thể bổ sung

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên chốt kiến thức cơ bản trong từng trường hợp

Câu 4. Em hãy nêu những việc HS nên làm và không nên làm để thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với việc phát triển giáo dục, khoa học và công nghệ

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học; Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống có liên quan đến nội dung bài học; Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân để thực hiện nghĩa vụ của công dân về kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.

b) Nội dung. HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

c) Sản phẩm.

+ Các việc HS nên làm:

Chăm chỉ học tập.

Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ.

Tìm hiểu, vận dụng các thành tựu khoa học, công nghệ phục vụ cho việc học tập.

Tuyên truyền, phổ biến về các thành tựu khoa học, công nghệ cho những người xung quanh,...

+ Các việc HS không nên làm:

Lười biếng, trốn học, nghỉ học tự do.

Sử dụng thành tựu khoa học, công nghệ để thực hiện các hành vi trái pháp luật.

Ngăn cản, phá hoại không cho bạn bè học tập, thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ,...

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi
- Đưa ra ý kiến của bản thân để giải thích cho từng trường hợp cụ thể

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi lần lượt mỗi cặp học sinh sẽ chia sẻ ý kiến của bản thân về một trường hợp, các hs khác có thể bổ sung

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên chốt kiến thức cơ bản trong từng trường hợp

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1. Em hãy thiết kế một khẩu hiệu hoặc vẽ một bức tranh cổ động nhằm tuyên truyền các nội dung của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, giáo dục.

a) Mục tiêu. HS tự giác vận dụng những điều đã học về quy định của Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau suy nghĩ và thiết kế một khẩu hiệu hoặc vẽ một bức tranh cổ động nhằm tuyên truyền các nội dung của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, giáo dục

c) Sản phẩm.

khẩu hiệu hoặc vẽ một bức tranh cổ động nhằm tuyên truyền các nội dung của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, giáo dục.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau suy nghĩ và thiết kế một khẩu hiệu hoặc vẽ một bức tranh cổ động nhằm tuyên truyền các nội dung của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, giáo dục

Thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh làm việc ở nhà, trao đổi suy nghĩ trong nhóm để hoàn thành bài tập

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ sản phẩm của nhóm

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về các nội dung của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, giáo dục

Câu 2. Em hãy viết một bài thuyết trình về trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ môi trường và chia sẻ lại sản phẩm với cả lớp

a) Mục tiêu. HS tự giác vận dụng những điều đã học về quy định của Hiến pháp năm 2013 về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, tìm hiểu các nội dung của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, giáo dục. Viết báo cáo kết quả và chia sẻ lại với cả lớp.

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, viết một bài thuyết trình về trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ môi trường và chia sẻ lại sản phẩm với cả lớp

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân, tìm hiểu các nội dung của Hiến pháp năm 2013 về văn hoá, giáo dục. Viết báo cáo kết quả và chia sẻ lại với cả lớp.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ môi trường.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

BÀI 18. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP VỀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thời lượng: 2 tiết (Bộ kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Về kiến thức

Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước; Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi; Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước; Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm Hiến pháp về bộ máy nhà nước.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được một số vấn đề cơ bản của Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước; Bước đầu đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm công dân khi thực hiện Hiến pháp.
- Yêu nước, tin tưởng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;
- Một số hình ảnh, thông tin, tình huống, khẩu hiệu,... có nội dung liên quan tới bài học;
- Giấy A4, phiếu học tập, đồ dùng sắm vai;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Khai thác vốn sống, trải nghiệm và sự hiểu biết ban đầu của HS về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam để dẫn dắt vào bài học mới.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sau:

Em hãy kể một số cơ quan nhà nước cấp địa phương nơi em sinh sống và chia sẻ hiểu biết của mình về cơ quan đó.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu thấy được vai trò, vị trí của việc quy định về tổ chức bộ máy nhà nước trong Hiến pháp

Trụ sở thôn: quản lý dân cư của một thôn trong địa bàn tỉnh

Ủy ban nhân dân xã: quản lý dân cư của các thôn trên địa bàn xã cả tỉnh

Ủy ban nhân dân huyện: quản lý các thôn và xã trên địa bàn huyện

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sau:

Em hãy kể một số cơ quan nhà nước cấp địa phương nơi em sinh sống và chia sẻ hiểu biết của mình về cơ quan đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Các HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên tổng hợp lại kết quả của từng học sinh,

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Các cơ quan đó là những bộ phận cấu thành bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bài học này sẽ giúp các em tìm hiểu một số quy định của Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước để hiểu rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan này, đồng thời thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần xây dựng bộ máy nhà nước vững mạnh.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

a) Mục tiêu. HS nêu được cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS đóng vai tình huống trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.

Nếu là T, em sẽ trả lời A như thế nào?

c) Sản phẩm.

- HS giải thích được các câu hỏi mà phần thông tin đưa ra

+ Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm nhiều cơ quan tạo thành như: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.

+ Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phân thành 4 cấp: Cấp trung ương gồm có Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) có Hội đồng nhân dân tỉnh (thành phố), Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố), Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (thành phố); cấp huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) có Hội đồng nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), Tòa án nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), Viện kiểm sát nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); cấp xã (phường, thị trấn) có Hội đồng nhân dân xã (phường, thị trấn), Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS đóng vai tình huống trong	1. Cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa

sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi. <i>Nếu là T, em sẽ trả lời A như thế nào?</i> Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc đóng vai để thực hiện đoạn hội thoại - Các học sinh khác trả lời câu hỏi Báo cáo thảo luận - Học sinh đóng vai tình huống và trả lời câu hỏi - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ và kết luận Gv nhấn mạnh: Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm nhiều cơ quan tạo thành như: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.	Việt Nam. Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội Việt Nam gồm nhiều cơ quan, thiết chế tạo thành như: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước. Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội Việt Nam được tổ chức phân cấp phù hợp với các đơn vị hành chính đất nước và gồm 3 nhóm cơ quan tạo thành: cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp.
--	--

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội Việt Nam

a) Mục tiêu. HS nêu được chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu về một cơ quan trong bộ máy nhà nước và trả lời câu hỏi đặt ra cho từng nhóm

Nhóm 1: Cơ quan đại biểu của nhân dân.

1/ Theo em, vì sao Quốc hội và Hội đồng nhân dân được gọi là cơ quan đại biểu của nhân dân?

2/ Hiến pháp quy định chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội và Hội đồng nhân dân là gì? Hãy nêu ví dụ thể hiện chức năng của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Nhóm 2: Cơ quan hành chính nhà nước.

1/ Vì sao Chính phủ và Uỷ ban nhân dân được gọi là cơ quan hành chính nhà nước?

2/ Hiến pháp năm 2013 quy định chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và Uỷ ban nhân dân là gì? Hãy nêu ví dụ thể hiện chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và Uỷ ban nhân dân.

Nhóm 3: Cơ quan tư pháp.

Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân có chức năng, nhiệm vụ gì? Hãy nêu ví dụ thể hiện chức năng, nhiệm vụ đó.

Nhóm 4: Chủ tịch nước.

1/ Theo em, Chủ tịch nước có vị trí, vai trò như thế nào?

2/ Việc Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội thể hiện điều gì?

Nhóm 5: Hội đồng bầu cử quốc gia, kiểm toán nhà nước.

1/ Theo em, vì sao Hiến pháp phải có nội dung quy định về Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước?

2/ Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước có chức năng, nhiệm vụ gì? Hãy nêu ví dụ thể hiện các chức năng, nhiệm vụ đó.

c) Sản phẩm.

- HS trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau.

Nhóm 1: Cơ quan đại biểu của nhân dân.

1/ Quốc hội và hội đồng nhân dân được gọi là cơ quan đại biểu của nhân dân vì đây là các cơ quan do nhân dân trực tiếp bầu ra, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân để

thực hiện quyền lực nhà nước, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước hoặc địa phương và giám sát hoạt động của các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước theo thẩm quyền.

2/ Hiến pháp quy định chức năng của Quốc hội là thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước

Nhóm 2: Cơ quan hành chính nhà nước.

/ Chính phủ và Ủy ban nhân dân được gọi là cơ quan hành chính nhà nước vì Chính phủ và Ủy ban nhân dân là cơ quan hành pháp, có nhiệm vụ tổ chức thi hành các hoạt động của Nhà nước ở cấp trung ương và cấp địa phương.

2/ Hiến pháp quy định: Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Nhóm 3: Cơ quan tư pháp.

Toà án nhân dân có chức năng xét xử, thực hiện quyền tư pháp. Toà án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân

Nhóm 4: Chủ tịch nước.

1/ Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

2/ Việc Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội thể hiện Chủ tịch nước là người chấp hành của Quốc hội, thực hiện các quyết định của Quốc hội và chịu sự giám sát của Quốc hội.

Nhóm 5: Hội đồng bầu cử quốc gia, kiểm toán nhà nước.

1/ Hoạt động bầu cử và tài chính là những vấn đề đặc biệt quan trọng của đất nước, liên quan trực tiếp đến việc tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước và sự phát triển của quốc gia. Do đó, Hiến pháp năm 2013 đã có những nội dung quy định về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước.

2/ Hội đồng bầu cử quốc gia có chức năng, nhiệm vụ: tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu về một cơ quan trong bộ máy nhà nước và trả lời câu hỏi đặt ra cho từng nhóm Nhóm 1: Cơ quan đại biểu của nhân dân. 1/ Theo em, vì sao Quốc hội và Hội đồng nhân dân được gọi là cơ quan đại biểu của nhân dân? 2/ Hiến pháp quy định chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội và Hội đồng nhân dân là gì? Hãy nêu ví dụ thể hiện chức năng của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Nhóm 2: Cơ quan hành chính nhà nước. 1/ Vì sao Chính phủ và Ủy ban nhân dân được gọi là cơ quan hành chính nhà nước? 2/ Hiến pháp năm 2013 quy định chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và Ủy ban nhân dân là gì? Hãy nêu ví dụ thể hiện chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và Ủy ban nhân dân. Nhóm 3: Cơ quan tư pháp. Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân có chức năng, nhiệm vụ gì? Hãy nêu ví dụ thể hiện chức năng, nhiệm vụ đó.	2. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội Việt Nam Cơ quan đại biểu của nhân dân Cơ quan hành chính nhà nước Cơ quan tư pháp Chủ tịch nước Hội đồng bầu cử quốc gia, kiểm toán nhà nước

Nhóm 4: Chủ tịch nước.

1/ Theo em, Chủ tịch nước có vị trí, vai trò như thế nào?

2/ Việc Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội thể hiện điều gì?

Nhóm 5: Hội đồng bầu cử quốc gia, kiểm toán nhà nước.

1/ Theo em, vì sao Hiến pháp phải có nội dung quy định về Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước?

2/ Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước có chức năng, nhiệm vụ gì? Hãy nêu ví dụ thể hiện các chức năng, nhiệm vụ đó.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.
- Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra cho nhóm mình

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên yêu cầu từng nhóm tiến hành làm rõ nội dung của nhóm mình trước cả lớp
- Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét
- Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật ý nghĩa của quy định về văn hóa xã hội đối với công dân

Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về các cơ quan trong bộ máy là nước mang tính Hiến định. Việc thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan này theo quy định của Hiến pháp sẽ góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ văn minh.

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học, có thái độ đúng đắn với việc thực hiện các quy định của Hiến pháp và thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

a. Ý kiến đúng vì bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phân thành 4 cấp:

b. Đúng, vì Điều 69 Hiến pháp năm 2013 quy định: Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

c. Sai, vì quyền miễn nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thuộc về Hội đồng nhân dân, không thuộc về cá nhân Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

d. Đúng, vì khoản 1 Điều 102 Hiến pháp năm 2013 quy định: Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.

e. Đúng, vì Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan duy nhất thực hiện quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân hoạt động theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát nhận mạnh làm nổi bật các quy định của hiến pháp về bộ máy nhà nước.

Câu 2. Em đồng tình hay không đồng tình với các hành vi nào sau đây? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học, có thái độ đúng đắn với việc thực hiện các quy định của Hiến pháp và thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đánh giá hành vi của các nhân vật trong từng tình huống.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Đồng tình vì việc làm của T giúp bạn hiểu rõ hơn các nội dung trong sơ đồ bộ máy nhà nước và giúp T ghi nhớ nội dung tốt hơn.

b. Không đồng tình vì hành vi của M là ích kỉ, không giúp đỡ, hỗ trợ bạn bè.

c. Không đồng tình vì hành vi của V là lười biếng, không thực hiện tốt trách nhiệm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đánh giá hành vi của các nhân vật trong từng tình huống.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát liên quan đến nội dung bài học để hiểu hơn về trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện Hiến pháp

Câu 3. Xử lý tình huống

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học, có thái độ đúng đắn với việc thực hiện các quy định của Hiến pháp và thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học.

b) Nội dung. HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

c) Sản phẩm.

a. H giải thích cho em hiểu Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước và được Nhà nước giao nhiệm vụ thay mặt Nhà nước trong quan hệ đối nội, đối ngoại.

b. Suy nghĩ của V là chưa chính xác, vì vậy c nên giải thích cho V hiểu trẻ em cũng có quyền được đóng góp ý kiến về những vấn đề quan trọng của đất nước và của địa phương, đặc biệt là những vấn đề liên quan trực tiếp đến bản thân mình. Các ý kiến trẻ em đóng góp mà phù hợp thì đều được ghi nhận và xem xét. Chính quyền xã xây dựng trung tâm thể dục - thể thao là để phục vụ cho nhân dân, trong đó có đối tượng thanh thiếu niên. Do đó, nếu tham gia đóng góp ý kiến thì V sẽ được trực tiếp nói lên nguyện vọng của mình và nêu ý kiến, nguyện

vọng đó hợp lí thì có thể được áp dụng trong quá trình xây dựng trung tâm. Vì vậy, V nên tham gia cuộc họp.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi
- Đưa ra ý kiến của bản thân để giải thích cho từng trường hợp cụ thể

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên gọi lần lượt mỗi cặp học sinh sẽ chia sẻ ý kiến của bản thân về một trường hợp, các hs khác có thể bổ sung

Kết luận và nhận định.

Giáo viên chốt kiến thức cơ bản trong từng trường hợp

Câu 4. Em hãy nêu những việc HS nên làm và không nên làm để góp phần xây dựng bộ máy nhà nước vững mạnh.

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học, có thái độ đúng đắn với việc thực hiện các quy định của Hiến pháp và thực hành xử lí tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học.

b) Nội dung. HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

c) Sản phẩm.

+ Những việc HS nên làm: chăm chỉ học tập, rèn luyện bản thân để tương lai đóng góp công sức cho đất nước; tham gia đóng góp ý kiến về những vấn đề quan trọng của Nhà nước khi cần; có thái độ phê phán, tố cáo các hành vi tiêu cực chống phá bộ máy nhà nước,...

+ Những việc HS không nên làm: bao che cho người khác thực hiện các hành vi tiêu cực đối với bộ máy nhà nước; lan truyền các thông tin sai lệch về bộ máy nhà nước,...

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi
- Đưa ra ý kiến của bản thân để giải thích cho từng trường hợp cụ thể

Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi lần lượt mỗi cặp học sinh sẽ chia sẻ ý kiến của bản thân về một trường hợp, các hs khác có thể bổ sung

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên chốt kiến thức cơ bản trong từng trường hợp

4. Hoạt động: Vận dụng

a) Mục tiêu. HS tự giác vận dụng những điều đã học về quy định của Hiến pháp năm 2013 về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. GV yêu cầu HS tìm hiểu và vẽ sơ đồ hệ thống tổ chức của Ủy ban nhân dân địa phương nơi HS đang sống. Vào tiết học sau sẽ chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong của một vài HS trình bày sản phẩm của mình trước cả lớp. Hoặc GV thu lại các sản phẩm của HS và chọn ra một số sản phẩm ấn tượng để giới thiệu với cả lớp.

c) Sản phẩm.

Sơ đồ hệ thống tổ chức của Ủy ban nhân dân địa phương em đang sống.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV yêu cầu HS tìm hiểu và vẽ sơ đồ hệ thống tổ chức của Ủy ban nhân dân địa phương nơi HS đang sống. Vào tiết học sau sẽ chỉ định hoặc lấy tình thần xung phong của một vài HS trình bày sản phẩm của mình trước cả lớp. Hoặc GV thu lại các sản phẩm của HS và chọn ra một số sản phẩm ấn tượng để giới thiệu với cả lớp.

Thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh làm việc ở nhà, trao đổi suy nghĩ trong nhóm để hoàn thành bài tập

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ sản phẩm của nhóm

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về bộ máy nhà nước theo quy định Hiến pháp 2013

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
BÀI 19: ĐẶC ĐIỂM, CẤU TRÚC VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
(Bộ Kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

a) Kiến thức

Nêu được đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam

b) Phẩm chất

Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở địa bằng những việc làm phù hợp

Trách nhiệm: Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với những hành vi thực hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi chống phá, làm tổn hại đến lợi ích

c) Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến hệ thống chính trị Việt Nam.

- Năng lực đặc thù:

+Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước bằng những việc làm phù hợp

+Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: mở đầu

a) Mục tiêu. Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ sau.

Em hãy kể một số hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu biết đánh giá được một số cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị nước ta

* Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh:

Tham gia đóng góp xây dựng bảo vệ chính quyền nhân dân các cấp, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước, vận động đoàn viên thanh niên xung phong, tình nguyện đi đầu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đoàn tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, thông qua hệ thống tổ chức đoàn các cấp từ trung ương đến cơ sở để đề cử những đại biểu ưu tú nhất đại diện cho quyền lợi và tiếng nói của tuổi trẻ vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

Tổ chức Đoàn đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện và tuyệt đối của Đảng.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ sau.

Em hãy kể một số hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Thực hiện nhiệm vụ

Một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là một tổ chức thuộc hệ thống chính trị Việt Nam. Hệ thống chính trị có vai trò chi phối mọi mặt của đời sống chính trị - xã hội của mỗi quốc gia. Bài học sau đây sẽ giúp các em hiểu rõ hơn về cấu trúc, đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam để từ đó có những việc làm đúng đắn góp phần xây dựng hệ thống chính trị Việt Nam vững mạnh.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Cấu trúc hệ thống chính trị Việt Nam

a) Mục tiêu. HS nêu được các yếu tố cấu thành của hệ thống chính trị ở Việt Nam.

b) Nội dung. HS làm việc nhóm, quan sát sơ đồ SGK và trả lời câu hỏi.

Hệ thống chính trị Việt Nam gồm những cơ quan nào? Hãy chia sẻ hiểu biết của em về vị trí của các cơ quan đó trong hệ thống chính trị Việt Nam.

c) Sản phẩm.

- HS giải thích được các câu hỏi mà phần thông tin đưa ra

+ Hệ thống chính trị Việt Nam gồm có các cơ quan, tổ chức như: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam một bộ phận của hệ thống chính trị, đồng thời là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

+ Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là công cụ tổ chức thực hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân để quản lý toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội.

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

+ Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị -

xã hội được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên trong tổ chức.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc nhóm, quan sát sơ đồ SGK và trả lời câu hỏi. <i>Hệ thống chính trị Việt Nam gồm những cơ quan nào? Hãy chia sẻ hiểu biết của em về vị trí của các cơ quan đó trong hệ thống chính trị Việt Nam.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật khái niệm hệ thống chính trị cũng như cấu trúc của nó <i>Gv nhấn mạnh:</i> Hệ thống chính trị nói chung được hiểu là một chỉnh thể các tổ chức chính trị hợp pháp trong xã hội, bao gồm các đảng chính trị, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội được liên kết với nhau trong một hệ thống cấu trúc, chức năng với các cơ chế vận hành và mối quan hệ giữa chúng nhằm thực thi quyền lực chính trị.	1. Cấu trúc của hệ thống chính trị Việt Nam Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một chỉnh thể thống nhất trong đó bao gồm các tổ chức, các thiết chế hợp pháp có quan hệ về mục đích và chức năng thực hiện hoặc tham gia thực hiện quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước. Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam

a) Mục tiêu. HS nêu được nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

Nhóm 1: Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam

Nhóm 2: Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân..

Nhóm 3: Nguyên tắc tập trung dân chủ.

Nhóm 4: Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung của từng nhóm
- HS rút ra được các nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.	2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

<i>Nhóm 1: Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam</i> <i>Nhóm 2: Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân..</i> <i>Nhóm 3: Nguyên tắc tập trung dân chủ.</i> <i>Nhóm 4: Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật đặc điểm của từng vai trò <i>Gv nhấn mạnh:</i> Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.	Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam đối với nhà nước và xã hội Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Nguyên tắc tập trung dân chủ. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.
---	---

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Đặc điểm của hệ thống chính trị

a) Mục tiêu. HS nêu được các đặc điểm của hệ thống chính trị.

b) Nội dung. HS làm việc nhóm, HS thảo luận nhóm mỗi nhóm đọc một thông tin cùng với trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời các câu hỏi trong SGK:

Nhóm 1,2: Tính nhất nguyên chính trị

1/ Em hiểu như thế nào là nhất nguyên chính trị?

2/ Trong hệ thống chính trị Việt Nam, tính nhất nguyên chính trị được thể hiện như thế nào?

Nhóm 3,4: Tính thống nhất.

1/ Em hiểu thế nào là tính thống nhất?

2/ Tính thống nhất được thể hiện như thế nào trong hệ thống chính trị Việt Nam?

Nhóm 5,6: Tính nhân dân

1/ Em hiểu thế nào là tính nhân dân?

2/ Tính nhân dân được biểu hiện như thế nào trong hệ thống chính trị Việt Nam?

c) Sản phẩm.

Nhóm 1,2: Tính nhất nguyên chính trị

1/ Nhất nguyên chính trị là quan điểm khẳng định, thừa nhận một hệ tư tưởng, một đường lối của một đảng phái đại diện cho một giai cấp về thể chế chính trị. Điều này thể hiện sự lãnh đạo thống nhất, tuyệt đối của một đảng đối với Nhà nước và xã hội. Thông qua Nhà nước, đường lối của Đảng đó được cụ thể hoá, thể hiện tập trung ý chí, quyền lực của giai cấp giữ vai trò lãnh đạo. Gắn liền với nhất nguyên chính trị là một Đảng, một Nhà nước giữ vai trò lãnh đạo, quản lý xã hội.

2/ Trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay chỉ tồn tại một đảng chính trị, đó là Đảng Cộng sản Việt Nam. Tất cả hệ thống chính trị đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nhóm 3,4: Tính thống nhất.

1/ Tính thống nhất thể hiện sự phù hợp, nhất quán, gắn kết thành một khối, không có sự mâu thuẫn của một tổng thể chung.

2/ Hệ thống chính trị Việt Nam do duy nhất một đảng nắm quyền và lãnh đạo là Đảng Cộng sản Việt Nam. Tất cả các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị đều hoạt động vì mục tiêu chung: dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung, thống nhất; các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị được tổ chức và hoạt động chặt chẽ, nhất quán từ trung ương xuống địa phương;...

Nhóm 5,6: Tính nhân dân

1/ Tính nhân dân là khái niệm chỉ mối liên hệ sâu xa, lâu bền của một lĩnh vực nào đó (văn hoá, chính trị,...) với lợi ích, tư tưởng, tình cảm, vai trò,... của đông đảo các tầng lớp nhân dân.

2/ Tính nhân dân được biểu hiện trong hệ thống chính trị Việt Nam: Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị được nhân dân lập ra; Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động để phục vụ cho lợi ích của nhân dân, tồn tại vì sự tham gia tích cực của nhân dân.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc nhóm, HS thảo luận nhóm mỗi nhóm đọc một thông tin cùng với trường hợp sách giáo khoa đưa ra và trả lời các câu hỏi trong SGK: <i>Nhóm 1,2: Tính nhất nguyên chính trị</i> 1/ Em hiểu như thế nào là nhất nguyên chính trị? 2/ Trong hệ thống chính trị Việt Nam, tính nhất nguyên chính trị được thể hiện như thế nào? <i>Nhóm 3,4: Tính thống nhất.</i> 1/ Em hiểu thế nào là tính thống nhất? 2/ Tính thống nhất được thể hiện như thế nào trong hệ thống chính trị Việt Nam? <i>Nhóm 5,6: Tính nhân dân</i> 1/ Em hiểu thế nào là tính nhân dân? 2/ Tính nhân dân được biểu hiện như thế nào trong hệ thống chính trị Việt Nam? Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin, trường hợp đưa ra và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật vai trò của từng đặc điểm của hệ thống chính trị	2. Đặc điểm của hệ thống chính trị + Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, đồng thời là tổ chức giữ vai trò lãnh đạo của cả hệ thống chính trị Việt Nam; + Thống nhất về tổ chức lãnh đạo, mục tiêu chính trị, nguyên tắc tổ chức và hoạt động,...; + Cơ quan, tổ chức gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ cho lợi ích của nhân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

<i>Hệ thống chính trị Việt Nam có các đặc điểm: Do duy nhất Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; được xây dựng trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ; bảo đảm sự thống nhất giữa bản chất của giai cấp công nhân và tính nhân dân, tính dân tộc rộng rãi.</i>	
--	--

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức tham gia xây dựng hệ thống chính trị một cách phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

a.Sai, vì hệ thống chính trị Việt Nam gồm nhiều cơ quan, tổ chức cấu thành. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

b.Sai, vì hệ thống chính trị Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Những vấn đề quan trọng của đất nước phải được thông qua ý kiến của tập thể (trong đó có những vấn đề phải lấy ý kiến của nhân dân như việc sửa đổi Hiến pháp,...).

c. Đúng, vì thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát, nhân dân có thể đánh giá được hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, kịp thời phát hiện những sai phạm và khiếu nại, yêu cầu các tổ chức, cơ quan điều chỉnh, sửa chữa.

d. Đúng, vì hệ thống chính trị hoạt động để phục vụ cho tất cả mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội nên mọi người đều phải có trách nhiệm xây dựng, bảo vệ hệ thống.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về hệ thống chính trị.

Câu 2: Em có nhận xét gì về hành vi của mỗi nhân vật trong những tình huống sau?.

a) Mục tiêu. HS củng cố tri thức vừa khám phá về cấu trúc, đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam; Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống; Liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh thái độ, hành vi thực hiện nghĩa vụ của bản thân đối với hệ thống chính trị Việt Nam.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

a. Việc ông K tự ý quyết định cho phép khai thác đất đá mà không thông qua ý kiến tập thể, không tiếp thu ý kiến đóng góp, khiếu nại của nhân dân là hoàn toàn sai. Ở Việt Nam, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các cán bộ nhà nước là đại diện để nhân dân thực thi quyền lực của mình. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, khi quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, của địa phương, lãnh đạo chính quyền phải lấy ý kiến tập thể, ý kiến của nhân dân.

b. Việc làm của ông D là đúng, đảm bảo nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam. Đồng thời, thông qua những việc làm đó, xã B sẽ đánh giá được hiệu quả các hoạt động của chính quyền địa phương, kịp thời điều chỉnh, khắc phục những hoạt động chưa tốt, chưa phù hợp với nhân dân và xây dựng những hoạt động có hiệu quả hơn.

c. Việc làm của giáo viên H là đúng, vì đã giúp HS nâng cao ý thức, trách nhiệm của mình trong việc xây dựng và bảo vệ hệ thống chính trị Việt Nam cũng như giúp các em tránh phạm phải những sai lầm đáng tiếc.

d. Hành vi của bà X là sai trái, đáng bị phê phán. Bà X đã không hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của một công dân, lợi dụng chức vụ để vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến lợi ích của nhân dân và đất nước

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về hệ thống chính trị.

Câu 3: Em hãy xử lý các tình huống sau

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến hoạt động của hệ thống chính trị

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, đọc tình huống 1 và 2, suy nghĩ và trả lời câu hỏi theo nội dung tình huống đặt ra.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Việc làm của người bạn N là sai trái, do đó N nên từ chối yêu cầu của bạn và giải thích cho bạn hiểu việc chia sẻ các thông tin thất thiệt, nói xấu chính quyền là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến bản thân và đến đất nước. N khuyên bạn không nên tiếp tục xem và chia sẻ những thông tin như vậy để tránh bị các đối tượng xấu lợi dụng dẫn đến vi phạm pháp luật.

b. Thái độ, suy nghĩ của Đ và một số bạn trong lớp như vậy là sai, không thực hiện trách nhiệm của HS với hệ thống chính trị đất nước. Vì vậy, lớp trưởng nên giải thích cho Đ và các bạn hiểu về vị trí và vai trò của Đảng trong lịch sử và hệ thống chính trị nước ta; khẳng định việc tham gia cuộc thi tìm hiểu về Đảng sẽ mang lại nhiều thông tin bổ ích, đồng thời là cơ hội để mọi người được thử thách và rèn luyện năng lực của bản thân,... Lớp trưởng cần động viên, thuyết phục các bạn tham gia hoạt động.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm, đọc tình huống 1 và 2, suy nghĩ và trả lời câu hỏi theo nội dung tình huống đặt ra.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về mỗi nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

4. Hoạt động: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy viết một bài luận thể hiện vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đối với việc xây dựng và phát triển hệ thống chính trị nước ta hiện nay..

a) Mục tiêu. HS tự giác vận dụng những kiến thức đã học về đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. GV hướng dẫn gợi ý cho HS có thể viết về một hoạt động cụ thể có ý nghĩa của đoàn thanh niên. Dung lượng bài khoảng một phần hai trang và nêu rõ thời hạn nộp bài.

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân về vai trò của của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đối với việc xây dựng và phát triển hệ thống chính trị nước ta hiện nay

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn gợi ý cho HS có thể viết về một hoạt động cụ thể có ý nghĩa của đoàn thanh niên. Dung lượng bài khoảng một phần hai trang và nêu rõ thời hạn nộp bài.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về hệ thống chính trị.

Bài tập 2: Em hãy tìm hiểu và chia sẻ về hoạt động ngày hội Đoàn kết dân tộc ở địa phương em..

a) Mục tiêu. HS tự giác vận dụng những kiến thức đã học về đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. GV hướng dẫn tìm hiểu về hoạt động trong ngày hội Đoàn kết toàn dân tộc và viết bài chia sẻ về ý nghĩa của hoạt động đó

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân về hoạt động ngày hội Đoàn kết toàn dân tộc và viết bài chia sẻ về ý nghĩa của hoạt động đó

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn tìm hiểu về hoạt động trong ngày hội Đoàn kết toàn dân tộc và viết bài chia sẻ về ý nghĩa của hoạt động đó

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về vai trò hệ thống chính trị ở cơ sở

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

BÀI 20: ĐẶC ĐIỂM, NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(Bộ Kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

a) Kiến thức

Nêu được đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCNVN

c) Phẩm chất

Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Trách nhiệm: Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với những hành vi thực hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước.

b) Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước bằng những việc làm phù hợp

Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Khai thác vốn sống, trải nghiệm, sự hiểu biết ban đầu của HS về đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và dẫn dắt vào bài học mới.

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

Em hãy kể tên các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chia sẻ hiểu biết của mình về một trong các cơ quan đó

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu biết đưa ra một số hiểu biết của mình về bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ trung ương đến cơ sở

- Là hệ thống cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, được tổ chức theo nguyên tắc tập trung thống nhất tạo thành một cơ chế đồng bộ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.

- Bộ máy Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước, Tòa án, Viện kiểm sát, chính quyền địa phương.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

Em hãy kể tên các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chia sẻ hiểu biết của mình về một trong các cơ quan đó

Thực hiện nhiệm vụ

Một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm nhiều cơ quan, thiết chế tạo thành như: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân. Các cơ quan này có chức năng, nhiệm vụ khác nhau nhưng có mối liên hệ gắn bó, phối hợp, kiểm soát lẫn nhau để thực hiện các chức năng của Nhà nước. Bài học này sẽ giúp em biết được đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước để từ đó thực hiện được những việc làm phù hợp, góp phần xây dựng bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Mục tiêu. Học sinh nêu được nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

b) Nội dung. HS theo nhóm, mỗi nhóm đi sâu tìm hiểu một nguyên tắc, cùng trao đổi và làm rõ những nội dung cơ bản của nguyên tắc đó và trả lời được câu hỏi mà sách giáo khoa đưa ra cho mỗi nguyên tắc.

Nhóm 1: Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Nhóm 2 : Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát

Nhóm 3 : Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân

Nhóm 4 : Nguyên tắc tập trung dân chủ

Nhóm 5 : Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

c) Sản phẩm.

Học sinh nêu bật được đặc điểm của từng nguyên tắc

Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát

Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân

Nguyên tắc tập trung dân chủ

Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ HS theo nhóm, mỗi nhóm đi sâu tìm hiểu một nguyên tắc, cùng trao đổi và làm	1. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước + <i>Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng</i>

rõ những nội dung cơ bản của nguyên tắc đó và trả lời được câu hỏi mà sách giáo khoa đưa ra cho mỗi nguyên tắc. <i>Nhóm 1: Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> <i>Nhóm 2 : Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát</i> <i>Nhóm 3 : Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân</i> <i>Nhóm 4 : Nguyên tắc tập trung dân chủ</i> <i>Nhóm 5 : Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa:</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra của nhóm mình. - Xác định những nội dung cơ bản để làm nổi bật đặc điểm mà nhóm phụ trách Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm tiến hành báo cáo nội dung được phụ trách - Các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện nếu thấy cần thiết Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật vai trò của từng đặc điểm của hệ thống chính trị Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.	<i>Cộng sản Việt Nam</i>: là một nguyên tắc hiến định trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Việt Nam. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước được thể hiện qua các phương diện như: Đảng đề ra đường lối, chủ trương, phương hướng cho Nhà nước; Đảng chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát hoạt động của Nhà nước; Đảng đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, giới thiệu nhân sự vào các vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước,... + <i>Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát</i>: Quyền lực nhà nước được phân chia thành quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và được giao cho các cơ quan tương ứng thực hiện một cách độc lập nhưng có sự phối hợp, kiểm soát, giám sát lẫn nhau để thực hiện quyền lực nhà nước, đảm bảo mục tiêu chung phục vụ nhân dân và phục vụ dân tộc. + <i>Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân</i>: Nguyên tắc này khẳng định nhân dân Việt Nam là người thành lập ra Nhà nước, trao quyền cho Nhà nước và kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước. + <i>Nguyên tắc tập trung dân chủ</i>: được tổ chức, hoạt động trong sự phối kết hợp giữa các yếu tố dân chủ và tập trung với hàng loạt các hình thức và chế độ như: chế độ lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách; thiểu số phục tùng đa số; cấp dưới phục tùng cấp trên; thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số,... + <i>Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa</i>: Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật.
--	---

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Đặc điểm của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Mục tiêu. HS nêu được đặc điểm của bộ máy nhà nước .

b) Nội dung. HS theo nhóm, mỗi nhóm đi sâu tìm hiểu một đặc điểm, cùng trao đổi và làm rõ những nội dung cơ bản của đặc điểm đó và trả lời được câu hỏi mà sách giáo khoa đưa ra cho mỗi đặc điểm.

Nhóm 1: Tính thống nhất.

Nhóm 2 : Tính nhân dân.

Nhóm 3 : Tính quyền lực.

Nhóm 4 : Tính pháp quyền XHCN.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được những đặc điểm cơ bản của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS theo nhóm, mỗi nhóm đi sâu tìm hiểu một đặc điểm, cùng trao đổi và làm rõ những nội dung cơ bản của đặc điểm đó và trả lời được câu hỏi mà sách giáo khoa đưa ra cho mỗi đặc điểm. Nhóm 1: Tính thống nhất. Nhóm 2 : Tính nhân dân. Nhóm 3 : Tính quyền lực. Nhóm 4 : Tính pháp chế XHCN. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra của nhóm mình. - Xác định những nội dung cơ bản để làm nổi bật đặc điểm mà nhóm phụ trách Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm tiến hành báo cáo nội dung được phụ trách - Các nhóm khác có thể bổ sung và hoàn thiện nếu thấy cần thiết Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật khái niệm hệ thống chính trị cũng như cấu trúc của nó <i>Gv nhấn mạnh:</i> Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm các cơ quan: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương, Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước.	2. Đặc điểm của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam + <i>Tính thống nhất:</i> Bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện tính thống nhất trong tổ chức và hoạt động. Hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước được sắp xếp, tổ chức thống nhất từ trung ương xuống địa phương và đều chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. + <i>Tính nhân dân:</i> Bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân thành lập nên, được nhân dân uỷ quyền để thực hiện việc quản lí Nhà nước và xã hội. Mọi hoạt động của các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước đều nhằm mục đích phục vụ cho lợi ích của nhân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân. + <i>Tính quyền lực:</i> Tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam mang tính quyền lực. Điều đó được thể hiện ở việc phân chia quyền lực nhà nước cho các cơ quan nhà nước để thực hiện những chức năng, nhiệm vụ riêng biệt. Đồng thời, thể hiện qua việc các cơ quan, cá nhân ở cấp dưới bắt buộc phải phục tùng, phải thực hiện các nhiệm vụ, quyết định của cấp trên. + <i>Tính chế quyền xã hội chủ nghĩa:</i> Bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay mang tính pháp chế xã hội chủ nghĩa. Thực hiện quản lí mọi mặt của đời sống xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Hoạt động: Luyện tập

Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lí tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức tham gia xây dựng bộ máy nhà nước một cách phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

a. Sai, vì chỉ có công dân Việt Nam, không bị giới hạn về năng lực xã hội (ví dụ: không bị giam giữ do vi phạm pháp luật) và đủ 21 tuổi trở lên mới có quyền ứng cử vào bộ máy nhà nước.

b. Đúng, vì tất cả cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam đều hoạt động vì mục đích chung là lợi ích của nhân dân, hoạt động theo quy định của pháp luật. Vì vậy, nhân dân có quyền khiếu nại, tố cáo nếu không đồng tình với các quyết định của các cơ quan trong bộ máy nhà nước.

c. Đúng, vì bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức phân cấp. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước sử dụng quyền lực nhà nước được phân chia để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, cơ quan cấp dưới phải thực hiện chủ trương, quyết định của cơ quan cấp trên.

d. Sai, vì những vấn đề quan trọng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước được quyết định bởi tập thể, người lãnh đạo không được quyền tự ý quyết định.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về bộ máy nhà nước.

Câu 2: Em đồng tình hay không đồng tình với những hành vi nào sau đây? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến hoạt động của bộ máy nhà nước.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, đọc tình huống, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Đồng tình vì hành vi của N là đúng. Chia sẻ, bày tỏ quan điểm ủng hộ các bài viết có nội dung mang tính thời sự của các cơ quan trong bộ máy nhà nước là việc làm giúp mọi người biết, ủng hộ và thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước.

b. Đồng tình vì hành vi của D là đúng. Các tài liệu có nội dung tiêu cực về bộ máy nhà nước thường được các đối tượng phản động sử dụng để chống phá Nhà nước, đây là hành vi pháp luật nghiêm cấm. D từ chối in tài liệu là từ chối tiếp tay cho những hành vi xấu.

c. Không đồng tình vì hành vi của ông A là sai, không làm tròn trách nhiệm của một cán bộ nhà nước. Việc ông A giữ im lặng, không góp ý khiến lãnh đạo cơ quan không nhận ra sai phạm trong quyết định của mình để thu hồi, thay đổi. Điều đó có thể gây nên những hậu quả xấu về nhiều mặt, làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan và lợi ích của nhân dân.

d. Đồng tình vì việc làm của chính quyền địa phương c là đúng. Việc xây dựng dự án cho trẻ em nên xuất phát từ lợi ích, mong muốn của trẻ em. Khi lấy ý kiến của HS vào hoạt động đó sẽ phát huy được quyền làm chủ của các em đối với những vấn đề quan trọng có liên quan đến bản thân.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, đọc tình huống, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

Câu 3. Em hãy đọc tình huống sau và trả lời câu hỏi.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến hoạt động của bộ máy nhà nước.

b) Nội dung. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra giải pháp xử lý tình huống hoặc GV cũng có thể tổ chức cho HS thực hiện sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống ngay trong kịch bản.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Hành vi đọc những tin tức có nội dung sai lệch về cán bộ lãnh đạo cơ quan nhà nước trên mạng xã hội là sai trái. Vì vậy, K nên giải thích cho các bạn hậu quả của việc tuyên truyền những bài viết có nội dung xấu trên mạng xã hội (vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến đất nước,...) và khuyên các bạn không nên tiếp tục thực hiện hành vi sai trái đó nữa. Hoặc K có thể chia sẻ vấn đề với GV chủ nhiệm và nhờ thầy cô hỗ trợ,...

b. Việc các cán bộ tiếp dân tỏ ra đang bận việc, không nhiệt tình trả lời thắc mắc của bác cao tuổi là sai, không thực hiện trách nhiệm của một cán bộ nhà nước. Do đó, T nên nói chuyện với các cán bộ tiếp dân, nhắc lại vấn đề mà bác cao tuổi thắc mắc và đề nghị các cán bộ hỗ trợ. Hoặc T khiếu nại về thái độ của các cán bộ đó với các lãnh đạo xã để họ điều chỉnh, thay đổi.

c. Phòng cháy, chữa cháy là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Việc một số hộ dân từ chối kí bản cam kết phòng cháy, chữa cháy là không nên. Do đó, nếu chứng kiến sự việc, em nên giải thích cho mọi người hiểu trách nhiệm của bản thân trong việc phòng cháy, chữa cháy và vận động mọi người kí bản cam kết.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra giải pháp xử lý tình huống hoặc GV cũng có thể tổ chức cho HS thực hiện sắm vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống ngay trong kịch bản.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo nhóm

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1. Em hãy viết một bài luận thể hiện vai trò của người dân trong việc góp phần xây dựng bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh.

a) Mục tiêu. HS tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo trong việc xây dựng bộ máy nhà nước

b) Nội dung. GV hướng dẫn gợi ý cho HS có thể viết bài thể hiện rõ vai trò của người dân trong việc góp phần xây dựng bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh. Dung lượng bài khoảng một phần hai trang và nêu rõ thời hạn nộp bài.

c) Sản phẩm.

- Bài luận thể hiện vai trò của người dân trong việc góp phần xây dựng bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn gợi ý cho HS có thể viết bài thể hiện rõ vai trò của người dân trong việc góp phần xây dựng bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh. Dung lượng bài khoảng một phần hai trang và nêu rõ thời hạn nộp bài.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về bộ máy nhà nước.

Câu 2. Em hãy viết bài chia sẻ tác dụng tích cực của việc cải cách hành chính ở địa phương em.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học về đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước vào thực tiễn cuộc sống để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và hoàn thiện bài viết thể hiện tác dụng tích cực của việc cải cách hành chính ở địa phương em.

c) Sản phẩm.

- Bài chia sẻ tác dụng tích cực của việc cải cách hành chính ở địa phương em.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và hoàn thiện bài viết thể hiện tác dụng tích cực của việc cải cách hành chính ở địa phương em

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời học sinh tiến hành hoạt động

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về bộ máy nhà nước.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

**Bài 21: QUỐC HỘI, CHỦ TỊCH NƯỚC, CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(Bộ Kết nối tri thức)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

a) Kiến thức

Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội, chính phủ và chủ tịch nước.

b) Phẩm chất

Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Trách nhiệm: Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với những hành vi thực hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước.

c) Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước.

Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những việc làm phù hợp

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, GV yêu cầu HS kể một số hoạt động của Quốc hội (hoặc Chủ tịch nước, Chính phủ) trong thực tiễn và chia sẻ ý nghĩa của hoạt động đó

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu biết đưa ra một số hiểu biết của mình về bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

- Một số hoạt động của Quốc Hội:

Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp

Làm luật và sửa đổi luật

Quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước

Giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

- Chủ tịch nước:

Thay mặt nước CHXHCNVN về đối nội, đối ngoại

Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh

Tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước ngoài,...

- Chính phủ: thực thi pháp luật; ban hành chính sách, kế hoạch, các văn bản dưới luật để thực thi các chủ trương, chính sách do Quốc hội ban hành; thiết lập trật tự hành chính;...

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân, GV yêu cầu HS kể một số hoạt động của Quốc hội (hoặc Chủ tịch nước, Chính phủ) trong thực tiễn và chia sẻ ý nghĩa của hoạt động đó

Thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ là các thiết chế có vị trí đặc biệt quan trọng. Những vị trí này được xác định trên cơ sở quy định của Hiến pháp và luật. Việc tìm hiểu về chức năng, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là cơ sở quan trọng để mỗi chúng ta định hướng hành vi phù hợp, góp phần xây dựng bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Chức năng của Quốc hội nước

a) **Mục tiêu.** HS nêu được chức năng của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

b) **Nội dung.** Học sinh cùng làm việc theo nhóm mỗi nhóm đi sâu tìm hiểu một chức năng của Quốc hội và trả lời câu hỏi sách giáo khoa đưa ra

Nhóm 1,2: Chức năng lập hiến, lập pháp

1/ Quốc hội đã thực hiện chức năng lập pháp như thế nào trong kì họp thứ 9 Quốc hội khoá XIV?

2/ Chức năng lập hiến, lập pháp của Quốc hội được biểu hiện như thế nào?

Nhóm 3,4: Chức năng giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

1/ Trong nhiệm kì Quốc hội khoá XIV, Quốc hội đã quyết định những vấn đề quan trọng nào của đất nước?

2/ Theo em, Quốc hội có quyền quyết định những vấn đề nào để thực hiện chức năng của mình? Nêu ví dụ minh họa.

Nhóm 5,6: Chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

Theo em, tại sao hoạt động của Nhà nước cần có sự giám sát của Quốc hội?

c) Sản phẩm.

Nhóm 1,2: Chức năng lập hiến, lập pháp

1/ Quốc hội khoá XIV đã thực hiện chức năng lập pháp bằng việc thông qua 10 luật (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Luật Đầu tư (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; Luật Doanh nghiệp (sửa đổi); Luật Hoà giải, đối thoại tại toà án; Luật Thanh niên (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp) tại kì họp thứ 9.

2/ Chức năng lập hiến của Quốc hội được biểu hiện thông qua hoạt động soạn thảo, sửa đổi, bổ sung, thông qua, ban hành Hiến pháp.

Chức năng lập pháp của Quốc hội được biểu hiện thông qua hoạt động lập chương trình xây dựng, soạn thảo, thẩm tra, lấy ý kiến, thông qua, ban hành các văn bản luật.

Nhóm 3,4: Chức năng giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

1/ Trong nhiệm kì Quốc hội khoá XIV, Quốc hội đã quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước như: dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành; dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2017 - 2020; đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030,...

2/ Để thực hiện chức năng của mình, Quốc hội có quyền quyết định các vấn đề như: Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các loại thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ Chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước

Nhóm 5,6: Chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

Quốc hội cần giám sát hoạt động của Nhà nước để đảm bảo các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước hoạt động đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật, thực hiện tốt trách nhiệm của mình; đảm bảo lợi ích của nhân dân và đất nước; kịp thời phát hiện và ngăn chặn các sai phạm không mong muốn,...

- HS rút ra được chức năng của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ	1. Quốc hội

Học sinh cùng làm việc theo nhóm mỗi nhóm đi sâu tìm hiểu một chức năng của Quốc hội và trả lời câu hỏi sách giáo khoa đưa ra

Nhóm 1,2: Chức năng lập hiến, lập pháp

1/ Quốc hội đã thực hiện chức năng lập pháp như thế nào trong kì họp thứ 9 Quốc hội khoá XIV?

2/ Chức năng lập hiến, lập pháp của Quốc hội được biểu hiện như thế nào?

Nhóm 3,4: Chức năng giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

1/ Trong nhiệm kì Quốc hội khoá XIV, Quốc hội đã quyết định những vấn đề quan trọng nào của đất nước?

2/ Theo em, Quốc hội có quyền quyết định những vấn đề nào để thực hiện chức năng của mình? Nêu ví dụ minh hoạ.

Nhóm 5,6: Chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

Theo em, tại sao hoạt động của Nhà nước cần có sự giám sát của Quốc hội?

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.
- Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra
- Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét
- Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật đặc điểm của từng vai trò

Gv nhấn mạnh:

Theo Hiến pháp năm 2013, Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

a. Chức năng của Quốc hội

- Chức năng lập hiến, lập pháp
Quốc hội là cơ quan thực hiện quyền lập hiến và quyền lập pháp. Quyền lập hiến là quyền làm Hiến pháp bao gồm có sửa đổi, bổ sung Hiến pháp hoặc làm Hiến pháp mới. Quyền lập pháp là quyền làm luật, xây dựng luật và ban hành những văn bản luật được áp dụng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước
Quốc hội có quyền quyết định những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; những vấn đề liên quan đến việc xây dựng, phát triển nhà nước và nâng cao đời sống của nhân dân; những vấn đề đối nội, đối ngoại và quốc phòng, an ninh của đất nước.

- Chức năng giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước
Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và giám sát tối cao hoạt động của các cơ quan, thiết chế chính trị do Quốc hội thành lập trong bộ máy nhà nước.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Mục tiêu. HS nêu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

Nhóm 1,2,3: Cơ cấu tổ chức

Theo em, có thể thay đổi vị trí của các thành phần trong sơ đồ trên được không? Vì sao?

Nhóm 4,5,6: Hình thức hoạt động của Quốc hội

1/ Em hãy cho biết, kì họp của Quốc hội có phải là hình thức hoạt động của Quốc hội không? Vì sao?

2/ Nêu các hình thức hoạt động của Quốc hội mà em biết.

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

Nhóm 1,2,3: Cơ cấu tổ chức

Quốc hội có cơ cấu tổ chức được quy định tại Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Mỗi cơ quan, cá nhân trong Quốc hội giữ một vị trí, vai trò riêng và nó được thể hiện rõ trên sơ đồ, vì vậy chúng ta không thể tự ý thay đổi vị trí các thành phần trong sơ đồ.

Nhóm 4,5,6: Hình thức hoạt động của Quốc hội

1/ Kỳ họp là một hình thức hoạt động của Quốc hội. Kỳ họp là nơi biểu hiện trực tiếp và tập trung nhất quyền lực nhà nước của cơ quan đại biểu cao nhất, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất; nơi thể hiện trí tuệ tập thể của đại biểu Quốc hội. Tại kỳ họp, Quốc hội thực hiện đầy đủ các chức năng lập hiến, lập pháp, thảo luận dân chủ và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, thực hiện quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước.

2/ Các hình thức hoạt động của Quốc hội: kỳ họp Quốc hội, phiên họp Quốc hội, cuộc họp Quốc hội.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ <i>Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.</i> Nhóm 1,2,3: Cơ cấu tổ chức của Quốc hội Theo em, có thể thay đổi vị trí của các thành phần trong sơ đồ trên được không? Vì sao? Nhóm 4,5,6: Hình thức hoạt động của Quốc hội 1/ Em hãy cho biết, kỳ họp của Quốc hội có phải là hình thức hoạt động của Quốc hội không? Vì sao? 2/ Nêu các hình thức hoạt động của Quốc hội mà em biết. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật đặc điểm của từng vai trò <i>Gv nhấn mạnh:</i> - Tổng số đại biểu Quốc hội không quá 500 người, bao gồm đại biểu hoạt động chuyên trách và đại biểu hoạt động không chuyên trách. - Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan thường trực của Quốc hội, gồm Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chủ tịch Quốc hội làm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Quốc hội làm Phó Chủ tịch.	2. Quốc hội <i>b. Cơ cấu tổ chức và hoạt động</i> - Cơ cấu tổ chức của Quốc hội Cơ cấu tổ chức của Quốc hội gồm: Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội và các cơ quan giúp việc của Quốc hội. Mỗi cơ quan có cơ cấu tổ chức riêng và hoạt động để thực hiện những nhiệm vụ theo luật định. - Hình thức hoạt động của Quốc hội Quốc hội tổ chức các kỳ họp công khai, làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Trong trường hợp cần thiết, Quốc hội quyết định họp kín. Quốc hội họp thường lệ mỗi năm hai kì. Trường hợp Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội yêu cầu thì Quốc hội họp bất thường.

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Chức năng của chủ tịch nước

a) Mục tiêu. HS nêu được chức năng của Chủ tịch nước

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

Em hãy cho biết, các thông tin trên đề cập đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn gì của Chủ tịch nước.

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

Các thông tin trên đề cập đến những nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước: Công bố luật, pháp lệnh đã được Quốc hội thông qua; Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng nhà nước, danh hiệu vinh dự nhà nước; Tìm hiểu, chia sẻ, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; Bổ nhiệm đại sứ Việt Nam tại nước ngoài.

- HS rút ra được chức năng của Chủ tịch nước

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. <i>Em hãy cho biết, các thông tin trên đề cập đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn gì của Chủ tịch nước.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên kết luận: Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại, do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội.	3. Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam a. <i>Chức năng của chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i> + Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh; + Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ; + Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; + Quyết định đặc xá; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, công bố quyết định đại xá; + Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng Nhà nước, danh hiệu vinh dự Nhà nước; + Quyết định cho nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch hoặc tước quốc tịch Việt Nam; + Thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh; + Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, công bố, bãi bỏ quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh; + Căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể họp được, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương; - Tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm; quyết định cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; 4- Quyết định đàm phán, kí điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; trình Quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều I ước quốc tế; quyết định phê chuẩn, gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế khác nhân danh Nhà

	nước.
--	-------

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Hình thức hoạt động của chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Mục tiêu. HS nêu được hình thức hoạt động của Chủ tịch nước

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

Dựa vào các thông tin trên, em hãy cho biết hình thức hoạt động của Chủ tịch nước là gì.

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

Chủ tịch nước hoạt động thông qua hình thức hoạt động cá nhân trực tiếp, thông qua việc ban hành lệnh, quyết định cho các cơ quan khác triển khai thực hiện hoặc uỷ nhiệm cho Phó Chủ tịch nước thực hiện thay một số nhiệm vụ.

- HS rút ra được hình thức hoạt động của Chủ tịch nước

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. <i>Dựa vào các thông tin trên, em hãy cho biết hình thức hoạt động của Chủ tịch nước là gì.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên kết luận: Chủ tịch nước ban hành lệnh, quyết định để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Khi Chủ tịch nước không làm việc được trong thời gian dài thì Phó Chủ tịch nước giữ quyền Chủ tịch nước. Trong trường hợp khuyết Chủ tịch nước thì Phó Chủ tịch nước giữ quyền Chủ tịch nước cho đến khi Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước mới.	2. Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - <i>Hoạt động của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam:</i> Chủ tịch nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình thông qua các hoạt động cá nhân trực tiếp hoặc thông qua việc ban hành lệnh, quyết định. Đồng thời Chủ tịch nước cũng có thể uỷ nhiệm cho Phó chủ tịch nước thực hiện một số nhiệm vụ thay thế mình.

Nội dung 5: Tìm hiểu nội dung: Chức năng của chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Mục tiêu. HS nêu được chức năng của Chính phủ

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

1/ Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 80/2017/NĐ-CP thể hiện chức năng gì?

2/ Vì sao Chính phủ phải báo cáo với Quốc hội ở phiên họp, kì họp của Quốc hội?

3/ Chức năng hành pháp của Chính phủ là gì? Vì sao Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội?

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

1/ Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 80/2017/NĐ-CP thể hiện chức năng hành pháp của Chính phủ.

2/ Chính phủ phải báo cáo với Quốc hội ở phiên họp, kì họp của Quốc hội vì Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, chịu sự giám sát của Quốc hội.

3/ Chính phủ tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chức năng hành pháp của Chính phủ được thể hiện qua các phương diện như: đề xuất, xây dựng chính sách vĩ mô, đề xuất định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đề xuất dự thảo luật trình Quốc hội; ban hành chính sách, kế hoạch cụ thể theo thẩm quyền, ban hành các văn bản dưới luật để thực thi các chủ trương, chính sách, văn bản do Quốc hội ban hành; tổ chức thực hiện pháp luật; thiết lập trật tự hành chính, thống nhất quản lí nền hành chính quốc gia trên cơ sở quy định của pháp luật,...

Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội vì Chính phủ do Quốc hội bầu ra, chịu sự giám sát của Quốc hội.

- HS rút ra được chức năng của Chính phủ

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. - Trình bày chức năng chính của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Cho biết, chức năng hành pháp của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện như thế nào. - Giải thích tại sao Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là cơ quan chấp hành của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên kết luận: Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.	3. Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam <i>a. Chức năng của chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i> - Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. - Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chức năng hành pháp thông qua: + Đề xuất, xây dựng chính sách vĩ mô, đề xuất định hướng phát triển kinh tế - xã hội trình Quốc hội, trình dự thảo luật trước Quốc hội; + Ban hành chính sách, kế hoạch cụ thể theo thẩm quyền của Chính phủ; ban hành các văn bản dưới luật để thực thi các chủ trương, chính sách, văn hoá do Quốc hội ban hành; + Tổ chức thực hiện pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện kế hoạch, chính sách bởi các cơ quan hành chính nhà nước nhằm thống nhất quản lí các lĩnh vực của đời sống xã hội; + Thiết lập trật tự hành chính, thống nhất quản lí nền hành chính quốc gia trên cơ sở các quy định của pháp luật.

Nội dung 6: Tìm hiểu nội dung: Cơ cấu tổ chức và hoạt động của chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Mục tiêu. HS nêu cơ cấu tổ chức và hoạt động của Chính phủ

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

Dựa vào sơ đồ 2, em hãy trình bày cơ cấu tổ chức của Chính phủ. Kể tên các bộ và cơ quan ngang bộ của nước ta hiện nay.

1/ Chính phủ hoạt động theo hình thức nào?

2/ Việc Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số thể hiện nguyên tắc gì trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

+ Chính phủ gồm: Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Cơ cấu tổ chức của Chính phủ gồm các bộ, cơ quan ngang bộ.

+ Các bộ và cơ quan ngang bộ hiện nay của nước ta: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Ủy ban Dân tộc, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thanh tra Chính phủ, Văn phòng Chính phủ.

1/ Chính phủ hoạt động theo ba hình thức: thông qua các phiên họp của Chính phủ, thông qua hoạt động của Thủ tướng Chính phủ, thông qua hoạt động của bộ trưởng và thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

2/ Việc Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số thể hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- HS rút ra được chức năng của Chính phủ

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ Dựa vào sơ đồ 2, em hãy trình bày cơ cấu tổ chức của Chính phủ. Kể tên các bộ và cơ quan ngang bộ của nước ta hiện nay. 1/ Chính phủ hoạt động theo hình thức nào? 2/ Việc Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số thể hiện nguyên tắc gì trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam? Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên kết luận: Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt	4. Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Cơ cấu tổ chức Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ; chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Chính phủ và những nhiệm vụ được giao. Cơ cấu tổ chức của Chính phủ gồm bộ và cơ quan ngang bộ. Đây là những cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một số ngành, lĩnh vực và các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc. - Hình thức hoạt động Chính phủ hoạt động theo ba hình thức thông qua các

Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.	phiên họp của Chính phủ, thông qua hoạt động của Thủ tướng Chính phủ, thông qua hoạt động của bộ trưởng và thủ tướng cơ quan ngang bộ. Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.
--	--

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?:

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức tham gia xây dựng bộ máy nhà nước một cách phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

a. Đúng, vì Quốc hội thực hiện quyền lập pháp bằng cách trực tiếp xây dựng, thảo luận, thông qua các văn bản pháp luật hoặc thảo luận, thông qua các văn bản pháp luật do các cơ quan có thẩm quyền soạn thảo, xây dựng.

b. Sai, vì chỉ có công dân từ đủ 18 tuổi trở lên mới được tham gia biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân.

c. Đúng, vì nhân dân bầu ra đại biểu Quốc hội. Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ là đại biểu Quốc hội và được các đại biểu Quốc hội khác bầu nên. Do đó, nhân dân là người gián tiếp bầu ra Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyên giao nhiệm vụ

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về tài chính cá nhân.

Câu 2. Em có nhận xét gì về hành vi của mỗi nhân vật trong những tình huống sau.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến hoạt động của bộ máy nhà nước.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, đọc tình huống, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Hành vi của B là đúng. Việc làm của B giúp người dân hiểu rõ và chính xác quy định quản lý, sử dụng pháo của Chính phủ.

b. Hành vi của A là đúng đắn, rất đáng noi theo. Việc xem tường thuật phiên chất vấn của đại biểu Quốc hội giúp A có thêm nhiều thông tin bổ ích về tình hình đất nước.

c. Hành vi của bà N là sai, đáng phê phán. Không ai có quyền được bỏ phiếu bầu cử thay người khác, trừ một số trường hợp theo luật định.

d. Việc làm của K là đúng vì thực hiện tốt trách nhiệm, nghĩa vụ công dân đối với các cơ quan trong bộ máy nhà nước.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, đọc tình huống, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

Câu 3. Em hãy xử lý các tình huống sau:

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến hoạt động của bộ máy nhà nước.

b) Nội dung. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra giải pháp xử lý tình huống hoặc GV cũng có thể tổ chức cho HS thực hiện sắm vai thể' hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống ngay trong kịch bản.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Ý kiến của H như vậy là sai, Đ nên giải thích cho H hiểu về vai trò của Quốc hội đối với đất nước và đối với nhân dân nói chung và đối với HS nói riêng. Đồng thời, khuyên D nên tìm hiểu những thông tin về Quốc hội để phục vụ cho học tập cũng như cuộc sống.

b. V nên giải thích, góp ý để chú H hiểu đúng về vị trí, vai trò của một số lãnh đạo trong bộ máy nhà nước.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung các tình huống, đưa ra giải pháp xử lý tình huống hoặc GV cũng có thể tổ chức cho HS thực hiện sắm vai thể' hiện nội dung tình huống và đưa ra giải pháp xử lý tình huống ngay trong kịch bản.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

Câu 4. Em hãy tìm hiểu và cho biết Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ của nước ta hiện nay là ai.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến hoạt động của chính phủ.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, dựa vào thông tin trên sách báo và mạng xã hội để hoàn thành bài tập

c) Sản phẩm.

Kể tên biết Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ của nước ta hiện nay

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, dựa vào thông tin trên sách báo và mạng xã hội để hoàn thành bài tập

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1. Em và các bạn hãy liệt kê các việc HS có thể làm để góp phần ủng hộ các chính sách của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ đối với người dân ở địa phương em.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân tại nhà liệt kê các việc HS có thể làm để góp phần ủng hộ các chính sách của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ đối với người dân ở địa phương em

c) Sản phẩm.

- Liệt kê được các việc HS có thể làm để góp phần ủng hộ các chính sách của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ đối với người dân ở địa phương em

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân tại nhà liệt kê các việc HS có thể làm để góp phần ủng hộ các chính sách của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ đối với người dân ở địa phương em

Thực hiện nhiệm vụ

- Liệt kê các việc HS có thể làm để góp phần ủng hộ các chính sách của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ đối với người dân ở địa phương em

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về bộ máy nhà nước.

Câu 2. Em hãy viết một bài luận về ý nghĩa của việc Quốc hội tổ chức lấy ý kiến nhân dân khi làm Hiến pháp và chia sẻ sản phẩm với cả lớp.

a) Mục tiêu. HS tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo trong việc xây dựng bộ máy nhà nước

b) Nội dung. GV hướng dẫn gợi ý cho HS viết một bài luận về ý nghĩa của việc Quốc hội tổ chức lấy ý kiến nhân dân khi làm Hiến pháp và chia sẻ sản phẩm với cả lớp.

c) Sản phẩm.

- Bài viết của học sinh, đưa ra những quan điểm và nhận định mang chính kiến của bản thân về vị lãnh đạo đó.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn gợi ý cho HS viết một bài luận về ý nghĩa của việc Quốc hội tổ chức lấy ý kiến nhân dân khi làm Hiến pháp và chia sẻ sản phẩm với cả lớp.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về bộ máy nhà nước.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Bài 22: TÒA ÁN NHÂN DÂN, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

(Bộ Kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

a) Kiến thức

Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân

c) Phẩm chất

Yêu nước: Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Trách nhiệm: Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với những hành vi thực hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp về bộ máy nhà nước.

b) Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần xây dựng và củng cố Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân .

Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân bằng những việc làm phù hợp

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo cá nhân, GV cho HS xem một số hình ảnh hoặc clip phiên tòa xét xử và nêu yêu cầu: *Em hãy chia sẻ những hiểu biết về Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.*

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu biết đưa ra một số hiểu biết của mình về Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc theo cá nhân, GV cho HS xem một số hình ảnh hoặc clip phiên tòa xét xử và nêu yêu cầu: *Em hãy chia sẻ những hiểu biết về Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.*

Thực hiện nhiệm vụ

Một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Toà án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân giữ vai trò tư pháp trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bài học này sẽ giúp các em hiểu về chức năng; biết được cơ cấu tổ chức, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của 2 cơ quan này. Qua đó, có thái độ phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Toà án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những việc làm phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Chức năng của Tòa án nhân dân

a) Mục tiêu. HS nêu được vị trí, chức năng, của Tòa án nhân dân

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa

1/ Toà án nước ta đã thực hiện các hoạt động xét xử nhằm mục đích gì?

2/ Theo em, Toà án nhân dân có những vai trò gì?

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

1/ Hoạt động xét xử của Toà án nhằm mục đích thực hiện quyền tư pháp, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của đất nước.

2/ Toà án thực hiện quyền tư pháp để bảo vệ công lí, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.

- HS rút ra được vị trí, chức năng, của Tòa án

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa 1/ Toà án nước ta đã thực hiện các hoạt động xét xử nhằm mục đích gì? 2/ Theo em, Toà án nhân dân có những vai trò gì? Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét	1. Tòa án nhân dân a. Chức năng của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện quyền tư pháp. Tòa án xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính để bảo vệ công lí, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Đồng thời, Tòa án góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm, các vi phạm

- Giáo viên kết luận: Toà án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lí, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.	pháp luật khác.
--	-----------------

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân

a) Mục tiêu. HS nêu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi đặt ra cho mỗi nhóm

Dựa vào sơ đồ 1 và hình 1, em hãy trình bày cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân.

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

+ Toà án nhân dân được tổ chức thành: Toà án nhân dân tối cao; Toà án nhân dân cấp cao; Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Toà án quân sự các cấp (Toà án quân sự trung ương, Toà án quân sự quân khu và tương đương, Toà án quân sự khu vực).

+ Toà án nhân dân được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử. Toà án xét xử công khai, trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự, Toà án nhân dân có thể xét xử kín. Toà án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn.

- HS rút ra được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ Nhóm 1,2: Tìm hiểu nội dung chức năng của Tòa án - Chức năng của Tòa án nhân dân (TAND): là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Chức năng chính của Tòa án nhân dân là xét xử. - Vai trò của TAND trong đời sống xã hội: Nhân danh nước CHXHCNVN xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình,... theo quy định của pháp luật. Giải quyết các việc khác theo quy định của pháp luật. Nhóm 3,4: Tìm hiểu nội dung Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân - Tòa án nhân dân chia thành 4 cấp: Tối cao, Cấp cao, Tỉnh (tương đương), Huyện (tương đương) * Cơ cấu tổ chức toà án nhân dân: - Cơ cấu tổ chức của Toà án nhân dân tối cao gồm: Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Bộ máy giúp việc; Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng. * Hoạt động của TAND: Toà án nhân dân xét xử công khai, trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự, Toà án nhân dân có thể xét xử kín.	1. Tòa án nhân dân b) Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân Toà án nhân dân được tổ chức thành: Toà án nhân dân tối cao; Toà án nhân dân cấp cao; Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Toà án quân sự. Mỗi tòa án có một cơ cấu tổ chức riêng được quy định trong luật và được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử. Tòa án nhân dân xét xử công khai, trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự, Tòa án nhân dân có thể xét xử kín. Tòa án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ

Toà án xét xử tập thể và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên kết luận: Toà án nhân dân được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử. Toà án xét xử công khai, trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự, Toà án nhân dân có thể xét xử kín. Toà án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn.	tục rút gọn.
--	--------------

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Chức năng của Viện kiểm sát nhân dân

a) Mục tiêu. HS nêu được chức năng của Viện kiểm sát

b) Nội dung. Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi đặt ra cho mỗi nhóm

Nhóm 1,2,3: Tìm hiểu Chức năng thực hành quyền công

1/ Từ các thông tin trên, em hãy cho biết Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hiện chức năng gì.

2/ Chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân là gì?

3/ Nêu ví dụ về việc Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng thực hành quyền công tố tại một phiên toà.

Nhóm 4,5,6: Tìm hiểu Chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp

Em hiểu thế nào về chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân? Nêu ví dụ minh họa.

c) Sản phẩm.

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau

Nhóm 1,2,3: Tìm hiểu Chức năng thực hành quyền công

1/ Việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị mức án cho cặp vợ chồng bạo hành con gái thể hiện chức năng thực hành quyền công tố tại phiên toà (cụ thể là hoạt động buộc tội bị cáo).

2/ Thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Hoạt động thực hành quyền công tố bao gồm: Khởi tố bị can (để có được quyết định khởi tố bị can, cơ quan công tố phải khởi tố vụ án và điều tra, xác minh); Truy tố bị can ra trước toà án trên cơ sở kết quả điều tra vụ án và chứng minh được người phạm tội; Buộc tội bị cáo và bảo vệ sự buộc tội trước phiên toà bằng cách công bố bản cáo trạng, tham gia xét hỏi, trình bày lời luận tội và tranh luận trước phiên toà sơ thẩm (nếu vụ án bị kháng cáo hoặc kháng nghị thì có mặt để tham gia xét hỏi và trình bày lời kết luận về kháng cáo, kháng nghị trước phiên toà phúc thẩm).

3/ Ví dụ về việc Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng thực hành quyền công tố tại một phiên toà: Kiểm sát viên luận tội, buộc tội bị cáo tại phiên toà.

Nhóm 4,5,6: Tìm hiểu Chức năng kiểm sát hoạt động tố pháp

Kiểm sát hoạt động tư pháp là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự; trong việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi đặt ra cho mỗi nhóm Nhóm 1,2,3: Tìm hiểu Chức năng thực hành quyền công tố 1/ Từ các thông tin trên, em hãy cho biết Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hiện chức năng gì. 2/ Chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân là gì? 3/ Nêu ví dụ về việc Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng thực hành quyền công tố tại một phiên tòa. Nhóm 4,5,6: Tìm hiểu Chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp Em hiểu thế nào về chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân? Nêu ví dụ minh họa. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên kết luận: Viện Kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.	2. Viện kiểm sát nhân dân a. Chức năng của Viện Kiểm sát <i>- Chức năng thực hành quyền công tố</i> Thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Hoạt động thực hành quyền công tố bao gồm: Khởi tố bị can(để có được quyết định khởi tố bị can, cơ quan công tố phải khởi tố vụ án và điều tra, xác minh). Truy tố bị can ra trước tòa án trên cơ sở kết quả điều tra vụ án và chứng minh được người phạm tội; Buộc tội bị cáo và bảo vệ sự buộc tội trước phiên tòa bằng cách công bố bản cáo trạng, tham gia xét hỏi, trình bày lời luận tội và tranh luận trước phiên tòa sơ thẩm (nếu vụ án bị kháng cáo hoặc kháng nghị thì có mặt để tham gia xét hỏi và trình bày lời kết luận về kháng cáo, kháng nghị trước phiên tòa phúc thẩm). <i>- Chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp</i> Kiểm sát hoạt động tư pháp là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự; trong việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân

- a) Mục tiêu.** HS nêu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát
- b) Nội dung.** Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi đặt ra cho mỗi nhóm

Dựa vào sơ đồ 2 và thông tin trên, em hãy trình bày cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân.

- c) Sản phẩm.**
- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo một số nội dung sau
 - + Hệ thống Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam bao gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự các cấp (Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện kiểm sát quân sự khu vực và tương đương, Viện kiểm sát quân sự khu vực).
 - + Viện kiểm sát nhân dân do Viện trưởng lãnh đạo. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp trên. Viện trưởng các Viện kiểm sát cấp dưới chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh cùng làm việc theo nhóm cùng nhau đọc và tìm hiểu các thông tin trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi đặt ra cho mỗi nhóm <i>Dựa vào sơ đồ 2 và thông tin trên, em hãy trình bày cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên kết luận: Hệ thống Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam bao gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự các cấp (Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện kiểm sát quân sự khu vực và tương đương, Viện kiểm sát quân sự khu vực).	2. Viện kiểm sát nhân dân <i>b) Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân</i> Hệ thống Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam bao gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự. Cơ cấu tổ chức các Viện kiểm sát do luật định, tuy nhiên tất cả các Viện kiểm sát đều do Viện trưởng lãnh đạo. Viện Kiểm sát nhân dân do Viện trưởng lãnh đạo. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp trên. Viện trưởng các Viện kiểm sát cấp dưới chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết các ý kiến dưới đây đúng hay sai. Vì sao?

- a) Mục tiêu.** HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức tham gia xây dựng các cơ quan tư pháp một cách phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được ý kiến của bản thân và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

a. Sai, vì Tòa án nhân dân được phân chia thành các cấp (Tòa án nhân dân huyện, Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân tối cao,... và Tòa án chuyên trách), do đó khi cần, người dân cần nộp đơn ở tòa án phù hợp để được giải quyết vấn đề của bản thân.

b. Đúng, vì Viện kiểm sát nhân dân là một bộ phận của bộ máy nhà nước, được tổ chức và hoạt động theo pháp luật. Viện kiểm sát cấp trên có trách nhiệm kiểm tra, xử lý nghiêm minh vi phạm pháp luật của Viện kiểm sát cấp dưới. Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên có quyền rút, đình chỉ, hủy bỏ quyết định trái pháp luật của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp dưới. Do đó, nếu không chấp thuận, đồng tình với quyết định của Viện kiểm sát, người dân có thể khiếu nại lên Viện kiểm sát cấp cao hơn.

c. Đúng, vì một số phiên tòa liên quan đến trẻ em cần bảo mật những thông tin liên quan đến trẻ em để tránh gây ảnh hưởng tới cuộc sống hoặc tương lai sau này của trẻ em nên được xét xử kín.

d. Sai, vì trong một số trường hợp, bản án của Tòa án có thể xảy ra sai sót và sẽ được hủy bỏ.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về các cơ quan tư pháp.

Câu 2. Em đồng tình hay không đồng tình với hành vi nào sau đây? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến hoạt động của các cơ quan tư pháp.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, đọc tình huống, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân và trả lời câu hỏi

- Đưa ra quan điểm của mình về hành vi của các nhân vật trong tình huống trên.

- Em hãy liệt kê những việc có thể làm để đảm bảo nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Không đồng tình vì hành vi của cán bộ Viện kiểm sát A là sai, vi phạm pháp luật, đáng bị phê phán. Hành vi đó đã tiết lộ các thông tin của vụ án, có thể sẽ gây ảnh hưởng xấu đến quá trình điều tra vụ án.

b. Đồng tình vì hành vi của chị B là đúng, thực hiện tốt trách nhiệm của bản thân trong công việc, đảm bảo quyền lợi của nhân dân.

c. Đồng tình vì thông qua các phiên tòa giả định về bạo lực học đường, HS được cung cấp kiến thức bổ ích về pháp luật, nâng cao ý thức trong phòng, chống bạo lực học đường.

d. Đồng tình vì việc làm của ông N có thể sẽ hỗ trợ kiểm sát viên phát hiện một số sai sót (nếu có) và đưa ra những quyết định chính xác hơn.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập.

HS làm việc cá nhân, đọc tình huống, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

Câu 3. Xử lý tình huống.

a) **Mục tiêu.** HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến hoạt động của cơ quan tư pháp.

b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân, đọc tình huống, suy nghĩ và trả lời được câu hỏi cho từng tình huống

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

c) Sản phẩm.

a. Suy nghĩ của B là không đúng, N nên giải thích cho B hiểu việc đi xem xét xử vụ án ma túy sẽ giúp nâng cao nhận thức về pháp luật và những vấn đề liên quan, có thể giúp bản thân và những người xung quanh tránh phạm phải những sai lầm tương tự trong tương lai. N nên thuyết phục B cùng đi xem.

b. Suy nghĩ của mẹ H là sai lầm và có thể dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật. H nên giải thích để mẹ hiểu anh trai đã làm sai nên cần phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, đây cũng là cơ hội để anh được uốn nắn, thay đổi hành vi, sống tích cực hơn. Khuyến mẹ không nên nhờ người làm giả giấy tờ, cung cấp lời khai giả vì đây là những hành vi trái với quy định của pháp luật và nếu mẹ H cố tình thực hiện thì có thể bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, đọc tình huống, suy nghĩ và trả lời được câu hỏi cho từng tình huống

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1. Em hãy viết bài luận tuyên truyền nhiệm vụ bảo vệ công lí của Tòa án nhân dân và chia sẻ với thầy cô cùng các bạn.

a) **Mục tiêu.** HS tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo trong việc tham gia xây dựng và củng cố hệ thống các cơ quan tư pháp.

b) **Nội dung.** GV hướng dẫn gợi ý cho HS có thể viết bài thuyết trình thể hiện quan điểm cá nhân trong việc xây dựng, bảo vệ Tòa án nhân dân

c) Sản phẩm.

- Bài luận tuyên truyền nhiệm vụ bảo vệ công lí của Tòa án nhân dân và chia sẻ với thầy cô cùng các bạn

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn gợi ý cho HS có thể viết bài thuyết trình thể hiện quan điểm cá nhân trong việc xây dựng, bảo vệ Toà án nhân dân

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về cơ quan tư pháp.

Câu 2. Em hãy viết bài luận tuyên truyền chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân nhằm đảm bảo xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật

a) Mục tiêu. HS tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách chủ động, sáng tạo trong việc tham gia xây dựng và củng cố hệ thống các cơ quan tư pháp.

b) Nội dung. GV hướng dẫn gợi ý cho HS có thể viết bài tuyên truyền chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân nhằm đảm bảo xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật

c) Sản phẩm.

- Bài luận tuyên truyền chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân nhằm đảm bảo xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn gợi ý cho HS có thể viết bài tuyên truyền chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân nhằm đảm bảo xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, bài viết phải thể hiện rõ quan điểm của bản thân

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về cơ quan tư pháp.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

BÀI 23. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN

(Bộ Kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

a) Kiến thức

Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

c) Phẩm chất

Yêu nước: Tin tưởng, sẵn sàng thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân trong mối quan hệ với hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân;

Trách nhiệm: Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với những hành vi thực hiện đúng, không đồng tình, phê phán các hành vi vi phạm quy định của Hiến pháp và pháp luật về hoạt động và tổ chức của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân;

b) Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội : Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động góp phần xây dựng và củng cố Bộ máy chính quyền ở cơ sở .

Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được quyền và nghĩa vụ của công dân đối trong mối quan hệ với Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân nơi mình sinh sống bằng những việc làm phù hợp

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

GV yêu cầu HS chia sẻ một số hoạt động của Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi em sinh sống và cho biết ý nghĩa của hoạt động đó.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu biết đưa ra một số hiểu biết của mình các đơn vị hành chính từ tỉnh thành phố trở xuống như:

- Ủy ban nhân dân phường: *“UBND do Hội đồng nhân dân bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương...”*, được thể hiện ở hai phương diện:

UBND là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.

UBND là cơ quan thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước, chấp hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) cùng cấp cũng như những văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên với tư cách là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

- Chức năng quản lý nhà nước là chức năng duy nhất của UBND vì quản lý nhà nước là hoạt động chủ yếu, thống nhất, bao trùm lên toàn bộ hoạt động của UBND trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tuy nhiên chỉ giới hạn trong phạm vi một địa phương, một vùng lãnh thổ nhất định.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

GV yêu cầu HS chia sẻ một số hoạt động của Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi em sinh sống và cho biết ý nghĩa của hoạt động đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân là bộ máy chính quyền ở địa phương, gắn bó trực tiếp với đời sống nhân dân. Đây là hai cơ quan có vai trò quan trọng và có nhiều đóng góp thiết thực vào việc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bài học này sẽ giúp các em tìm hiểu về chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân để hiểu rõ hơn về bộ máy chính quyền địa phương của nước ta và có những việc làm phù hợp để thực hiện quyền và nghĩa vụ của bản thân đối với các cơ quan này.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Chức năng của Hội đồng nhân dân

a) Mục tiêu. HS nêu được chức năng của Hội đồng nhân dân.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

1/ Hội đồng nhân dân thành phố X đã thực hiện chức năng như thế nào?

2/ Từ thông tin trên, em hãy cho biết Hội đồng nhân dân có chức năng gì. Em hiểu như thế nào về chức năng này?

c) Sản phẩm.

- Hội đồng nhân dân có 2 chức năng quan trọng:

1/ Hội đồng nhân dân thành phố X đã xem xét về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng 6 tháng đầu năm; quyết định phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2020 của thành phố; quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền.

2/ Chức năng của Hội đồng nhân dân:

+ Hội đồng nhân dân quyết định những vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

+ Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương như: các biện pháp khác để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn theo quy định của pháp luật; quyết định biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong phạm vi được phân quyền; biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân trên địa bàn,...

+ Hội đồng nhân dân thực hiện việc giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của cấp trên; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp và văn bản của Hội đồng nhân dân cấp dưới. Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát thông qua các hoạt động như: xem báo cáo công tác, xem xét trả lời chất vấn, thành lập đoàn giám sát,...

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi 1/ <i>Hội đồng nhân dân thành phố X đã thực hiện chức năng như thế nào?</i> 2/ <i>Từ thông tin trên, em hãy cho biết Hội đồng nhân dân có chức năng gì. Em hiểu như thế nào về chức năng này?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật khái niệm vai trò, vị trí của Hội đồng nhân dân. Gv nhấn mạnh: Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.	1. Hội đồng nhân dân a) Chức năng của Hội đồng nhân dân Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương như: các biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn theo quy định của pháp luật; quyết định biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong phạm vi được phân quyền; biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác với công dân trên địa bàn, và thực hiện quyền giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của cấp trên.
--	--

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Cơ cấu tổ chức và hoạt động của hội đồng nhân dân

a) Mục tiêu. Học sinh nêu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của hội đồng nhân dân.

b) Nội dung. HS làm việc nhóm, HS thảo luận nhóm, các nhóm quan sát sơ đồ kết hợp đọc thông tin và trả lời các câu hỏi trong SGK:

Nhóm 1,2: Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân

Dựa vào sơ đồ 1, em hãy trình bày cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân.

Nhóm 3,4: Hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Hội đồng nhân dân hoạt động theo hình thức nào? Hình thức hoạt động đó thể hiện nguyên tắc nào trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

c) Sản phẩm.

Học sinh chỉ ra được

Nhóm 1,2: Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân.

+ Hội đồng nhân dân được tổ chức gồm: Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân.

+ Thường trực Hội đồng nhân dân có cơ cấu tổ chức gồm: Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên.

+ Các Ban của Hội đồng nhân dân gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên.

Nhóm 3,4: Hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Hội đồng nhân dân hoạt động theo hình thức các kì họp, phiên họp, cuộc họp công khai. Hình thức hoạt động này thể hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc nhóm, HS thảo luận nhóm, các nhóm quan sát sơ đồ kết hợp đọc thông tin và trả lời các câu hỏi trong SGK: Nhóm 1,2: Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân <i>Dựa vào sơ đồ 1, em hãy trình bày cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân.</i> Nhóm 3,4: Hoạt động của Hội đồng nhân dân. <i>Hội đồng nhân dân hoạt động theo hình thức nào? Hình thức hoạt động đó thể hiện nguyên tắc nào trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật cơ cấu tổ chức của hội đồng nhân dân Hội đồng nhân dân được phân chia thành ba cấp: Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn	1. Hội đồng nhân dân <i>b) Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân</i> Hội đồng nhân dân gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở địa phương bầu ra. Hội đồng nhân dân được tổ chức gồm: Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân. Thường trực Hội đồng nhân dân có cơ cấu tổ chức gồm: Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy viên. <i>c) Hoạt động của Hội đồng nhân dân</i> Hoạt động của Hội đồng nhân dân do luật định. Hội đồng nhân dân họp mỗi năm hai kì chính và tổ chức các cuộc họp chuyên đề khi có việc phát sinh đột xuất. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề bằng hình thức thảo luận, biểu quyết lấy ý kiến tập thể.

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Chức năng của Ủy ban nhân dân

a) Mục tiêu. HS nêu được chức năng của Ủy ban nhân dân .

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và trường hợp trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

1/ Ủy ban nhân dân tỉnh X đã thực hiện chức năng của mình như thế nào?

2/ Từ thông tin trên, em hãy cho biết Ủy ban nhân dân có chức năng gì. Em hiểu như thế nào về chức năng này?

c) Sản phẩm.

1/ Ủy ban nhân dân tỉnh X đã thực hiện chức năng của mình bằng việc ban hành công văn triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng thời yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đề nghị các cơ quan Đảng, đoàn thể trên địa bàn tỉnh kịp thời phổ biến, quán triệt, triển khai nội dung của Nghị quyết.

2/ Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và trường hợp trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi 1/ Ủy ban nhân dân tỉnh X đã thực hiện chức năng của mình như thế nào? 2/ Từ thông tin trên, em hãy cho biết Ủy ban nhân dân có chức năng gì. Em hiểu như thế nào về chức năng này? Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật khái niệm vai trò, vị trí của Hội đồng nhân dân. Gv nhấn mạnh: Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên	2. Ủy ban nhân dân a) <i>Chức năng của Ủy ban nhân dân</i> Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra; là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

Nội dung 6: Tìm hiểu nội dung: Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân

a) Mục tiêu. Học sinh nêu được cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân.

b) Nội dung. HS làm việc nhóm, HS thảo luận nhóm, các nhóm đọc một thông tin và trả lời các câu hỏi trong SGK:

Nhóm 1,2: Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân

1/ Dựa vào sơ đồ 2, em hãy nêu cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân.

2/ Kể tên một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân địa phương em.

Nhóm 3,4: Hoạt động của Ủy ban nhân dân

Ủy ban nhân dân hoạt động theo hình thức nào? Nêu ví dụ minh họa.

c) Sản phẩm.

Nhóm 1,2: Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân

1/ Ủy ban nhân dân gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên phụ trách cơ quan chuyên môn, Ủy viên phụ trách công an, Ủy viên phụ trách quân sự.

2/ Một số cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân: Ban Địa chính, xây dựng; Ban Tư pháp, hộ tịch; Ban Văn hoá - Xã hội, Ban Tài chính, ngân sách,...

Nhóm 3,4: Hoạt động của Ủy ban nhân dân

Ủy ban nhân dân hoạt động tập thể thông qua các cuộc họp thường kì hằng tháng hoặc các cuộc họp chuyên đề khi có việc phát sinh; hoạt động thông qua hoạt động cá nhân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các thành viên khác trong Ủy ban nhân dân.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc nhóm, HS thảo luận nhóm, các nhóm đọc một thông tin và trả lời các câu hỏi trong SGK: Nhóm 1,2: Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân 1/ Dựa vào sơ đồ 2, em hãy nêu cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân. 2/ Kể tên một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân địa phương em. Nhóm 3,4: Hoạt động của Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân hoạt động theo hình thức nào? Nêu ví dụ minh họa. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật cơ cấu tổ chức của ủy ban nhân dân Tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách kết hợp với chế độ thủ trưởng, thể hiện qua các hoạt động: Hoạt động tập thể của Ủy ban nhân dân; Hoạt động của Chủ tịch và các thành viên của Ủy ban nhân dân.	2. Ủy ban nhân dân b) Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên phụ trách cơ quan chuyên môn (Tư pháp; Tài chính - Kế hoạch; Tài nguyên và môi trường; Lao động - Thương binh và Xã hội; Văn hóa và Thông tin,...), Ủy viên phụ trách công an, Ủy viên phụ trách quân sự. c) Hoạt động của Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân hoạt động theo luật định. Mỗi tháng Ủy ban nhân dân họp một lần và có thể tổ chức họp chuyên đề khi có công việc phát sinh đột xuất. Ủy ban nhân dân quyết định các vấn đề bằng hình thức biểu quyết lấy ý kiến tập thể.

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?:

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lí tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học để hình thành ý thức tham gia xây dựng chính quyền địa phương một cách phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

a. Đúng, vì Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân, chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

b. Sai, vì Hội đồng nhân dân ở các địa phương có cơ cấu tổ chức giống nhau nhưng số lượng thành viên khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm, tính chất của từng vùng.

c. Đúng, vì nhân dân bỏ phiếu bầu ra các đại biểu Hội đồng nhân dân, nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua hoạt động của các đại biểu Hội đồng nhân dân.

d. Sai, vì khi quyết định các vấn đề quan trọng của cơ quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phải thông qua ý kiến của tập thể.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát những vấn đề mà mỗi công dân cần lưu ý khi tìm hiểu về hội đồng nhân dân.

Câu 2. Em đồng tình hay không đồng tình với các hành vi nào sau đây? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến hoạt động của ủy ban nhân dân.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho vấn đề đặt ra

c) Sản phẩm.

a. Không đồng tình, vì hành vi của anh T là sai, chưa thực hiện đúng quyền và trách nhiệm của công dân trong việc xây dựng và phát triển bộ máy nhà nước. Hành vi đó khiến kết quả bầu cử bị ảnh hưởng, việc lựa chọn đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương không công bằng và đạt hiệu quả không cao.

b. Đồng tình, vì việc làm của các cán bộ thuộc Ủy ban nhân dân xã A là đúng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân địa phương.

c. Đồng tình, vì hành vi của ông H là đúng đắn, tôn trọng và chấp hành pháp luật, không lợi dụng chức vụ để giải quyết việc riêng.

d. Đồng tình, vì việc làm của M phát huy tinh thần làm chủ, phát huy trách nhiệm của HS trong việc quyết định những vấn đề liên quan đến bản thân tại địa phương.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, đọc tình huống, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

Câu 3. Em hãy xử lý các tình huống sau:

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng chính quyền địa phương.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được

a. Việc mẹ T làm hộ T các thủ tục hành chính sẽ khiến T mất đi cơ hội để nâng cao hiểu biết, rèn luyện kỹ năng của bản thân. Do đó, T nên giải thích cho mẹ hiểu về quyền và mong muốn của bản thân, thuyết phục mẹ hướng dẫn mình tự tới Ủy ban nhân dân xã để thực hiện các thủ tục hành chính khi cần để rèn luyện thêm kỹ năng, bổ sung thêm kiến thức phục vụ cho học tập và cuộc sống.

b. Việc cán bộ thôn mời H tham dự cuộc họp để lấy ý kiến đóng góp về việc xây dựng chương trình, chính sách cho trẻ em trong tỉnh là một việc làm tích cực, phát huy quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân, tạo điều kiện cho trẻ em được tham gia đóng góp ý kiến về những vấn đề của chính mình. Do đó, em nên giải thích cho H hiểu tầm quan trọng của việc trẻ em được tham gia đóng góp ý kiến trong việc xây dựng các chương trình, chính sách cho trẻ em ở địa phương, khuyên H nên tham gia cuộc họp để nói lên tâm tư, nguyện vọng của bản thân để đảm bảo quyền và lợi ích của bản thân cũng như những trẻ em khác.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 từ) bày tỏ nguyện vọng của bản thân về quyền trẻ em đề gửi tới đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện nơi em đang sinh sống.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu. Bài viết cần thể hiện những ý kiến, quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra

c) Sản phẩm.

- Bước đầu xác định được mối quan hệ giữa đại biểu Hội đồng nhân dân và cử tri

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu. Bài viết cần thể hiện những ý kiến, quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và viết bài

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về chính quyền địa phương.

Câu 2. Em hãy tìm hiểu và viết bài luận về việc thực hiện thủ tục hành chính một cửa ở Ủy ban nhân dân xã/ phường nơi em sinh sống.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm tại nhà, cùng suy nghĩ về việc thực hiện thủ tục hành chính một cửa ở Ủy ban nhân dân xã/ phường nơi em sinh sống.

c) Sản phẩm.

- Bước đầu xác định vai trò của chức năng của chính quyền địa phương

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm tại nhà, cùng suy nghĩ về việc thực hiện thủ tục hành chính một cửa ở Ủy ban nhân dân xã/ phường nơi em sinh sống.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và viết bài

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ bài viết của mình

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về chính quyền địa phương

BÀI ÔN TẬP GIỮA KỲ 2 **(Bộ kết nối tri thức với cuộc sống)**

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.

1. Về mục tiêu:

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ II lớp 10; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình

- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

- Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác,

- HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình.

2. Năng lực cần hướng tới :

- Năng lực chung:

+ *Tự chủ và tự học* để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra

+ *Giao tiếp và hợp tác* trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ *Giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó

Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

3. Phẩm chất:

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

Ôn tập các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 2 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 11: Khái niệm, đặc điểm và vai trò của pháp luật

Bài 12: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam

Bài 13: Thực hiện pháp luật

Bài 14; Giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 15: Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 16: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp

Bài 17: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, môi trường

III. HÌNH THỨC ÔN TẬP:

1. Củng cố kiến thức cơ bản

- Giáo viên củng cố lại các kiến thức cơ bản của từng bài dưới dạng sơ đồ tư duy
- Khắc sâu những kiến thức cần nhớ để ôn tập và kiểm tra

2. Luyện tập một số dạng câu hỏi ôn tập

- Câu hỏi trắc nghiệm
- Câu hỏi tình huống

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhớ lại những kiến thức cơ bản đã học trong nửa đầu học kỳ 2

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”

Em hãy nhắc lại những kiến thức cơ bản từ bài 11 đến bài số 17

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”

Luật chơi:

- Chia lớp thành 2 nhóm: Nhóm A và B. Trong vòng 5 phút các em lần lượt lên bảng những đơn vị kiến thức mà mình đã được học

- Đại diện nhóm lên trình bày những sản phẩm mà nhóm mình tìm được.

Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiến hành chia nhóm, phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm
- Các thành viên tham gia làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

Báo cáo và thảo luận

- Các học sinh trong nhóm lần lượt lên trình bày
- Học sinh cử đại diện nhóm lần lượt trình bày các câu trả lời.

Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá, về mặt nhận thức của học sinh đối với các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ tóm tắt củng cố lại các đơn vị kiến thức đã học

a. Mục tiêu:

- HS củng cố lại được các đơn vị kiến thức đã học trong các bài 11 đến bài 17

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm mỗi nhóm sẽ tiến hành vẽ sơ đồ tư duy cho 1 bài
- Học sinh làm việc theo nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được những đơn vị kiến thức cơ bản của từng bài để củng cố bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị trước tại nhà theo các nhóm

Bài 11: Khái niệm, đặc điểm và vai trò của pháp luật

Bài 12: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam

Bài 13: Thực hiện pháp luật

Bài 14: Giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 15: Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 16: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp

Bài 17: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, môi trường

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm, các nhóm trình bày ra tờ giấy A0 để chuẩn bị trình bày vào tiết sau

- Khuyến khích các cách trình bày sáng tạo và độc đáo

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình.
- Giáo viên đánh giá kết quả của từng nhóm

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Giới thiệu một số sơ đồ tư duy để tham khảo

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Luyện tập câu hỏi trắc nghiệm và tình huống

a. Mục tiêu:

- HS biết vận dụng kiến thức vào làm bài tập cụ thể
- Giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tiễn

b. Nội dung:

- GV cho học sinh làm việc cá nhân, các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi trắc

nghiệm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh trả lời được câu hỏi, biết vận dụng các kiến thức để có thể giải quyết các tình huống trong thực tiễn

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm một số bài tập dưới đây

Câu 1: Bất kì ai trong điều kiện hoàn cảnh nhất định cũng phải xử sự theo khuôn mẫu được pháp luật quy định phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?

A. Tính cưỡng chế.

B. Tính quyền lực bắt buộc chung.

C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây là sai khi nói về vai trò quản lý xã hội của pháp luật?

A. Vì pháp luật đảm bảo tính công bằng dân chủ.

B. Vì pháp luật có tính phổ biến bắt buộc chung.

C. Vì pháp luật bảo đảm phù hợp với lợi ích chung.

D. Vì pháp luật không bao giờ thay đổi.

Câu 3: Những người có hành vi không đúng quy định của pháp luật sẽ bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để buộc họ phải tuân theo. Điều này thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính quy phạm phổ biến.

B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

C. Hiệu lực tuyệt đối.

D. Khả năng đảm bảo thi hành cao.

Câu 4: Tất cả mọi cá nhân, tổ chức ai cũng phải xử sự theo pháp luật. Điều đó thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính công khai.

B. Tính dân chủ.

C. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 5: Luật cơ bản của nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất là gì?

A. Nghị định.

B. Chỉ thị.

C. Hiến pháp.

D. Thông tư.

Câu 6: Tất cả mọi cá nhân, tổ chức nếu vi phạm pháp pháp luật đều phải bị xử lý như nhau. Điều đó thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính quyền lực bắt buộc chung.

B. Tính công khai.

C. Tính dân chủ.

D. Tính qui phạm phổ biến.

Câu 7: Nội dung nào dưới đây là một trong những yếu tố cấu thành cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam?

A. Nghị quyết.

B. Chế định luật.

C. Thông tư.

D. Hướng dẫn.

Câu 8: Nội dung nào dưới đây là một trong những yếu tố cấu thành cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam?

A. Nghị quyết liên tịch.

B. Quy phạm pháp luật.

C. Thông tư liên tịch.

D. Điều lệ Đoàn thanh niên.

Câu 9: Cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam **không** gồm nội dung nào sau đây?

A. Nghị định

B. Ngành luật

C. Chế định luật

D. Quy phạm pháp luật

Câu 10: Tập hợp các quy phạm pháp luật có đặc tính chung để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội được gọi là

A. Ngành luật.

B. chế định pháp luật.

C. quy phạm pháp luật.

D. cấu trúc pháp luật

Câu 11: Về cấu trúc hệ thống pháp luật bao gồm các ngành luật, các chế định pháp luật và các

A. quy phạm pháp luật.

B. quyết định xử phạt.

C. thông tư liên tịch.

D. nghị quyết liên tịch.

Câu 12: Nội dung nào sau đây thuộc cấu trúc hệ thống pháp luật?

A. chế định pháp luật

B. quy tắc xử sự chung

C. quy định chung ở nhiều nơi

D. áp dụng với tất cả các đối tượng

Câu 13: Về hình thức, hệ thống pháp luật được thể hiện qua các văn bản

A. quy phạm pháp luật.

B. ngành luật.

C. chế định pháp luật.

D. hệ thống pháp luật

Câu 14: Là người kinh doanh, ông A luôn áp dụng đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường. Vậy, ông A đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Thi hành pháp luật.

B. Áp dụng pháp luật.

C. Sử dụng pháp luật.

D. Tôn trọng pháp luật.

Câu 15: Phát hiện một cơ sở kinh doanh cung cấp thực phẩm không đảm bảo an toàn vệ sinh, T đã báo với cơ quan chức năng để kiểm tra và kịp thời ngăn chặn. T đã thực hiện hình thức

A. thi hành pháp luật **B.** tuân thủ pháp luật. **C.** áp dụng pháp luật. **D.** sử dụng pháp luật.

Câu 16: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A.** Từ chối kê khai thông tin dịch tễ. **B.** Ủy quyền nghĩa vụ bầu cử.
C. Hỗ trợ việc cấp đổi căn cước. **D.** Hỗ trợ người nhập cảnh trái phép.

Câu 17: Công dân thi hành pháp luật khi

- A.** ủy quyền nghĩa vụ bầu cử. **B.** hoàn thiện hồ sơ đăng kiểm.
C. tìm hiểu thông tin nhân sự. **D.** sàng lọc giới tính thai nhi.

Câu 18: Hành vi nào dưới đây thể hiện công dân sử dụng pháp luật?

- A.** Người kinh doanh trốn thuế phải nộp phạt.
B. Công ty X thực hiện nghĩa vụ đóng thuế theo quy định pháp luật.
C. Các bên tranh chấp phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình .
D. Anh A và chị B đến tòa án để li hôn.

Câu 19: Công dân tuân thủ pháp luật khi từ chối

- A.** sử dụng vũ khí trái phép. **B.** nộp thuế đầy đủ theo quy định.
C. bảo vệ an ninh quốc gia. **D.** thực hiện nghĩa vụ bầu cử.

Câu 20: Trong hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, văn bản pháp luật nào có giá trị pháp lý cao nhất?

- A.** Hiến pháp. **B.** Luật nhà nước.
C. Luật tổ chức Quốc hội. **D.** Luật tổ chức Hội đồng nhân dân.

Câu 21: Hiến pháp đầu tiên của nước ta được ban hành vào năm nào?

- A.** 1946. **B.** 1945. **C.** 1947. **D.** 1950.

Câu 22: Bản Hiến pháp hiện hành của nước ta là năm nào?

- A.** 2013. **B.** 1980. **C.** 1992. **D.** 2001.

Câu 23: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là văn bản quy phạm pháp luật do

- A.** Chủ tịch nước ban hành **B.** Quốc hội ban hành.
C. Thủ tướng chính phủ giới thiệu. **D.** Mặt trận tổ quốc ban hành

Câu 24: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định những vấn đề

- A.** cơ bản và quan trọng nhất. **B.** cơ bản và cụ thể hóa mọi vấn đề.
C. quan trọng nhất đối với ngân sách. **D.** quan trọng nhất đối với Đảng.

Câu 25: Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, các quy định trong Hiến pháp mang tính

- A.** tuyên ngôn. **B.** bất biến. **C.** kinh tế. **D.** kinh doanh.

Câu 25: Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, các quy định trong Hiến pháp mang tính

- A.** cương lĩnh. **B.** cương quyết. **C.** thương mại. **D.** vĩnh cửu.

Câu 26: Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, các quy định trong Hiến pháp mang tính tuyên ngôn, góp phần

- A.** tăng thu ngân sách. **B.** tăng tính quyền lực.
C. điều chỉnh chung. **D.** điều chỉnh cụ thể

Câu 27: Về chế độ chính trị, Hiến pháp 2013 đã khẳng định quyền lực tối cao của nhà nước là thuộc về

- A. Quốc hội. B. Chủ tịch nước. C. Chính phủ. D. Đảng Cộng sản.

Câu 28: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.
B. một nước độc lập, tự do, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.
C. một nước xã hội chủ nghĩa, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.
D. một nước độc lập xã hội chủ nghĩa, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Câu 29: Điều 1, Hiến pháp 2013 khẳng định, Nhà nước Việt Nam là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa, nội dung này đã Hiến định vấn đề nào dưới đây về mặt chế độ chính trị?

- A. Chính thể. B. Chủ quyền. C. Lãnh thổ. D. Đảng chính trị.

Câu 30: Hiến pháp 2013 khẳng định nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước

- A. độc lập. B. trung lập. C. phụ thuộc. D. liên kết.

Câu 31: Chủ thể nào dưới đây bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân?

- A. Nhà nước. B. Chính phủ.
C. Quốc hội. D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 32: Khi đề cập đến lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp 2013 **không** quy định nội dung nào dưới đây?

- A. Đất liền. B. Hải đảo. C. Vùng trời. D. Vùng núi.

Câu 33: Lãnh thổ của Việt Nam được quy định như thế nào trong Hiến pháp?

- A. Thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ bao gồm vùng đất, vùng trời và vùng biển.
B. Thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển, vùng trời.
C. Độc lập và thống nhất lãnh thổ bao gồm vùng đất, vùng trời và vùng biển.
D. Độc lập và thống nhất lãnh thổ bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển, vùng trời.

Câu 34: Hiến pháp năm 2013 quy định lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm

- A. Đất liền, vùng biển và vùng trời.
B. Đất liền, vùng đất và vùng trời.
C. Đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.
D. Đất liền, vùng đất, vùng biển và vùng trời.

Câu 35: Công dân được tham gia bầu cử và ứng cử vào Quốc hội là thực hiện tốt quyền con người trên lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Chính trị. B. Kinh tế. C. Văn hóa. D. Xã hội.

Câu 36: Theo quy định của pháp luật, mọi công dân nếu đủ điều kiện đều được tham quản lý nhà nước và xã hội là góp phần thực hiện tốt quyền con người trên lĩnh vực

- A. Chính trị. B. Dân sự C. Đối ngoại. D. Xã hội.

Câu 37: Theo quy định của pháp luật, mọi công dân nếu đủ điều kiện đều được tham quản lý nhà nước và xã hội là góp phần thực hiện tốt quyền con người trên lĩnh vực

- A. Chính trị. B. Dân sự C. Đối ngoại. D. Xã hội.

Câu 38: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, quyền nào dưới đây phản ánh quyền của công dân trên lĩnh vực chính trị?

- A. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
B. Quyền tự do đi lại, tự do lập hội.
C. Quyền từ chối thừa kế.
D. Quyền cư trú hợp pháp.

Câu 39: Theo nội dung của Hiến pháp 2013, quyền nào dưới đây phản ánh quyền của công dân trên lĩnh vực chính trị?

- A. Quyền bầu cử, ứng cử. B. Quyền tự do kết hôn.

C. Quyền tự do li hôn.

D. Quyền cư trú hợp pháp.

Câu 40: Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, trên lĩnh vực chính trị, mọi công dân đều có quyền được

A. tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

B. cấp vốn để sản xuất kinh doanh.

C. chia đều cổ tức cổ phần.

D. tự do đi lại bất cứ đâu.

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc câu hỏi, ghi kết quả làm bài vào vở
- Trao đổi thảo luận với các bạn xung quang về kết quả làm bài của mình

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu các học sinh trả lời kết quả làm bài của mình.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

3. Hoạt động 3: Định hướng làm bài kiểm tra định kỳ

a. Mục tiêu bài kiểm tra: Học sinh bước đầu hình dung được yêu cầu, mục đích, nhiệm vụ của bài kiểm tra định kỳ. Có kế hoạch ôn tập để làm bài kiểm tra hiệu quả

b. Nội dung kiểm tra

- Phổ biến nội dung kiểm tra
- Hình thức kiểm tra
- Thời gian kiểm tra
- Biểu điểm và các quy định đối với bài kiểm tra

c. Giới hạn kiểm tra:

Kiến thức cơ bản

Bài 11: Khái niệm, đặc điểm và vai trò của pháp luật

Bài 12: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam

Bài 13: Thực hiện pháp luật

Bài 14; Giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 15: Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 16: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp

Bài 17: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, môi trường